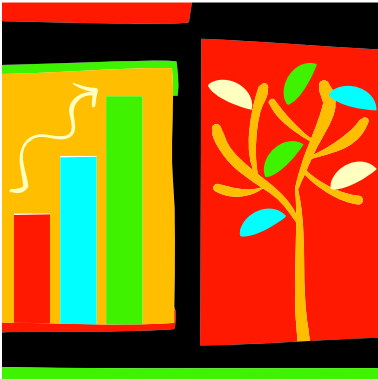


Henry Miller

Thời của những kẻ giết người

Dịch giả: Nguyễn Hữu Hiệu



Tựa

Nghiên cứu về Rimbaud

Đúng một trăm năm trước đây, vào tháng Mười vừa qua, Rimbaud ra đời. Tại Pháp, lễ tưởng niệm đệ bách chu niên được tổ chức một cách ngoạn mục. Những nhà văn lừng danh khắp thế giới đều được mời đến để dự cuộc hành hương tới Charleville, nơi chôn rau cắt rốn của chàng. Những buổi lễ mang tính chất quốc gia đại sự. Về phần Rimbaud, có lẽ chàng cũng trở mình trong mộ. Từ ngày mất đi, phần lớn tác phẩm vĩ đại của Rimbaud đã được dịch ra nhiều thứ tiếng, trong đó có tiếng Thổ Nhĩ Kỳ và tiếng Bengali. Ở bất cứ nơi nào còn biết cảm thi ca và phiêu đảng, tên chàng là một tiếng nói cửa miệng. Trong những năm gần đây, sự sùng bái của những tín đồ Rimbaud đã lên đến những kích thước dị thường và sách biên khảo về cuộc đời và tác phẩm chàng gia tăng bằng những bước nhảy vọt. Không một thi sĩ nào của thời hiện đại có thể nói là đã nhận được sự chú ý và tôn kính nhường ấy.

Từ Một mùa địa ngục và Thần cảm, chỉ có một số ít thơ của chàng tìm được đường vào ngôn ngữ chúng ta. Ngay cả số lượng dịch thuật ít ỏi này cũng đã cho thấy một sự sai biệt sâu xa và không thể tránh được trong cách diễn dịch. Tuy nhiên, dù bút pháp và tư tưởng khó khăn và bất khả lãnh hội đến mức nào chẳng nữa, Rimbaud không phải là không thể dịch được. Khu xử công bình tác phẩm chàng lại là một chuyện khác. Tuy vậy trong Anh ngữ, chúng ta phải tạo ra được một thi sĩ nào khả dĩ có thể làm cho Rimbaud điều mà Baudelaire đã làm cho thơ của Poe, hay Nerval đã làm cho tác phẩm Faust, hoặc Morel và Larbaud đã làm cho Ulysses.

Tôi muốn làm sáng tỏ sự kiện rằng thiên nhiên cứu mông manh này, được viết mười năm về trước, là kết quả của một cuộc dịch thuật thất bại có chủ định cuốn Một mùa địa ngục. Tôi vẫn còn nuôi hy vọng phiên dịch bản văn này bằng một ngôn ngữ sát với ngôn ngữ “mọi đen” của Rimbaud hơn nữa. Những tác giả Really the Blues, hay như Lord Buckley [1] , gần Rimbaud hơn những thi sĩ đã tôn sùng và bắt chước chàng, dầu họ không thể ý thức về điều đó.

Điều Rimbaud đã làm cho ngôn ngữ, chứ không phải chỉ riêng cho thi ca, mới chỉ đang bắt đầu được hiểu. Và theo tôi, dường như được hiểu bởi độc giả nhiều hơn nhà văn. Ít ra là trong xứ sở chúng ta. Hầu như tất cả những thi sĩ Pháp hiện đại đều chịu ảnh hưởng chàng. Quả thực người ta có thể nói rằng thi ca Pháp hiện đại vay mượn Rimbaud tất cả. Tuy nhiên, cho đến nay, chưa có người nào vượt nổi chàng – trong sự táo bạo hay sáng tạo. Một đương kim thi

sĩ duy nhất có thể cho tôi bất kỳ điều gì từ tựa sự thích thú và kích động của Rimbaud là St. John Perse. (Cuốn Vents của ông, đầy đủ một cách kỳ dị, đã được Hugh Chisholm cũng ở tại Big Sur này, dịch).

Bản văn trong sách này tái bản nguyên văn đã xuất hiện trong hai phần trong tác phẩm hàng năm của nhà New Directions, số 9 và 11. Từ đó nó được xuất bản bằng Pháp và Đức ngữ, cả hai ấn bản đều được in tại Thụy Sĩ, [2] một xứ sở kém khả năng giao kết với thiên tài Rimbaud nhất. Trong ấn phẩm này, thứ tự hai phần đã bị đảo ngược. Có lẽ tôi phải nói thêm rằng, mới đầu, tôi định viết thêm hai phần nữa, nhưng tôi đã bỏ ý định ấy.

Tôi thành tâm tin tưởng rằng, giờ đây Hoa Kỳ cần phải làm quen với khuôn mặt thần thoại này hơn bao giờ hết. (Cũng như phải làm quen với một thi sĩ Pháp dị thường khác đã tự tử vào tháng Giêng một trăm năm trước đây; Gérard de Nerval). Chưa bao giờ có một thời đại nào mà đời sống của thi sĩ bị đe dọa hơn ngày nay. Những chủng loại Hoa Kỳ, quả thực, đang ở trong hiểm họa tuyệt diệt hoàn toàn.

Khi Kenneth Rexroth được tin Dylan Thomas mệnh yếu, ông vội vàng viết một bài “Tưởng niệm” nhan đề Người sẽ không được giết người. [3] Được viết trong một trạng thái cảm xúc cùng cực, và không có ý định đem ấn hành, tuy nhiên lập tức được lưu hành và chuyển dịch ra nhiều thứ tiếng. Nếu người nào còn hồ nghi bất cứ điều gì về số phận mà xã hội chúng ta dành cho thi sĩ, hãy để hấn đọc bài “Tưởng niệm” người thi sĩ xứ Welsh, người viết cuốn Chân dung của nghệ sĩ

như một con chó con.

Địa vị và tình cảnh của thi sĩ – tôi dùng chữ theo nghĩa rộng cũng như nghĩa hẹp - hiển nhiên phát lộ trạng thái đích thực sức sống của một dân tộc. Trung Hoa, Nhật Bản, Ấn Độ, Phi châu nguyên thủy, ở đây, thi ca hãy còn không thể tuyệt căn được. Điều mà rõ ràng chúng ta thiếu trong xứ sở này, điều mà chúng ta hãy còn chưa thể ý thức, ngay cả được rằng chúng ta thiếu, ấy là kẻ mơ mộng, một cuồng nhân cảm hứng. Với xiết bao hoan hỉ quái đản, khi đến lúc chôn vùi con người ấy, chúng ta chỉ chú mục vào sự “bất khả thích nghi” của cá nhân đơn độc này, kẻ phản kháng đích thực duy nhất trong một xã hội ruỗng nát! Tuy vậy chính những khuôn mặt này đã mang lại cho từ ngữ “bất khả thích nghi” bị lạm dụng một ý nghĩa.

Trong một bài báo về “Baudelaire chính trị” trong tờ Beaux-Arts, số ngày 25 tháng Giêng, 1955, Maurice Nadeau viết như vậy: “Dans Mon Coeur mis à nu il veut ‘faire sentir sans cesse (qu’il se sent) étranger au monde et ses cultes. C’est le monde de la bourgeoisie dont ‘la morale de comptoir’ lui ‘fait horreur’, ‘un monde goulu, affamé de matérialités, infatué de lui même et qui ne s’aperçoit pas qu’il est entré en décadence, un monde que dans une singlière prophétie il voit de plus en plus ‘américanisé’, ‘voué à l’animalité, où tout ce qui ne sera pas l’ardeur vers Plutus sera réputé un immense ridicule.”

Nét nổi bật của những thi sĩ dẫn đạo của thế kỷ Mười chín và của thế kỷ Hai mươi cũng vậy, là khuynh hướng tiên tri của họ. Khác với Blake và Whitman mà tác phẩm đầy ắp sự xuất thần nhập diệu của

một viễn tượng vũ trụ, những thi sĩ của chúng ta sau này trú ngụ trong tận thâm sơn cùng cốc. Sự quyền rũ của muôn năm trường trị đã ám ảnh những linh tượng gia như Joachim de Flore, Hieronymus Bosch, Pico della Mirandola, và ngày nay cấp bách một cách khiêu khích hơn bao giờ, đã bị thay thế bởi tình trạng nô lệ sự hư vô hoá hoàn toàn. Trong xoáy nước của đêm tối và hỗn mang đang tới - một thứ hỗn độn thực sự - thi sĩ ngày nay rút lui, tự ướp mình trong một thứ ngôn ngữ bí hiểm càng ngày càng trở nên bí hiểm thêm lên mãi. Và vì họ lần lượt tắt ngấm nên những xứ sở sản sinh ra họ nhất định lao đầu xuống dốc.

Việc giết người, vì đúng nó là như vậy, chẳng bao lâu sẽ đi tới chung cục của nó. Vì tiếng nói của thi sĩ trở nên tắc nghẽn, lịch sử mất ý nghĩa của nó và hứa hẹn thế mạt luận bùng lên như một bình minh mới mẻ và đe dọa lên ý thức con người. Chỉ bây giờ, bên mép bờ vực thẳm, người ta mới có thể nhận thức được rằng “tất cả mọi điều người ta dạy chúng ta đều sai lầm”. Bằng chứng của lời phát biểu phá hoại này có thể chứng minh được mỗi ngày trong mọi lãnh vực: trên chiến trường, trong phòng thí nghiệm, trên báo chí, trong trường học, trong nhà thờ. Chúng ta hoàn toàn sống trong quá khứ, được nuôi dưỡng bởi những tư tưởng chết, tín điều chết, hiểu biết chết. Và chính quá khứ nhận chìm chúng ta chứ không phải tương lai. Tương lai bao giờ cũng đã và cũng sẽ thuộc về - thi sĩ.

Có lẽ trong khi chạy trốn khỏi thế giới, Rimbaud gìn giữ tâm hồn chàng khỏi một số phận hẩm hiu hơn số phận dành cho chàng ở Abyssinie. Có lẽ La Chosse Spirituelle, nếu có luôn luôn được khai

quật lên, sẽ cung cấp một đầu mối hiện bây giờ đang thiếu. Có lẽ - biết đâu? – nó sẽ cho chúng ta một sợi dây nối liền Một mùa địa ngục và “Giáng sinh trên trần gian” đó mà xưa có lần đã là thực tại cho chàng thanh niên mơ mộng.

Trong ngôn ngữ tượng trưng của tâm hồn, Rimbaud mô tả tất cả những gì hiện đang xảy ra ngày hôm nay. Theo ý tôi, không có chút tương phản nào giữa viễn tượng của chàng về thế giới và về cuộc sống vĩnh cửu, với viễn tượng của những nhà cải cách tôn giáo vĩ đại. Chúng ta được khích lệ đi khích lệ lại nhiều lần sáng tạo một viễn tượng mới về thiên đàng và trần gian, bắt đầu lại lần nữa, để người chết chôn người chết, sống như huynh đệ ruột thịt, biến Giáng sinh trên trần gian thành một thực tại. Và liên tiếp chúng ta được cảnh tỉnh rằng trừ phi ước vọng về một cuộc sống mới trở thành một xác tín sinh động cho mỗi và tất cả mọi người chúng ta, cuộc sống trần gian không bao giờ có thể là gì hơn một Lò luyện tội hay một Địa ngục. Một vấn đề và vấn đề duy nhất đối đầu với chúng ta là - chúng ta có thể trì hoãn cái không thể tránh được bao lâu nữa?

Khi chúng ta suy tưởng rằng người xách tai thế giới chỉ là một cậu bé con, chúng ta ăn nói làm sao bây giờ? Chẳng có chút gì tỷ như kỳ diệu trong sự xuất hiện của Rimbaud trên trái đất này như trong sự giác ngộ của Đức Cồ Đàm, hay trong sự chấp nhận Thánh giá của đấng Christ, hay trong sứ mệnh giải thoát khó tin của Jeanne d'Are sao? Tha hồ bạn muốn diễn dịch tác phẩm chàng thế nào cũng được, muốn giải thích cuộc đời chàng thế nào cũng xong, song le không có gì cho phép quên chàng. Tương lai là của chàng tất cả, dẫu

rằng bây giờ chưa có tương lai.

Henry Miller.

Big Sur, California 1955.

Nguồn: Henry Miller, *The Time of the Assassins - A Study of Rimbaud*, New Directions 1955.

Bản Việt ngữ của Nguyễn Hữu Hiệu: *Thời của những kẻ giết người - Nghiên cứu về Rimbaud*. Hồng Hà, 1970. Bản điện tử do talawas thực hiện. Bản đăng trên talawas với sự đồng ý của dịch giả.

Thời của những kẻ giết người

Dịch giả: Nguyễn Hữu Hiệu

Phần 1 (A)

Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu

Chính vào năm 1927, trong tầng lầu chìm dưới mặt đất của một ngôi nhà tối tăm dơ dáy ở Brooklyn mà tôi được thấy tên tuổi Rimbaud được nhắc đến lần thứ nhất. Lúc ấy tôi ba mươi sáu tuổi và đang ở trong Mùa địa ngục dài đằng đẳng của riêng tôi. Một cuốn sách rất lý thú về Rimbaud đang nằm đâu đó trong căn nhà nhưng tôi chẳng hề ngó ngang tới một lần. Nguyên do là bởi tôi ghê tởm người đàn bà chủ nhân cuốn sách lúc ấy đang sống chung với chúng tôi. Trong vẻ mặt, tính tình và cử chỉ của nàng, như sau này tôi khám phá thấy, hơi giống Rimbaud như người ta có thể tưởng tượng.

Như tôi đã nói, dầu Rimbaud là tất cả đề tài câu chuyện mất thì giờ giữa Thelma và vợ tôi, tôi không cố gắng tìm hiểu chàng. Thực ra, tôi chiến đấu điên cuồng để đẩy chàng ra khỏi tâm trí tôi, dường như đối với tôi lúc đó chàng là một thiên tài xấu xa vô tình gây cho tôi mọi

phiền nhiễu và khổ cực. Tôi thấy rằng Thelma, người mà tôi khinh miệt, đã đồng hoá với chàng, hết sức bắt chước chàng, không những chỉ trong hành vi mà cả trong lối thơ nàng viết. Tất cả mọi sự hiệp lực âm mưu để khiến tôi cự tuyệt tên tuổi, ảnh hưởng, ngay cả cuộc đời chàng. Lúc đó tôi đang ở bậc thang thấp nhất trong toàn thể nghề nghiệp tôi, tinh thần tôi hoàn toàn tan tác. Tôi còn nhớ tôi ngồi trong tầng lầu ảm lạnh dưới mặt đất cố viết dưới ánh đèn cầy leo lét bằng một cây bút chì. Tôi đang cố gắng viết một vở kịch miêu tả tấn thảm kịch của chính tôi. Không bao giờ tôi vươn lên nổi quá hồi thứ nhất.

Trong trạng thái tuyệt vọng và kiệt quệ đó dĩ nhiên tôi hoài nghi đến cùng cực thiên tài của một thi sĩ mười bảy tuổi. Tất cả những điều tôi nghe nói về chàng có vẻ như một chuyện bịa đặt của mẹ Thelma điên khùng. Lúc đó tôi đã đi đến chỗ có thể tin rằng, với chuyện bịa đặt đó, mẹ có thể cầu đảo những cách hành hạ tể nhị để reo rắc tai ương sâu nặng cho tôi, bởi mẹ cũng ghét tôi nhiều như tôi ghét mẹ. Cuộc sống mà ba chúng tôi đang sống lúc đó, và tôi kể dài dòng trong Đón đỉnh trên cây thập tự hồng, giống như một đoạn trong truyện của Dostoievsky. Đối với tôi ngày nay nó có vẻ không thực và không thể tin được.

Tuy nhiên, điểm chính là tên của Rimbaud đã đeo dính. Mặc dầu tôi chẳng hề ngó ngang gì đến tác phẩm của chàng cho đến sáu bảy năm sau, ở nhà Anais Nin ở Louveciennes, sự hiện diện của chàng chẳng bao giờ rời tôi. Đó còn là một sự hiện diện xáo trộn nữa. “Một ngày kia mi sẽ phải vật lộn với ta.” Đó là điều tiếng nói của chàng không ngừng nhắc nhở bên tai tôi. Ngày mà tôi đọc dòng đầu tiên của Rimbaud, tôi sức nhớ lại rằng đó là bài Le Bateau Ivre mà Thelma thường làm nhảm đọc đi đọc lại khá nhiều lần. Con tàu say! Hàm ngụ xiết bao tựa đề đó ngày nay trong ánh sáng của tất cả những điều tôi cảm thấy nghiệm sau này! Trong thời gian đó Thelma chết trong một dưỡng trí viện. Và nếu tôi không tới Paris, bắt đầu làm việc hăng hái ở đó, tôi nghĩ rằng số phận tôi có lẽ cũng tương tự như vậy. Trong tầng nhà dưới mặt đất trên Đỉnh cao Brooklyn đó, con thuyền của tôi đã đắm. Khi cuối cùng sống thuyền gẫy làm đôi và tôi ý thức được rằng tôi tự do, rằng cái chết tôi đã trải qua đã giải thoát tôi.

Nếu thời kỳ ở Brooklyn đó tượng trưng Mùa địa ngục của tôi, thì thời kỳ ở Paris, nhất là từ năm 1932 đến 1934, chính là thời kỳ Thần cảm

của tôi vậy.

Đem tác phẩm Rimbaud ra thảo luận vào thời kỳ này, khi chưa bao giờ tôi phong phú, hân hoan, phấn khởi như thế, tôi phải gạt chàng ra ngoài, đối với tôi sự sáng tạo của riêng tôi còn quan trọng hơn. Chỉ liếc qua văn phẩm của chàng là tôi biết ngay cái gì đang nằm trong kho phần tôi. Chàng là cốt mìn thuần túy, nhưng trước hết tôi phải liệng cây gậy của tôi. Vào thời gian đó tôi không biết chút chi về cuộc đời chàng trừ từng đoạn rời mà Thelma đã làm vương vãi những năm về trước. Tuy nhiên tôi cũng phải đọc đôi dòng tiểu sử chàng. Đó là vào năm 1943, trong khi sống tại Beverly Glen với John Dudley, họa sĩ, lần đầu tiên tôi đọc về Rimbaud. Tôi đọc Một mùa địa ngục của Jean – Marie Carré, kể đó là tác phẩm của Enid Starkie. Tôi tê điếng lặng câm. Dường như chưa bao giờ tôi đọc thấy một cuộc đời nào bị trù ếm khủng khiếp như cuộc đời Rimbaud. Tôi hoàn toàn quên tất cả mọi nỗi thống khổ của tôi, trầm trọng hơn nỗi thống khổ của chàng rất nhiều. Tôi quên những thất bại và nhục nhã tôi đã chịu đựng, những vực thẳm tuyệt vọng và bất lực mà thường xuyên tôi quỵ xuống. Giống như Thelma ngày xưa, tôi cũng không thể nói gì ngoài Rimbaud. Tất cả mọi người đến nhà đều phải nghe bài ca Rimbaud.

Mãi tới ngày nay, mười tám năm sau khi nghe tên chàng lần thứ nhất, tôi mới có thể thấy rõ chàng, đọc chàng như một tiên tri thấu trị. Ngày nay tôi mới biết sự đóng góp của chàng vĩ đại nhường nào. Ngày nay tôi mới hiểu ý nghĩa của cuộc đời và tác phẩm chàng - đến cao độ, nghĩa là, đến mức độ mà người ta có thể tự hào mình hiểu cuộc đời và tác phẩm của kẻ khác. Nhưng điều tôi nhìn thấy rõ rệt nhất là tôi đã thoát khỏi cái định mệnh ti tiện đê hèn tương tự một cách kỳ diệu thế nào.

Rimbaud cảm nghiệm cơn khủng hoảng của chàng năm mười tám tuổi, tới phút giây đó trong đời chàng, chàng đã đi tới sát biên giới của cuồng dại; từ điểm đó trên cuộc đời chàng là một sa mạc mênh mông. Tôi tới cơn khủng hoảng của tôi vào tuổi ba mươi sáu tới ba mươi bảy, tuổi mà Rimbaud chết. Từ điểm đó trên đời tôi bắt đầu nở hoa. Rimbaud từ văn chương quay về cuộc sống, tôi làm ngược lại. Rimbaud chạy trốn những ảo tưởng huyền hoặc mà chàng đã tạo ra; tôi ôm ấp chúng. Tỉnh lại bởi cơn điên cuồng và sợ hãi lãng phí kinh nghiệm thuần túy của cuộc đời, tôi ngừng lại và chuyển năng lực của

tôi vào sáng tạo. Tôi lặn xả vào sáng tác với cùng sự hăng hái và nhiệt tình mà trước kia tôi đã lặn xả vào cuộc đời. Thay vì mất cuộc đời, tôi kiếm được cuộc đời; hết phép lạ này đến phép lạ khác liên tiếp xảy ra, mọi bất hạnh được biến đổi thành truyện hay để kể. Rimbaud, mặc dầu lao vào trong một cảnh giới có phong thổ và cảnh vật khó tin, vào trong một thế giới của ảo giác dị thường và kỳ diệu như thơ chàng, đã trở nên càng ngày càng cay đắng, câm nín, trống rỗng và sầu muộn.

Rimbaud hoàn lại văn chương cho cuộc sống; tôi cố gắng hoàn trả cuộc sống cho văn chương. Trong cả hai chúng tôi tính chất tín điều đều mạnh mẽ, mỗi quan tâm trí óc và tinh thần quan trọng hơn hết. Khiếu về ngôn ngữ, về âm nhạc hơn là nghề văn chương là một nét chung khác. Với chàng, tôi cảm thấy một bản chất nguyên thủy nền tảng tự thị hiện bằng nhiều cách kỳ dị. Claudel gọi Rimbaud là “một người thần bí trong trạng thái man rợ”. Không có gì có thể mô tả chàng hay hơn. Chàng không “thuộc về” – không ở nơi nào, tôi luôn có cảm thức tương tự về mình. Những sự tương đồng không kể hết được. Tôi sẽ đi sâu vào một vài chi tiết của những sự tương đồng ấy, vì trong khi đọc tiểu sử và thư từ tôi thấy những sự tương hợp ấy rõ ràng đến nỗi tôi nghĩ rằng tôi không thể cưỡng lại được việc ghi nhận chúng. Tôi không nghĩ rằng về phương diện này tôi là kẻ độc nhất, tôi nghĩ rằng trên thế giới này có nhiều Rimbaud và con số đó sẽ gia tăng cùng với thời gian. Tôi nghĩ rằng, trong thế giới tương lai, mẫu Rimbaud sẽ thay thế mẫu Hamlet và mẫu Faust. Chiều hướng đang đi đến một rạn nứt sâu xa hơn. Cho đến khi cựu thế giới bị tiêu diệt hoàn toàn, cá nhân “dị thường” sẽ càng ngày càng đi đến chỗ trở thành khuôn mẫu. Con người mới sẽ chỉ tìm thấy mình khi cuộc chiến giữa tập thể và cá nhân ngừng lại. Lúc đó chúng ta sẽ thấy kiểu mẫu nhân loại trong vẻ tràn đầy và rực rỡ của nó.

Muốn nắm trọn tầm quan trọng của Mùa địa ngục của Rimbaud, kéo dài tám năm, chúng ta phải đọc thư từ của chàng. Phần lớn thời gian này trôi qua trên bờ biển Somali, ở Aden một vài năm. Đây là một đoạn mô tả chốn địa ngục trần gian, trong một lá thư gửi cho mẹ chàng:

“Mẹ không tưởng tượng được nơi này: không một ngọn cây, dù là một cây khô héo, không một tấc đất. Aden là miệng của một ngọn núi lửa đã tắt, cát biển lấp đầy. Khắp nơi người ta chỉ thấy phún xuất

thạch và cát không thể sản sinh ra một cọng cỏ nào. Xung quanh là sa mạc cát vây phủ. Nơi đây những vách núi nửa tắt chặn gió thổi vào và mọi người bị quay chín như trong một lò hầm.”

Tại sao một thiên tài, một người đầy năng lực, đầy tiềm lực thiên phú lại xếp đặt để tự nhốt mình, quay chín và bó chặt mình trong một cái hang hốc khốn khổ như thế? Đây là một người mà một ngàn cuộc đời cũng không đủ để thám hiểm những kỳ diệu của trái đất, một người cắt đứt với bằng hữu và thân quyến vào lúc tuổi còn xanh để cảm nghiệm cuộc đời trong sự tròn đầy của nó, tuy nhiên dần dà chúng ta thấy chàng mắc kẹt ở trong hang hốc địa ngục đó. Chúng ta làm sao giải thích được sự kiến đó? Dĩ nhiên chúng ta biết rằng lúc nào chàng cũng nóng lòng sốt ruột, rằng chàng trù liệu trăm phương ngàn kế và dự phóng để tự giải thoát mình, và giải thoát mình không phải chỉ khỏi Aden mà khỏi toàn thể thế giới tranh đấu mồ hôi nước mắt. Là một kẻ phiêu bạt song le Rimbaud bị ám ảnh bởi ý tưởng vươn tới tự do độc lập mà chàng diễn dịch bằng sự an ổn tài chính. Vào năm hai mươi tám tuổi chàng viết cho gia đình rằng điều quan trọng nhất, cấp thiết đối với chàng là trở nên độc lập, bất cứ ở đâu. Điều chàng quên thêm vào là, và bất cứ bằng cách nào. Chàng là một sự pha trộn kỳ diệu của táo bạo và nhút nhát. Chàng có can đảm phiêu lưu vào nơi không một người da trắng nào khác dám đặt chân tới, nhưng chàng không dám đối diện với cuộc đời mà không có một nguồn lợi thường xuyên. Chàng không sợ mọi ăn thịt người, nhưng chàng sợ chính những người anh em da trắng của chàng. Dầu chàng cố gắng ki cúp của cải tiện nghi, với của cải đó chàng có thể du lịch thế giới một cách nhàn nhã và thoải mái hay định cư ở một chỗ nào mà chàng thấy đắc địa, chàng vẫn còn là thi sĩ và kẻ mơ mộng, con người bất khả thích nghi với cuộc đời, con người tin vào phép lạ, con người hướng vọng Thiên đàng dưới hình thức này hay hình thức kia. Mới đầu chàng nghĩ rằng năm mươi ngàn quan sẽ đủ để bảo đảm chàng trong đời sống, nhưng khi chàng gần như thành công trong việc thu thập số tiền đó thì chàng lại quyết định rằng một trăm ngàn có lẽ bảo đảm hơn. Bốn mươi ngàn quan đó! Thật là một thời gian khốn khổ khủng khiếp chàng trải qua khi quán cái ruột tượng đó quanh người! Quả đúng là một tai họa của chàng. Khi họ khiêng chàng trên một cái cáng từ Harar tới bờ biển - một cuộc hành trình, một cách tình cờ, có thể so sánh với cuộc hấp hối của đấng Christ – tư tưởng chàng luôn luôn hướng về vàng bạc trong hầu bao của chàng. Ngay cả khi ở tại bệnh viện Marseilles, nơi chân chàng phải

cửa đi, chàng cũng vẫn áy náy về cái ruột tượng đó. Nếu không phải là sự đau đớn khiến chàng thao thức ban đêm thì đó chính là ý nghĩa về số tiền chàng mang trên người, mà chàng phải dấu đi để khỏi bị đánh cắp. Chàng muốn gửi số tiền đó vào ngân hàng nhưng làm sao chàng có thể tới ngân hàng trong khi chàng không bước đi được? Chàng viết thư về nhà yêu cầu một người nào tới để giữ gìn kho tàng quý báu của chàng. Có một cái gì quá bi đát và khô hạn đến nỗi người ta không biết nói sao hay nghĩ sao nữa.

Nhưng đâu là căn nguyên của căn bệnh yêu chuộng an ổn thái quá ấy? Đó là nỗi sợ hãi mà bất cứ một nghệ sĩ sáng tạo nào cũng biết: rằng hắn không được ai vờ gọi chi cả, rằng hắn vô tích sự trong cuộc đời. Biết bao lần trong thư chàng Rimbaud nói rằng mình không thể trở về Pháp và sống cuộc sống của một công dân bình thường. Tôi vô nghệ, vô nghề, không bạn bè tại đó, chàng nói. Như tất cả mọi thi nhân, chàng thấy thế giới văn minh như một cánh rừng hoang; chàng không biết làm cách nào tự bảo vệ mình trong đó. Đôi khi chàng nói thêm rằng đã quá muộn để nghĩ tới chuyện trở về - chàng luôn luôn nói như thể chàng đã là một ông già! Chàng đã quá quen cuộc sống tự do, hoang dại, phiêu lưu để chẳng bao giờ có thể trở vào khuôn thước gông cùm được nữa. Điều chàng luôn luôn ghê tởm là công việc vất vả lương thiện, nhưng ở Phi châu, Chippre, Ả Rập, chàng làm việc quần quật như một tên mọi đen, tự cấm đoán mình đủ thứ, ngay cả cà phê và thuốc lá, quanh năm suốt tháng bận một cái áo chemise bằng bông, dành dụm từng xu kiếm được, hy vọng một ngày kia mua được tự do. Dầu chàng có thành công đi chẳng nữa, chúng ta cũng biết rằng chàng chẳng bao giờ chẳng được gông cùm của chán chường. Từ sự hoang đàng của tuổi trẻ chàng chuyển sang sự cẩn trọng của tuổi già. Chàng, kẻ bị đày ải xa cửa xa nhà, kẻ phản kháng, kẻ bị nguyên rửa hoàn toàn đến nỗi không có gì có thể cứu vớt được chàng.

Tôi nhấn mạnh khía cạnh đó của bản chất chàng bởi nó giải thích nhiều đặc tính thói tha gán cho chàng. Chàng không phải là một kẻ keo bẩn, không phải là một gã nông dân tự cốt tuỷ như một vài nhà viết tiểu sử chàng ám chỉ. Chàng không sát đá với những kẻ khác, chàng chỉ sát đá với chàng thôi. Quả thực bản tính chàng rộng rãi. “Lòng bác ái của ông bao la, tự nhiên và kín đáo” Bardey, người giúp việc cũ của chàng nói như vậy. “Có lẽ đó là một trong số ít điều ông làm mà không ghê tởm và không khinh bỉ chế nhạo”.

Có một điều ghê gớm khác nữa ám ảnh chàng suốt ngày đêm: quân dịch. Từ lúc chàng bắt đầu lên đường phiêu lãng cho đến ngày nhắm mắt chàng bị dày vò bởi nỗi sợ hãi không en règle [4] với giới thẩm quyền quân đội. Ngay vài tháng trước khi từ trần, khi nằm trong bệnh viện Marseilles, chân bị cưa, những sự đau đớn gia tăng hàng ngày, nỗi lo sợ nhà cầm quyền khám phá ra nơi ở của chàng và nhốt chàng vào tù đè nặng trên chàng như một cơn ác mộng. “La prison oprès ce que je viens de souffrir? It vaudrait mieux la mort!” [5] Chàng yêu cầu em gái chỉ viết cho chàng khi tối cần mà thôi, và đừng đề tên chàng là Arthur Rimbaud mà chỉ đề là Rimbaud, và gởi đi từ một tỉnh lân cận nào đó.

Toàn thể cơ cấu của bản chất chàng phơi bày trong những lá thư hoàn toàn không có một chút tính chất văn chương hay quyền rũ này. Chúng ta thấy lòng khát khao kinh nghiệm ghê gớm của chàng, óc tò mò không nguôi của chàng, những ước mơ vô hạn của chàng, sự tự đầy ải của chàng, sự khắt kỷ của chàng, sự tiết độ của chàng, những nỗi ám ảnh và sợ hãi của chàng, sự bệnh hoạn của chàng, nỗi cô độc của chàng, cảm thức bị đẩy ra ngoài lề của chàng và niềm chán chường cùng độ của chàng. Chúng ta thấy trên tất cả, như hầu hết những cá thể sáng tạo, chàng không thể học hỏi được gì từ kinh nghiệm. Chẳng có gì ngoài cái vòng quần quanh của những nhàm chán lập đi lập lại và những dày vò. Chúng ta thấy chàng là nạn nhân của ảo tưởng rằng tự do có thể thủ đắc được bằng những phương tiện ngoại tại. Chúng ta thấy chàng mãi mãi là thanh niên suốt đời chàng, từ chối chấp nhận khổ đau hay gán cho nó một ý nghĩa. Để có thể thẩm định sự thất bại của nửa phần đời cuối của chàng lớn lao là nhường nào, chúng ta chỉ cần so sánh cuộc hành trình của chàng với cuộc hành trình của Cabeza de Vaca. [6]

Nhưng thôi hãy để chàng giữa sa mạc mà chàng tạo nên cho chàng đó. Mục đích của tôi là nêu ra một vài nét đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu. Chúng ta hãy bắt đầu với cha mẹ. Như bà Rimbaud, mẹ tôi là mẫu người miền Bắc, lạnh lùng, hay chỉ trích, kiêu hãnh, cay nghiệt và khắt khe. Cha tôi xuất thân từ miền Nam, cha mẹ là người Bavaria, trong khi cha Rimbaud là người Burgundia. Cha mẹ thường xuyên cãi vã xô xát nhau gây ảnh hưởng tự nhiên lên con cái. Bản chất nổi loạn, rất khó vượt qua, tìm thấy ở đây khuôn đúc của nó. Giống như Rimbaud, tôi cũng bắt đầu la lên khi

tuổi còn xanh: “Thượng đế chết đi!” Tất cả những gì cha mẹ tán thành hay chấp thuận đều chết đi. Nó còn lan tới cả bạn bè các Người mà tôi công nhiên nhục mạ trước mặt các Người. Đối kháng không bao giờ ngừng cho tới chết, khi cuối cùng, tôi bắt đầu nhận thấy tôi giống chàng biết chừng nào.

Giống như Rimbaud, tôi ghét nơi tôi ra đời. Tôi sẽ ghét nó cho tới ngày nhắm mắt, phản ứng đầu tiên của tôi là thoát khỏi gia đình, khỏi thành phố mà tôi ghét bỏ, khỏi xứ sở và đám dân mà tôi không cảm thấy một chút tương đồng. Cũng như chàng, tôi phát triển quá sớm, ngâm thơ văn ngoại quốc trong khi hãy còn ngồi trong xe tập đi. Tôi học đi sớm và học nói sớm, học đọc báo ngay cả trước khi đến vườn trẻ. Tôi luôn luôn là một đứa trẻ nhỏ nhất lớp và không chỉ là một học sinh ưu tú nhất mà còn là kẻ được thầy cũng như bạn bè ưa chuộng nhất. Nhưng cũng như chàng, tôi khinh bỉ phần thưởng và nhiều lần bị đuổi khỏi trường vì hành vi bướng bỉnh cứng đầu. Hình như tất cả sứ mệnh của tôi, trong khi còn ngồi trên ghế nhà trường, là chế diễu thầy và chương trình học. Tất cả đều quá dễ và quá ngu ngốc đối với tôi. Tôi cảm thấy mình như một con khỉ được huấn luyện.

Từ lúc còn nhỏ xíu, tôi đã đọc say mê ngẫu nhiên. Quà lễ Giáng sinh tôi chỉ đòi sách, hai ba chục cuốn mỗi lần. Cho đến năm hai mươi lăm hai mươi sáu tuổi, hầu như không bao giờ tôi ra khỏi nhà mà không cắp theo một vài cuốn sách. Tôi đọc đứng đọc ngồi, đọc trong khi đi làm việc, thường thuộc lòng cả đoạn thơ dài của những tác giả ưa chuộng. Tôi còn nhớ, một trong những cuốn thơ này là Faust của Goethe . Kết quả chính của sự hấp thụ sách vở thường trực này là nung nấu cho tôi cuộc nổi loạn mai sau, kích thích khát vọng du lịch và phiêu lưu tiềm ẩn, khiến tôi trở nên phi văn chương. Nó khiến tôi miệt thị tất cả những cái xung quanh tôi, khiến tôi xa lánh dần bạn bè và bắt buộc tôi chấp nhận cái bản chất cô đơn quái gở khiến bị người ta gọi là một nhân vật “gàn dở”. Từ năm mười tám tuổi (năm khủng hoảng của Rimbaud) tôi trở nên hoàn toàn bất hạnh, khổ cực đáng thương, và ngày một tuyệt vọng. Dường như chỉ có một sự thay đổi hoàn toàn ngoại cảnh xung quanh ít ra mới có thể làm tiêu tán tâm trạng bất di bất dịch này. Năm hai mươi một tuổi, tôi bỏ nhà đi trốn, nhưng không đi lâu lắm. Lại nữa, giống Rimbaud, những sự chạy trốn công khai bao giờ cũng tai hại. Tôi bao giờ cũng trở về nhà, hoặc tự ý hoặc miễn cưỡng, và bao giờ cũng ở trong một trạng thái tuyệt vọng. Dường như không có lối thoát, không có cách

nào tự thành sự giải thoát. Tôi nhận làm những công việc vô nghĩa nhất, tóm lại, tất cả những gì không thích hợp với tôi. Giống như Rimbaud trong những hầm đá ở Chypre, tôi bắt đầu với cuộc xẻng, một lao công công nhật, một công nhân phù động, một kẻ lang thang đầu đường xó chợ. Đó vẫn là sự tương đồng, vì khi tôi trốn nhà ra đi, tôi ra đi với ý định sống một cuộc sống phong sương, dày dạn, không đọc một cuốn sách, kiếm sống bằng hai bàn tay, là người của hạc nội mây ngàn chứ không phải một công dân của một thị tứ hay một tỉnh thành.

Tuy nhiên, trong suốt thời gian đó, ngôn ngữ và ý tưởng của tôi phản bội tôi. Tôi hoàn toàn là một văn nhân dầu muốn hay không. Dầu tôi có thể hoà đồng với bất cứ hạng người nào, nhất là người bình dân, cuối cùng tôi luôn luôn bị ngờ vực. Giống hệt như những lần tôi tới thư viện; luôn luôn hỏi mượn sách lộn. Bất kể thư viện lớn thế nào chẳng nữa, sách tôi mượn không bao giờ có trong đó hoặc là tôi bị cấm không được đọc. Trong những ngày đó dường như tất cả cái tôi muốn trên đời, hay của đời, đều bị bài xích. Dĩ nhiên, tôi phạm phải những phản kháng dữ dội. Ngôn ngữ của tôi, lúc đó đã ngang chướng dù như một đứa trẻ - tôi còn nhớ lúc lên sáu tôi bị điệu đến bót cảnh sát vì dùng ngôn ngữ tục tĩu – ngôn ngữ của tôi, thú thực, càng ngày trở nên ngang chướng và xúc phạm phong hoá.

Tôi giật mình xiết bao khi đọc thấy Rimbaud, lúc thanh niên thường ký dưới thư chàng –“tên đề tiện nhấn tâm Rimbaud đó”. Nhấn tâm là một tính từ tôi thích nghe người ta áp dụng cho chính tôi. Tôi không có nguyên tắc, không trung thành, không quy luật khi khô gì ráo, khi nó thích hợp với tôi, tôi có thể hoàn toàn nói phăng ra không ngần ngại thậm trọng, với bạn hay thù cũng vậy mà thôi. Tôi xác láo, kiêu căng, không dung thứ, mà thành kiến một cách tàn bạo, bướng bỉnh một cách khắc nghiệt. Tóm lại, tôi có một cá tính khó thương rõ rệt, một người khó giao du nhất. Tuy nhiên tôi rất được quý mến; người ta thường rất sẵn sàng tha thứ những tính xấu của tôi vì sự quyến rũ và say sưa tôi toát ra. Thái độ này chỉ khiến tôi thêm dạn dĩ phóng túng thêm lên mà thôi. Đôi khi chính tôi cũng không hiểu tại sao tôi có thể sống với thái độ đó trên trái đất. Những người tôi thích sỉ nhục và thoá mạ là những người bằng cách nào đó tự cho là hơn tôi. Tôi mở một cuộc chiến tàn khốc chống lại những người này. Ngoài ra toàn thể con người tôi là kẻ mà người ta có thể gọi là một đứa trẻ ngoan. Bản tính tự nhiên của tôi là bản tính của một cá nhân tử tế, vui vẻ,

cởi mở. Khi còn là một đứa trẻ, tôi thường được so sánh với “một thiên thần”. Nhưng con quỷ nổi loạn đã chế ngự tôi từ lúc nhỏ xíu. Chính mẹ tôi đã gieo cây! Nó vào trong tôi. Chính vì chống lại bà, chống lại tất cả những gì bà đại diện mà tôi trực chỉ tất cả năng lực của tôi. Mỗi cho tới năm tôi năm mươi tuổi, tôi không bao giờ quan hoài tới bà với một dạ yêu thương, dù chỉ một lần. Dầu bà thực sự không bao giờ ngăn trở tôi (chỉ vì ý chí tôi mãnh liệt hơn), tôi vẫn cảm thấy bóng bà ngang qua đường tối. Đó là một cái bóng của đối kháng, lạnh lẽo và nham hiểm, như một thứ thuốc độc chích từ từ vào mạch máu.

Tôi kinh ngạc khi đọc thấy Rimbaud cho phép mẹ chàng đọc bản thảo Một mùa địa ngục. Không bao giờ tôi mơ tưởng tới chuyện khoe cha mẹ tôi bất cứ điều gì tôi đã viết ra hoặc ngay cả việc luận về đề tài văn phẩm của tôi với ông bà. Lần đầu tiên khi tôi báo tin cho cha mẹ tôi hay rằng tôi quyết định trở thành một nhà văn, cha mẹ tôi thất kinh; như thể tôi quyết định trở thành một tội phạm. Tại sao tôi không thể làm một việc gì hợp lẽ phải hơn, một việc gì khả dĩ giúp tôi kiếm sống? Không bao giờ ông bà đọc một dòng tôi viết. Đó là một trò khôi hài bất tận khi bạn bè ông bà soi mói về tôi, khi họ hỏi tôi đang làm gì. “Câu ấy đang làm gì vậy? Ồ, nó đang viết.” Như thể ông bà nói, nó đang điên khùng, nó đang nặn đất cát suốt ngày.

Tôi luôn luôn phác hoạ cậu bé Rimbaud được ăn mặc bảnh bao như một “cô chiêu” và sau này, như một chàng phong lưu công tử. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, đó là trường hợp tôi. Là một người thợ may, dĩ nhiên cha mẹ tôi hết sức lưu tâm đến phục sức của tôi. Khi lớn lên tôi thừa hưởng những những bộ quần áo lịch sự và sang trọng của cha tôi. Chúng tôi đồng một cỡ y như nhau. Nhưng, cũng lại giống như Rimbaud, suốt trong thời gian khi mà cá tính tôi tự khẳng định một cách mãnh liệt, tôi làm dáng một cách kỳ cục, kết hợp những cái quái gở kỳ quặc, bên trong với cái khác thường bên ngoài. Tôi cũng là một đối tượng chế diễu cho lân bang hàng xóm của tôi. Trong thời gian đó, tôi nhớ lại tôi cảm thấy vô cùng vụng về, thiếu tự tin, và đặc biệt xấu hổ khi trò chuyện với người ở bất cứ trình độ nào. “Tôi không biết ăn nói làm sao!” Rimbaud tuyên bố như vậy ở Paris khi ngồi giữa đám người làm văn nghệ khác. Tuy nhiên ai đó có thể nói hay hơn chàng khi không bị gò bó? Ngay ở Phi châu, người ta cũng dễ ý thấy đôi lúc chàng nói năng quyến rũ biết chừng nào. Tôi hiểu sự mâu thuẫn khó xử này xiết bao! Tôi đau đớn biết chừng nào khi

nhớ lại mình đã đã áp úng và lấp bấp trước mặt những người tôi ao ước trò chuyện! Ngược lại, với một người tầm thường nào đó, tôi có thể nói với giọng lười một thiên thần. Từ lúc còn nhỏ, tôi đã say mê âm thanh những tiếng nói, ma lực, với khả năng mê hoặc điên đảo thần hồn của chúng. Nói chung, tôi thường chệnh choáng vì ngôn từ. Tôi có thể bịa đặt hàng giờ, đưa thánh giả của tôi đến chỗ điên cuồng. Tính chất này, tình cờ, tôi nhận thấy nơi Rimbaud lúc tôi liếc qua một trang của chàng. Nó gây chấn động ngay lập tức. Tại Beverly Glen, khi tôi đi sâu vào đời chàng, tôi lấy phấn viết những câu thơ của chàng lên tường – trong bếp, trong phòng khách, trong nhà cầu, ngay cả phía ngoài nhà. Những câu này không bao giờ mất hiệu lực đối với tôi. Mỗi lần lướt qua chúng, tôi đều cảm thấy sự rung động tương tự, nỗi hân hoan tương tự, sự sợ hãi mất trí tương tự nếu tôi dừng lại chúng quá lâu. Có được bao nhiêu nhà văn có thể làm cho bạn điều đó?

Nhà văn nào cũng tạo được một vài đoạn để đời, một vài câu đáng ghi nhớ, nhưng với Rimbaud, chúng nhiều không kể xiết, chúng tràn lan trên giấy, tựa ngọc đá tủa ra từ một cái rương thùng lỗ. Chính tài năng này khiến mỗi giây liên lạc với Rimbaud bền vững không thể chia cắt được. Và tôi ganh tị với chàng về điều đó nhất. Ngày nay, sau tất cả những điều tôi đã viết, ước vọng sâu xa nhất của tôi là chấm dứt với những cuốn sách tôi đã dự định và dẫn mình vào sự sáng tạo cái hoàn toàn vô nghĩa, hoàn toàn ảo tưởng. Tôi sẽ không bao giờ là thi sĩ như chàng, nhưng hãy còn có những khoảng rộng tưởng tượng mệnh mông cần phải đạt tới.

Và bây giờ, chúng ta nói tới “cô thiếu nữ với cặp mắt tím”. Chúng ta hầu như không biết chút gì về nàng. Chúng ta chỉ biết rằng đó là kinh nghiệm bi thảm đầu tiên của chàng về tình yêu. Tôi không biết có phải trong mối quan hệ với nàng hay với con gái nhà kỹ nghệ gia mà chàng dùng chữ - “dễ sợ như 36.000.000 con chó lông xù mới đẻ”. Nhưng tôi hoàn toàn tin rằng đó phải là phản ứng của chàng với đối tượng của tình yêu thương. Trong bất cứ trường hợp nào tôi biết rằng đó là trường hợp tôi, và nàng cũng có đôi mắt màu tím nữa. Và có lẽ cũng như Rimbaud, tôi sẽ lại nghĩ tới nàng vào phút lâm chung. Tất cả đều mang màu sắc của kinh nghiệm thảm khốc đầu tiên này. Tôi phải nói thêm, điều lạ lùng nhất là không phải nàng khước từ tôi... Chính vì tôi đã quá kinh sợ và tôn thờ nàng đến nỗi tôi chạy trốn nàng. Tôi tưởng tượng đó phải là trường hợp Rimbaud. Dĩ nhiên, với

chàng, tất cả - cho đến năm mười tám tuổi – đều gói ghém trong một khoảng thời gian ngắn ngủi không thể tin được. Cũng như chàng rảo qua toàn thể giai điệu văn chương trong một vài năm ngắn ngủi, cũng vậy chàng rảo qua vòng kinh nghiệm thông thường một cách mau chóng và vắn vỏi. Chàng chỉ cần nếm qua một món là biết tất cả cái nó hứa hẹn hay chứa đựng. Và bởi thế cuộc đời ái tình của chàng chừng nào liên quan tới đàn bà, là một khoảng thời gian ngắn ngủi. Chúng ta không nghe kể về tình yêu nữa mãi cho tới thời gian ở Abyssinie, khi chàng lấy một người đàn bà bản xứ làm nhân tình. Dường như khó mà gọi là tình yêu được. Có chăng tình yêu của chàng hướng về Djami, cậu bé thổ dân Harar, người mà chàng cố gắng để lại cho một kỉ vật. Có lẽ cũng khó mà biết được, trong cuộc đời chàng sống, Rimbaud còn có thể yêu ai với trọn tâm hồn.

Verlaine nổi tiếng vì đã nói về Rimbaud rằng chàng chẳng đem mình hiến dâng ai; chẳng cho Thượng đế cũng chẳng dâng cho người. Điều này đúng biết bao khi mỗi người phải tự phán xét mình. Đối với tôi dường như không có một người nào có thể muốn hiến dâng mình nhiều hơn Rimbaud. Lúc còn nhỏ, chàng dâng mình cho Thượng đế, lúc thanh xuân chàng hiến mình cho thế giới. Trong cả hai trường hợp, chàng đều cảm thấy mình bị lường gạt và phản bội; chàng thối lui, nhất là sau kinh nghiệm Công xã đầm máu và từ đó tâm điểm con người chàng mãi mãi còn nguyên vẹn, không chịu nhượng bộ, bất khả xâm phạm. Về phương diện này, chàng khiến tôi nhớ nhiều đến D. H. Lawrence, người đã nói đôi chút về vấn đề này, nghĩa là vấn đề giữ tâm thể mình sao cho toàn vẹn.

Chính từ lúc chàng bắt đầu kiếm sống mà những khó khăn thực thụ khởi sự. Tất cả mọi tài năng, hầu như vô dụng. Thây kệ mọi đảo điên, chàng tiến tới. "Tiến tới, luôn luôn tiến tới!" Nghị lực của chàng vô biên, ý chí chàng bất khuất, sự khao khát của chàng vô tận. "Hãy để thi sĩ nổi tung với nỗ lực thâu đạt những sự vật lạ lùng và vô danh!". Khi tôi nghĩ tới thời kỳ đó, đánh dấu bởi một cố gắng hầu như cuồng loạn để mở một đường vào thế giới, chiếm ưu thế, khi tôi nghĩ tới những cuộc ra đi đột ngột liên tiếp trong chiều hướng đó và tựa một đoàn quân bị vây hãm gắng sức xông ra khỏi cái gọng kìm trong đó nó bị kẹp như một cái kim máy, tôi lại trông thấy tự ngã thanh xuân của tôi từ đầu tới cuối. Ba lần trong thời gian dưới hai mươi tuổi, chàng đã tới Bruxelles và Paris, hai lần chàng tới London. Từ Stuttgart, sau khi đã thông thạo đủ vốn liếng Đức ngữ cần dùng;

chàng lang thang đi bộ qua Würtemberg và Thụy Sĩ tới Ý Đại Lợi. Từ Milan chàng khởi hành đi bộ tới Cyclades qua Brindisi, chỉ để bị trúng nắng và quay trở về Marseilles qua Leghorn. Chàng vượt qua bán đảo Scandinavie và Đan Mạch với một đám hát dạo; chàng đáp tàu từ Hamburg, Antwerp, Rotterdam; chàng đến Java bằng cách gia nhập đạo quân Hoà Lan, chỉ để đào ngũ sau khi đã nếm qua mùi vị của nó. Một lần vượt qua đảo St. Hélène trên một con tàu Anh Cát Lợi từ chối không ngừng lại đảo, chàng phóng qua lan can tàu xuống biển nhưng bị bắt lại trước khi chàng có thể tới đảo. Từ Vienne chàng bị cảnh sát dẫn độ về biên cảnh Bavari, vì tội lang thang; từ đó chàng lại bị áp giải về biên cảnh Lorraine. Trong tất cả những chuyến tẩu thoát và bỏ nhà ra đi đột ngột đó, chàng luôn luôn không một đồng xu dính túi, đi bộ, và luôn luôn đi bộ với một dạ dày lép xẹp. Tại Civita Vecchia chàng bị đưa xuống đất liền với chứng sốt đau dạ dày mắc phải vì màng dạ dày bị sưng lên bởi sự cọ sát của xương sườn vào bụng. Đi bộ thái quá. Ở Abyssinie là sự cưỡi ngựa thái quá. Chàng tự bắt buộc mình một cách phi nhân. Mục đích thì bao giờ cũng ở phía bên kia.

Tôi hiểu tận yêu thích thái quá của chàng xiết bao! Nhìn lại cuộc sống của tôi ở Hoa Kỳ, dường như tôi đã đi muôn ngàn dặm lòng không dạ trống. Luôn luôn tìm kiếm một vài xu, một mẫu bánh, một công việc, một chỗ ngủ lưng. Luôn luôn tìm kiếm một khuôn mặt quen thuộc! Đôi khi dầu đói khát, tôi cũng ráng lên đường, vẫy một chiếc xe xin quá giang và để mặc người tài xế muốn cho tôi xuống đâu cũng được chỉ để thay đổi phong cảnh. Tôi biết hàng ngàn tiệm ăn ở New York, không phải vì đã đến đó như một chủ nhân ông nhưng vì đã đứng bên ngoài và thèm thuồng ngó những thực khách ngồi chễm chệ bên trong. Tôi vẫn còn có thể nhớ mùi vị của một vài gian hàng ở góc phố nơi người ta bán hotdog. Tôi hãy còn có thể nhìn thấy những đầu bếp áo trắng lật bánh tráng hay bánh nướng trong chảo trong các cửa tiệm. Đôi khi tôi nghĩ rằng tôi sinh ra để đói khát. Và cộng với đói khát là lang thang, lêu lổng, mầy mò, sốt nóng sốt rét, đi tới đi lui không chủ đích. Nếu tôi xin xỏ được chút ít dư thừa hơn mức cần thiết của một bữa ăn, lập tức tôi tới hí viện hay rạp chiếu bóng. Tất cả điều mà tôi quan tâm tới, một khi cái dạ dày đã no đầy, là kiếm một chỗ ấm áp, dễ chịu nơi tôi có thể nghỉ ngơi và quên đi những nỗi phiền muộn âu lo của tôi một hai giờ. Không bao giờ tôi để dành đủ tiền mua một cái vé xe trong những hoàn cảnh ấy, ra khỏi bầu không khí ấm áp như lòng mẹ của rạp hát, tôi phải xông pha ra

mưa gió giá lạnh để đi bộ tới những nơi xa xôi nơi tôi tình cờ sống. Từ trong lòng Brooklyn tới trung tâm Manhattan tôi đã đi không biết bao nhiêu lần, trong mọi thời tiết và trong nhiều cấp độ của cơ hàn đói rách. Khi tôi hoàn toàn kiệt lực, khi tôi không thể bước thêm một bước nữa, tôi bắt buộc phải quay trở lại và thối lui về đường cũ. Tôi hiểu rất rõ người ta có thể được huấn luyện để làm những cuộc điều hành cưỡng bách trên đoạn đường dài phi thường với lòng không dạ trống như thế nào.

Nhưng đi bộ qua những đường phố của đô thị quê hương giữa những bộ mặt thù nghịch là một chuyện mà lang thang trên xa lộ trong những đô thị liên bang lại là một chuyện hoàn toàn khác hẳn.

Trong tình lý quê nhà sự cừu thù chỉ là vẻ lãnh đạm; trong một tỉnh xa lạ hoặc trên những chặng đường dài trống trải liên tỉnh, chính sự cừu hận rõ rệt tiếp đón bạn. Có những con chó dữ, súng săn, cảnh sát, và lính canh đủ loại nằm chờ bạn. Bạn không dám ngả lưng trên nền đất lạnh nếu bạn là khách lạ trong những vùng lân bang đó. Bạn tiếp tục phải dõng dõng, dõng dõng, dõng dõng luôn luôn không ngừng. Sau lưng bạn, bạn cảm thấy mũi súng lạnh của một khẩu súng sáu buộc bạn phải di động nhanh hơn, nhanh hơn, nhanh hơn nữa. Ngay trong chính xứ sở của bạn nữa, nơi tất cả những việc này có thể xảy ra, chứ không cứ gì ở một mảnh đất lạ. Bọn Nhật lùn có thể tàn bạo, bọn Hung Nô có thể man rợ, nhưng những kẻ trông giống như bạn và nói năng giống như bạn, mặc cùng một thứ quần áo giống như bạn, ăn cùng một thứ thực phẩm giống bạn, xua đuổi bạn như những con chó là những con quỷ nào vậy? Phải chăng đó là những kẻ thù tệ hại nhất người ta có thể có? Người khác có thể tìm thấy lý do để tha thứ, nhưng riêng tôi, tôi không tìm thấy bất cứ lý do nào. “Ở đây tôi không có ai là bạn bè cả”, Rimbaud thường viết về nhà như vậy. Ngay cả vào tháng sáu năm 1891, từ bệnh viện Marseilles, chàng vẫn nhắc lại điệp khúc đó. “Je mourrai où me jettera le destin. J’espère pouvoir retourner là où j’étais (Abysinnie), j’y ai des amis de dix ans, qui auront pitié de moi, je trouverai chez eux du travail, je vivrai comme je pourrai. Jevivrai, toujours là – bas, tandis qu’en France, hors vous je n’ai ni amis, ni connaissances, ni personne.” [7] . Đây là một đoạn ghi chú: “Cependant la gloire littéraire de Rimbaud battait alors son plein à Paris. Les admirateurs, qui lui eussent été personnellement tout dévoués, étaient déjà nombreux Il l’ignorait. Quelle malédiction!”.

Vâng, thật là xui xẻo! Tôi nghĩ tới cuộc trở về New York của chính tôi, một cuộc trở về miễn cưỡng nữa, sau mười năm ở ngoại quốc. Tôi đã rời Mỹ châu với mười dollar mà tôi vay mượn vào giây phút cuối cùng trước khi lên tàu, tôi trở về không có một xu dính túi, phải mượn tiền trả tiền xe của người thư kí khách sạn, thấy rương và những cái Vallise của tôi, chắc hẳn thế nào tôi cũng có tiền trả tiền phòng. Việc đầu tiên mà tôi phải làm, khi trở về “nhà” là gọi điện thoại cho một vài người nào đó để vay chút ít tiền. Khác với Rimbaud, tôi không có hầu bao đầy vàng giấu dưới đầu giường; song lẽ tôi còn có bộ giò khỏe mạnh, và vào buổi sáng hôm sau, nếu không có tiền giúp đỡ đến trong đêm trước, tôi sẽ phải bắt đầu đi lên phố tìm kiếm lại một khuôn mặt quen thuộc. Trong mười năm ở ngoại quốc tôi cũng phải làm việc như trâu ngựa; tôi đã kiếm được quyền sống thoải mái một vài năm. Nhưng chiến tranh bùng nổ xảy ra, phá hủy tất cả, giống như những âm mưu của những thế lực châu Âu đã làm cho Rimbaud thất cơ lỡ vận ở xứ Somali. Tương đồng làm sao thành âm một đoạn thư đề Aden, tháng giêng 1888...” Tous les gouvernements sont venus engloutir des millions (et même ensemble quelques milliards) sur toutes ces côtes maudites, désolées, où les indigènes errent des mois sans vivres et sans eau, sous le climat le plus effroyable du globe; et tous ces millions qu’on a jetés dans le ventre des bédouitins n’ont rien rapporté que les guerres, les désastres de tous genres!”.

Giống nhau làm sao hình ảnh của những chính quyền thân yêu của chúng ta! Luôn luôn tìm cách đặt chân vào một vài nơi chốn nghịch đạo lý, luôn luôn dày xéo hay tiêu diệt dân bản xứ, luôn luôn bám chặt vào những cửa phi nghĩa, bảo vệ của cải của mình, thuộc địa của mình bằng bộ binh và hải quân. Với những kẻ tai to mặt lớn nhất, thế giới chưa đủ lớn. Với những kẻ thấp cổ bé họng nhất cần phòng ở, cần những lời hứa hẹn ngọt ngào và những lời hăm dọa ngầm ngấm. Trái đất thuộc về những kẻ mạnh, thuộc về những kẻ có quân đội và thủy quân lớn nhất, thuộc về những kẻ nắm trong tay những sức mạnh kinh tế quan trọng. Thật khôi hài khi người thi sĩ cô đơn bôn ba tới tận thế hầu kéo dài một cuộc sống khốn nạn phải ngồi khoanh tay lơ lửng ngắm những thế lực vĩ đại làm vô số việc bẽ bối trong chính khu vườn của hần.

“Vâng, tận thế... Tiến lên, luôn luôn tiến lên! Bây giờ những cuộc phiêu lưu vĩ đại bắt đầu...” Nhưng dầu bạn tiến nhanh thế nào, chính

phủ vẫn luôn luôn dẫn đầu, với những hạn chế, cùm xích, khoá tay, với hơi độc, xe tăng và bom ngạt. Rimbaud thi sĩ tự đứng ra đảm nhiệm việc dạy kinh Coran cho những cô cậu bé Harar bằng chính tiếng mẹ đẻ của chúng. Những chính phủ sẽ bán chúng làm nô lệ. "Có một vài cuộc phá hoại cần thiết" có lần chàng đã viết như vậy, và thiên hạ đã bày vẽ bao chuyện ồn ào về lời phán quyết đơn giản đó! Lúc ấy chàng chỉ nói về sự phá huỷ phụ thuộc sự sáng tạo. Nhưng các chính phủ ngang nhiên phá huỷ không một lời biện giải, và chắc chắn chẳng bao giờ nghĩ tới việc sáng tạo cả. Điều mà Rimbaud thi sĩ ao ước là nhìn thấy những hình thức cũ tiến triển, trong đời sống cũng như trong nghệ thuật. Điều mà các chính phủ muốn là duy trì hiện trạng, thay kệ nó gây ra biết bao cuộc tàn sát và phá hoại cũng mặc. Một vài nhà viết tiểu sử chàng, mô tả hành vi chàng như một thanh niên, chứng minh chàng là một đứa trẻ rất xấu xa; chàng đã làm những việc hư hỏng nào đó. Nhưng khi thẩm định những hoạt động của những chính phủ thân yêu của họ, đặc biệt liên quan tới những âm mưu ám muội mà Rimbaud chửi rủa, tất cả bọn họ đều ngọt ngào và tìm cách biện hộ. Khi họ muốn chỉ trích cay độc chàng như một kẻ phiêu lãng, họ nói về chàng là một thi sĩ vĩ đại biết chừng nào; khi họ muốn chế ngự chàng với tư cách một thi sĩ, họ nói về sự nổi loạn lộn xộn của chàng. Họ thất kinh khi thi sĩ bắt trước những tên cướp giết và bóc lột của họ, và họ khiếp đảm khi chàng tỏ ra chẳng quan hoài tới tiền bạc hay tới cuộc sống tẻ nhạt, chán ngắt của một thường dân. Chàng lang bạt kì hồ quá kẻ lang bạt kì hồ, chàng thi sĩ quá thi sĩ, chàng xông xáo xung phong quá kẻ tiên phong, chàng là con người áp phe quá kẻ chạy áp phe, chàng là một kẻ buôn lậu súng khôn ngoan quá kẻ buôn lậu súng, vân vân và vân vân. Bất cứ điều gì chàng làm, chàng đều làm quá hay, đến nỗi dường như đáng phàn nàn. Đáng tiếc là chàng không trở nên một chính khách. Chàng gian lận tài đến nỗi Hitler, Staline và Mussolini - chứ đừng nói tới Churchill và Roosevelt - ngày nay sẽ tựa như tên lang băm bán dầu cù là. Tôi không tin rằng chàng hoàn toàn chỉ mang lại sự phá hoại mà những lãnh tụ đáng tôn kính này đã gieo rắc lên trên thế giới. Đại khái có thể nói chàng chắc chắn sẽ biết dấu điểm để dành phòng lúc cơ hàn. Chàng sẽ không làm đến kiệt sức. Chàng sẽ không đánh mất dấu mục tiêu, như những lãnh tụ lỗi lạc của chúng ta dường như thường phải làm. Bất xét cuộc đại bại hoàn toàn chàng đã làm cho chính cuộc đời chàng, tôi vẫn tin một cách kì cục rằng nếu có dịp chắc chắn chàng sẽ biến thế giới thành một chốn tốt đẹp hơn để sống trong đó. Tôi tin rằng kẻ mơ mộng, dù hấn có vẻ

thiếu thực tế thể nào đi chẳng nữa đối với con người ngoài đường phố, vẫn tài giỏi hơn, có khả năng hơn gấp trăm ngàn lần so với kẻ tự xưng là chính khách. Tất cả mọi kế hoạch không thể tin được đó là Rimbaud trù dự đem ra thi hành, và bị phản đối vì lí do này hay vì lí do khác, từ đó đến nay đã được thực hiện vài phần. Chàng nghĩ đến những kế hoạch đó quá sớm; chỉ có vậy thôi. Chàng thấy xa hơn những hy vọng và ước mơ của những thường nhân cũng như những chính khách rất nhiều. Chàng không được sự ủng hộ của những kẻ đó, những kẻ thích buộc tội chàng là một kẻ mơ mộng, những kẻ chỉ mơ khi họ ngủ, không bao giờ mơ với đôi mắt mở lớn. Vì đối với kẻ mơ mộng đứng chính giữa lòng thực tại, tất cả mọi diễn tiến đều quá chậm, quá ù lì – ngay cả sự tàn phá.

“Ông không bao giờ hài lòng,” một nhà viết tiểu sử chàng viết. “Dưới cái liếc nhìn mệt mỏi của ông mọi đoá hoa đều úa tàn, mọi ngôi sao đều mờ nhạt.” “Vâng, có một chút sự thực trong nhận xét đó. Tôi biết thế bởi cũng mắc chứng bệnh tương tự. Nhưng, nếu người ta mơ tưởng một quyền lực tối thượng, quyền lực tối thượng của con người, nếu người ta dám nghĩ đến cái bước đi chậm như sên con người tiến tới việc thực hiện giấc mộng này thế nào, thì rất có thể cái được gọi là những hoạt động của con người mờ nhạt tới vô nghĩa. Tôi không tin, dù trong giây phút, rằng những đoá hoa bao giờ cũng úa tàn hoặc những vì sao bao giờ cũng mờ nhạt trong đôi mắt Rimbaud. Tôi tin rằng với những thứ này trung tâm con người chàng bao giờ cũng duy trì một mối giao cảm trực tiếp và nhiệt thành. Chính trong thế giới con người mà cái nhìn thoáng qua mệt mỏi của chàng thấy mọi sự mờ nhạt và tàn úa. Chàng bắt đầu muốn “nhìn thấy tất cả, cảm tất cả, khai thác triệt để tất cả mọi sự, nói tất cả mọi sự”. Chẳng bao lâu sau chàng cảm thấy cái hàm thiếc trong miệng chàng, những cái đinh thúc ngựa hai bên hông chàng, roi vọt trên lưng chàng. Hãy để một người ăn mặc khác đồng loại hắn, hắn sẽ trở thành một đối tượng cho sự khinh bỉ và nhạo báng. Luật duy nhất thực sự phù hợp một cách cởi mở trọn vẹn và với một sự trả thù là luật phù hợp. Không có gì đáng ngạc nhiên khi hầy còn là một thanh niên, cuối cùng chàng thấy “thiên lương sự hỗn loạn trong tâm trí”. Ở điểm này thực sự chàng đã tự khiến mình thành một tiên tri thất bại. Tuy nhiên chàng thấy rằng mình bị coi như một thằng hề hay một tên lang băm bán thuốc dạo. Chàng phải lựa chọn giữa việc chiến đấu đến tận đời để giữ mảnh đất đã chiếm được hay từ khước tranh đấu hoàn toàn. Tại sao chàng lại không thể thỏa hiệp? bởi vì sự thỏa

hiệp không có trong từ vựng của chàng. Chàng là một kẻ quá khích từ thuở nhỏ, một kẻ đi đến cùng hay là chết. Thái độ đó hàm chứa sự tinh khiết, ngây thơ của chàng.

Trong tất cả những điều đó tôi khám phá thấy lại trường hợp của chính tôi. Tôi không bao giờ bỏ cuộc. Nhưng tôi đã phải trả một giá đắt biết bao! Tôi phải trả kinh phí cuộc chiến đấu du kích, cuộc chiến đấu vô hy vọng chỉ có thể sinh ra từ tuyệt vọng. Tác phẩm tôi dự định viết chưa được viết ra hay chỉ được viết ra từng phần. Chỉ nguyên việc cất tiếng nói, nói theo cách riêng của tôi, tôi đã phải chiến đấu từng tấc đất một. Tiếng hát cho cuộc chiến hầu như đã bị bỏ quên thì còn nói làm gì cái nhìn lướt qua trên những bông hoa tàn héo và những vì sao mờ nhạt! Cái nhìn của tôi hoàn toàn có tính cách huỷ hoại! Thật là một phép lạ khi dưới cái nhìn tàn nhẫn của tôi chúng không héo hắt đi. Quá sức cho tâm thể tôi. Về bề ngoài con người ngoại diện dần dần học cách thích nghi với những đường lối ở đời. Hắn có thể ở trong đó mà không thuộc về nó. Hắn có thể tử tế, dễ thương, cởi mở, bác ái. Tại sao không? “Vấn đề đích thực”, như Rimbaud vạch ra “là khiến tâm hồn trở nên dị thường”. Nghĩa là, không phải dị hợm nhưng phi thường! Dị thường là gì? Theo từ điển, “bất cứ hình thức tổ chức nào của đời sống bị méo mó ghê gớm hoặc bởi thiếu thốn, bởi quá dư thừa, đặt sai chỗ hoặc méo mó từng phần hay từng bộ phận, từ đó, bất cứ cái gì dị hợm hay bất thường, hoặc tạo nên bởi những phần hay tính chất chất không hợp nhau, có thể góm ghiếc hay không”. Ngữ căn phát nguyên từ động từ Latinh moneo, báo động. Trong thần thoại chúng ta nhận thấy cái dị thường dưới hình thức của quái vật có mặt mũi và thân hình đàn bà, cánh và móng vuốt như chim, nữ thần có phép hoá đá sư thân nữ diện thần, quái vật đầu người mình ngựa, mộc tinh, ngư nhân. Tất cả đều là những vật kì dị, đó là yêu nghĩa của danh từ. Chúng đã lật đổ sự qui phạm, sự cân bình. Điều đó là gì nếu không phải là mối sợ hãi của con người nhỏ bé. Những tâm hồn nhút nhát thường hay gặp quái vật trên đường cùng, dù chúng có tên là quái vật chim ưng mình ngựa hay những đảng viên của Hitler. Tất cả mọi phần kinh sợ của thần thoại đều nảy sinh từ sự sợ hãi này. “Hãy để chúng tôi sống trong hoà bình và hoà điệu!” Con người nhỏ bé van nài. Nhưng luật của vũ trụ càn khôn buộc rằng hoà bình và hoà điệu chỉ có thể chinh phục được bằng tranh đấu nội tại. Con người nhỏ bé không muốn trả giá cho hoà bình và hoà điệu đó, nó muốn ăn sẵn, tựa một bộ quần áo may sẵn vậy.

Có nhiều chữ ám ảnh, lặp đi lặp lại mà nhà văn dùng phát lộ nhiều hơn những sự kiện do những nhà viết tiểu sử kiên nhẫn gom góp lại. Đây là một ít những chữ chúng ta gặp trong tác phẩm của Rimbaud: éternité, infini, charité, solitude, angoisse, lumière, aube, soleil, amour, beauté, inoui, pitié, démon ange, ivresse, paradis, enfer, ennui,...

Đó là những đường chỉ dọc và đường canh của kiểu mẫu nội tâm chàng; chúng nói cho chúng ta về sự ngây thơ của chàng, sự đói khát của chàng, sự thao thức bồn chồn, lòng cuồng tín của chàng, tính cố chấp của chàng. Thần thánh của chàng là Baudelaire, người đã thăm dò tới những chiều sâu của tội lỗi. Trên kia tôi đã nhấn mạnh, và cần phải nhắc lại, rằng toàn thể thể kỉ Mười chín bị dầy vò bởi vấn đề Thượng đế. Bề ngoài nó dường như một thể kỉ dẫn mình vào tiến bộ vật chất, một thể kỉ của khám phá và phát minh, tất cả thuộc về thế giới vật chất. Tuy nhiên, trong tâm điểm, nơi những nghệ sĩ và tư tưởng gia luôn luôn cắm neo, chúng ta nhận thấy một sự giao động sâu xa. Rimbaud tóm tắt cuộc tranh chấp trong một vài trang. Và, nếu điều đó chưa đủ, chàng in lên toàn thể cuộc đời chàng cái ấn bản bí ẩn biểu thị chân tướng đó của thời đại chàng. Chàng là con người của thời đại chàng đích thực hơn Goethe, Shelley, Blake, Nietzsche, Hegel, Marx, Dostoievsky. Chàng bị sâu xé từ đầu tới chân trong tất cả mọi lãnh vực của con người chàng. Bao giờ chàng cũng đương đầu hai cách. Chàng bị xé rách, nghiền nát bởi bánh xe thời gian. Chàng là nạn nhân và kẻ hành hình; khi chúng ta nói đến tên chàng, chúng ta có thời gian, nơi chốn và biến cố. Bây giờ khi chúng ta đã thành công trong việc nghiền nát nguyên tử thì vũ trụ bị xé rách toang ra. Bây giờ chúng ta phải đương đầu trong mọi chiều hướng cùng một lúc. Chúng ta đã thành công, đã thủ hữu được một năng lực ngay cả những thần thánh ngày xưa cũng không thể thu tóm được. Bây giờ chúng ta ở đây, trước địa ngục môn. Liệu chúng ta sẽ có thể đột kích cái cổng, phá tan hoang chính địa ngục? Tôi tin rằng chúng ta sẽ có thể làm. Tôi tin rằng sứ mệnh của tương lai là thám hiểm lãnh vực tội lỗi cho đến khi không còn một mảy may bí mật nào còn sót lại. Chúng ta sẽ khám phá ra cội rễ cay đắng của cái đẹp, chấp nhận cả rễ lẫn hoa, lá lẫn nụ. Chúng ta không còn có thể cự tuyệt được tội lỗi: chúng ta phải chấp nhận.

Chú thích.

[1]Hãy kiểm tập album tên *Euphoria*, Vaya Records

[2]Ấn bản Pháp ngữ do Metmod, Lausanne ấn hành, ấn bản Đức ngữ do Verlag der Arche, Zürich.

[3]Horace Schwartz ấn hành, P.O. Box 503, Sunnyvale, California, 1955.

[4]Pháp văn trong nguyên bản: hợp lệ - Ghi chú của dịch giả.

5 Pháp văn trong nguyên bản: “Tù tội sau khi tôi đã chịu đau đớn như thế này? Thà chết còn hơn!” G.c.D.

[5]

[6]Độc cuốn *The Power Within Us* của Hantel Long: Duell, Sloan and Pearce, New York.

[7]Pháp văn trong nguyên bản G. c. D.

Thời của những kẻ giết người

Dịch giả: Nguyễn Hữu Hiệu

Phần 1 (B)

Khi chàng viết cuốn sách mọi đen của chàng (*Une Saison en Enfer*) người ta nói rằng Rimbaud đã tuyên bố: “Số phận tôi tùy thuộc cuốn sách này!”. Đúng một cách sâu xa làm sao phán quyết đó mà chính Rimbaud cũng không hiểu. Vừa khi chúng ta bắt đầu ý thức được định mệnh bi thảm của chúng ta, chúng ta bắt đầu nhận thấy ý chàng muốn nói gì. Chàng đã đồng hoá định mệnh chàng với định mệnh của thời đại chủ yếu nhất mà con người biết. Giống như chàng, hoặc chúng ta sắp khước từ tất cả những gì nền văn minh của chúng ta bênh vực từ đó đến nay và toan tính tái thiết, hoặc chúng ta sắp phá huỷ nó bằng chính tay chúng ta. Khi thi sĩ đứng ở Thiên đẽ điểm, thế giới quả thực phải lộn nhào. Nếu thi sĩ không còn có thể nói cho xã hội được nữa, nhưng chỉ nói cho mình nghe, lúc đó chúng ta đang ở bước đường cùng. Trên thi thể thi ca của Rimbaud, chúng ta đã bắt đầu dựng lên một ngọn tháp Babel. Điều đó không có nghĩa rằng chúng ta hãy còn là thi sĩ, hoặc một vài thi sĩ hãy còn có thể hiểu được, hãy còn có thể cảm thông với quần chúng. Đây là khuynh hướng của thi ca và đây là sợi dây nối kết giữa thi sĩ và khán giả? Đây là bức thông điệp? Trước hết chúng ta hãy nêu lên câu hỏi đó.

Tiếng nói nào là tiếng nói ngày nay tự khiến mình được người ta lắng nghe, tiếng nói của thi sĩ hay của khoa học gia? Chúng ta đang nghĩ tới cái Đẹp, dù cay đắng, hay là chúng ta đang nghĩ đến nguyên tử năng? Và mỗi xúc động chính mà những phát minh vĩ đại của chúng ta gọi ra là gì? Kinh hoàng! Chúng ta có tri thức không minh triết, tiện nghi không an ninh, lòng tin tưởng không đức tin. Thi ca của đời sống chỉ được diễn tả trong thuật ngữ của toán học, vật lý, hoá học. Thi sĩ là một kẻ cùng đinh mặt hạng, một quái vật dị thường. Hắn đang trên đường tuyệt diệt. Ngày nay ai quan tâm tới sự kiện hắn tự khiến mình trở nên *dị thường* đến mức nào? Con quái vật đang được dạo chơi khắp thế giới. Nó đã chôn thoát khỏi phòng thí nghiệm, nó đang phục vụ cho bất cứ kẻ nào có can đảm sử dụng nó. Thế giới quả thực đã trở thành con số. Sự lưỡng phân tinh thần, như tất cả mọi sự lưỡng phân khác, đã sụp đổ. Đó là thời kì của hưng phế và tình cờ; cuộc chuyển động vĩ đại đã bắt đầu.

Và những kẻ điên rồ đang nói đến những sự tu bổ, thẩm vấn, trừng phạt, về hàng lối và liên hiệp, về tự do thương mại, ổn định và phục hồi kinh tế. Trong thâm tâm, không một người nào tin rằng cục diện thế giới có thể sửa chữa được. Tất cả mọi người đang chờ đợi cái biến cố trọng đại, biến cố duy nhất làm chúng ta bận tâm ngày đêm: *cuộc chiến tranh sắp tới*. Chúng ta đã xáo trộn tất cả mọi sự. Không ai biết đạt tới sự kiểm soát bằng cách nào và ở đâu. Cặp thắng hãy còn đây, nhưng liệu chúng có làm việc không? Chúng ta biết rằng chúng sẽ không làm việc. Không, quỷ mị đã đào thoát. Thời đại của điện khí đã lùi sau chúng ta xa như thời thạch khí. Đây là thời của sức mạnh, sức mạnh đơn thuần. Bây giờ nó không phải là thiên đàng hay hỏa ngục, cũng không có thể ở giữa được nữa. Và bằng mọi dấu hiệu, chúng ta sẽ chọn địa ngục. Khi thi sĩ sống trong địa ngục của hắn thì con người bình thường không còn có thể trốn tránh được nó nữa. Tôi đã gọi Rimbaud là một kẻ đào ngũ? *Tất cả chúng ta đều là những kẻ bội giáo đào ngũ*. Chúng ta đã phản bội từ thuở ban đầu. Định mệnh cuối cùng bắt kịp chúng ta. Chúng ta sắp có *Mùa địa ngục* của chúng ta, tất cả mọi người, từ đàn ông cho tới đàn bà, trẻ con, đã đồng hoá với nền văn minh này. Đó chính là điều chúng ta đã từng cầu xin, và bây giờ nó đây. Aden đã dường như một nơi thú vị. Trong thời đại Rimbaud, hãy còn có thể dời Aden để đến Harar, nhưng năm mươi năm sau kể từ bây giờ, chính trái đất sẽ là một miệng núi lửa bao la. Thây kệ những sự khước từ của những khoa học gia, sức mạnh mà ngày nay chúng ta có trong tay đang có tính cách phóng xạ, phá hoại thường trực. Chưa bao giờ chúng ta nghĩ

tới sức mạnh trong lãnh vực thiện mà chỉ trong lãnh vực ác. Không có gì bí ẩn xung quanh những nguyên tử năng, sự bí ẩn ở trong lòng người. Sự khám phá ra nguyên tử năng đồng thời với sự khám phá ra rằng không bao giờ chúng ta có thể tin người khác được nữa. Ở đó có định mệnh – nằm trong sự sợ hãi chín đầu không bom đạn nào có thể phá hủy. Kẻ đào ngũ đích thực là người đã mất niềm tin vào đồng loại mình. Ngày nay sự mất niềm tin có tính cách phổ quát. Ở đây chính Thượng đế cũng bất lực. Chúng ta đã đặt đức tin vào bom đạn, và chính bom đạn sẽ đáp ứng những lời cầu nguyện của chúng ta.

Chấn động biết bao đối với một thi sĩ khi khám phá ra rằng Rimbaud khước từ lời kêu gọi của mình! Chẳng khác nào nói rằng chàng đã khước từ tình yêu. Dù bất cứ nguyên do nào, chắc chắn sự xô đẩy tối thượng đưa tới sự mất đức tin. Sự khiếp đảm của thi sĩ, cảm thức bội phản và lường gạt, được đối chiếu với phản ứng của nhà khoa học khi ông khám phá thấy công dụng mà những sự phát minh của ông đặt vào. Người ta bị cám dỗ so sánh hành động khước từ của Rimbaud với sự thả bom nguyên tử. Những sự dội lại, dù rộng rãi hơn trong trường hợp sau, không sâu xa bằng. Con tim ghi nhận một sự chấn động trước phần còn lại của thân thể. Sự suy đồi cần có một thời gian để lan rộng qua khắp toàn thi thể của nền văn minh. Nhưng khi Rimbaud đi ra ngoài cửa hậu, sự suy đồi tự nó đã giống lên.

Tôi có lý biết bao khi lánh tránh sự khám phá đích thực về Rimbaud! Nếu tôi rút những kết luận hoàn toàn sai biệt từ những thi sĩ khác về sự xuất hiện và biểu lộ của chàng trên trần gian, việc đó giống hệt tinh thần mà những vị thánh rút từ những kết luận lạ thường về sự Giáng sinh của đấng Cứu thế. Hoặc giả những điều như thế này là những biến cố quan trọng trong lịch sử con người hoặc nghệ thuật diễn giải là một nghệ thuật giả đồ. Một ngày kia chúng ta sẽ sống như đấng Christ là điều tôi không mấy may nghi ngờ. Chúng ta sẽ khước từ cá tính trước hết là điều tôi cũng không chút hồ nghi.

Chúng ta đã đi tới tận điểm của lòng vị kỉ, trạng thái nguyên tử của hữu thể. Ở đây chúng ta bị tan hoang. Bây giờ chúng ta đang sửa soạn khai tử cho cái tiểu ngã nhỏ bé để cái ngã chân thực trời lên. Một cách vô tâm và vô thức chúng ta đã khiến thế giới thành một, nhưng một trong vô năng tính. Chúng ta phải trải qua một cái chết tập thể để trời lên những cá nhân xác thực. Nếu quả thật, như Lautréamont nói, rằng “thi ca phải được làm nên bởi tất cả”, thì chúng ta phải tìm một ngôn ngữ mới trong đó một tâm hồn sẽ nói với một tâm hồn khác không qua trung gian. Sự kêu gọi nhau phải trực

tiếp và chớp nhoáng như giữa Chúa Con với Chúa Cha. Thi sĩ ngày nay bị bắt buộc phải huỷ bỏ chức phận của mình vì hắn đã biểu lộ sự thất vọng của hắn, vì hắn đã nhìn nhận sự bất lực của mình trong việc truyền cảm. Là một thi sĩ, ngày xưa là một chức phận cao cả nhất; ngày nay, là một cái gì tào lao nhất. Thực trạng như vậy không phải vì thế giới kháng lại lời biện hộ của thi sĩ mà vì chính thi sĩ không còn tin tưởng vào sứ mệnh thiêng liêng của mình nữa. Bây giờ hắn đang ca hát lạc điệu trong một thế kỉ hay hơn nữa; cuối cùng chúng ta không còn thể điều hoà nổi. Tiếng gầm rít của bom đạn hãy còn có ý nghĩa với chúng ta, nhưng những tiếng rì rào của thi sĩ dường như ngập ngóng nếu trong hai tỷ người trên thế giới hiện nay, chỉ có dăm ba ngàn người làm bộ hiểu người thi sĩ cô đơn nói gì. Sự tôn sùng nghệ thuật đi đến tận điểm của nó chỉ hiện hữu cho một dúm người đàn ông đàn bà quý báu. Rồi nó không còn là nghệ thuật mà là mật ngữ của một xã hội bí mật để truyền bá cá tính vô nghĩa. Nghệ thuật là một cái gì khuấy động đam mê, ban bố viễn tượng, sự sáng suốt, can đảm và niềm tin. Có nghệ sĩ nào trên thế giới trong những năm gần đây khuấy động được thế giới như Hitler đã làm? Có bài thơ nào gần đây khiến cả thế giới xúc động như bom nguyên tử? Từ khi Chúa ra đời đến nay, chưa bao giờ chúng ta được thấy những viễn cảnh như vậy bật ra, gia tăng mỗi ngày. Thi sĩ có những khí giới nào để so sánh với những thứ đó? *Hay những giấc mộng nào?* Óc tưởng tượng khoa trương của hắn bây giờ ở đâu? Thực tại ở ngay trước mắt chúng ta, trần như nhộng, nhưng đâu là bài ca báo hiệu nó? Có chăng một thi sĩ của trường độ thứ năm? Tôi không thấy một người nào. Tôi không gọi là thi sĩ những người làm thơ, có vần điệu hay không có vần điệu. Tôi gọi là thi sĩ những người có thể thay đổi thế giới một cách sâu xa. Nếu có một thi sĩ như vậy sống giữa chúng ta, hãy để chàng tự tuyên xưng. Hãy để chàng cất tiếng! Nhưng nó sẽ phải là tiếng có thể làm tắt ngấm tiếng gầm thét của bom đạn. Chàng sẽ phải dùng một ngôn ngữ làm xúc động tâm hồn con người, khiến máu sôi lên sùng sục...

Nếu sứ mệnh của thi ca là thức tỉnh, chúng ta đã phải thức tỉnh lâu rồi. Một vài kẻ thức tỉnh, điều đó không chối cãi được. Nhưng bây giờ tất cả đều phải được thức tỉnh - và ngay lập tức - hoặc chúng ta diệt vong. Nhưng con người sẽ không bao giờ diệt vong, tùy thuộc điều đó. Mà chính là một nền văn hoá, một nền văn minh, một lối sống sẽ diệt vong. Khi những kẻ đã chết này đã thức tỉnh, thi ca sẽ là yếu chất của cuộc đời. Chúng ta có thể sẽ mất thi sĩ lắm nếu chúng ta bảo tồn chính thi ca. Không cần giấy mực để sáng tạo hay truyền bá

nó. Dân man rợ nói chung đều là thi sĩ của hành động, thi sĩ của cuộc đời. Họ hãy còn làm thơ dầu nó không làm xúc động chúng ta.

Chúng ta chú ý đến cái thơ mộng, chúng ta không được tránh lẽ lối sống của họ: chúng ta phải thể nhập thi ca của họ vào thi ca của chúng ta, chúng ta phải pha trộn cuộc đời chúng ta với vẻ đẹp thẩm nhiễm cuộc đời họ. Thi ca của người văn minh bao giờ cũng chấp nhất, "bí truyền". Nó đã đem lại cái chết của chính nó.

"Chúng ta phải tuyệt đối tân kỳ", Rimbaud nói, ý nói những ảo tưởng đã lỗi thời cũng vậy, những điều mê tín và những ngẫu tượng, tín điều giáo điều và tất cả những chuyện tầm phào và rỗng tuếch yêu mến mà nền văn minh huênh hoang của chúng ta được tạo thành.

Chúng ta phải đem lại ánh sáng, chứ không phải thần cảm giả tạo "tiền bạc làm giảm giá trị khắp nơi", chàng viết trong một trong những lá thư của chàng. Đó là vào thời 1880 xa xưa. Ngày nay ở Âu châu thực ra không còn bất cứ một giá trị nào. Điều người ta thiếu là nơi ẩn trú, quần áo, thức ăn – những cái căn bản – không phải tiền. Toà lâu đài tàn tạ đã lở ra từng mảng trước mắt chúng ta, nhưng chúng ta lưỡng lự chưa tin vào mắt chúng ta. Chúng ta hãy còn hy vọng có thể làm việc như thường lệ. Chúng ta chưa ý thức được sự tai hại đã xảy ra cũng chưa ý thức được những khả thể của sự tái sinh. Chúng ta đang dùng ngôn ngữ của thời Cựu thạch khí. Nếu người ta chưa thấu tóm nỗi sự vĩ đại của hiện tại, làm sao họ có thể cảm nghĩ trong khuôn khổ tương lai? Chúng ta đã cảm nghĩ trong khuôn khổ quá khứ trong vài ngàn năm rồi. Bây giờ, trong chốc lát, toàn thể quá khứ bị chùi sạch đi. Chỉ còn lại tương lai đang nhìn thẳng vào mặt chúng ta. Nó hé mở như một vực thẳm. Nó thật đáng sợ, tất cả mọi người đều công nhận, mặc dầu chỉ nghĩ tới điều mà trong tương lai tích trữ để dành cho chúng ta. Trong quá khứ quái vật mang tầm vóc con người; người ta có thể đương đầu với chúng, nếu người ta đủ dũng cảm. Bây giờ quái vật vô hình; có hàng tỉ con trong một hạt bụi. Các bạn thấy tôi vẫn dùng ngôn ngữ trong thời Cựu thạch khí. Tôi nói như thể chính nguyên tử là quái vật, như thể nó tác động chứ không phải chúng ta. Đó là một hình thức lưỡng gạt chúng ta thực hành trên chúng ta từ lúc con người suy tưởng. Và điều này nữa, cũng là một sự lừa dối – giả định rằng ở một điểm xa xôi nào trong quá khứ, con người bắt đầu suy tưởng. Con người chưa bắt đầu suy tưởng nữa.

Về phương diện tâm linh, nó hãy còn đi bốn chân. Nó sò soạng trong sương mù, mắt nó nhắm, tim nó đập thành thịch vì sợ hãi. Và điều nó sợ nhất – Xin Thượng Đế thương xót hẳn – là chính hình ảnh hẳn.

Nếu một đơn tử còn chứa đựng nhiều năng lực đến thế, thì chính

con người, kẻ mang trong mình cả một vũ trụ nguyên tử sẽ thế nào? Nếu có thờ phụng năng lực, tại sao nó không nhìn vào chính nó? Nếu nó có thể chứng minh theo ý muốn, năng lực vô biên tù hãm trong một nguyên tử cực tiểu, thì lúc đó những ngọn thác Niagara đó trong nó ra sao? Và năng lực của trái đất là gì, chỉ nói riêng về sự kết tụ vật chất cực tiểu khác? Nếu chúng ta mong cùm xích quở dữ đến nỗi tư tưởng tê liệt. Hoặc – nó phản kích đến nỗi con người phải chạy hút hơi từ nhà này sang nhà khác để reo rắc mê sảng và hỗn loạn. Có lẽ chỉ bây giờ người ta mới có thể thẩm định được sự nhiệt liệt – đặc tính của Satan, khi tháo xiềng xích cho những sức mạnh của sự ác. Con người lịch sử không biết gì về cái quỷ mị đích thực. Nó cư trú trong một thế giới u hiể đầy những phản chiếu mờ nhạt mà thôi. Con người giữa thiện và ác đã được phân định từ lâu. Tội lỗi thuộc về thế giới ma quỷ, thế giới của giả bộ. Những ảo mộng hãy chết đi! Ấy, nhưng chúng đã bị ám sát từ lâu rồi. Con người được cung cấp một nhãn lực thứ hai khiến nó có thể nhìn qua và bên trên thế giới của ảo tưởng yêu ma. Nỗ lực duy nhất đòi hỏi con người là nó hãy mở cặp mắt của linh hồn, hãy nhìn vào lòng thực tại và đừng chơi vơi trong lãnh vực của ảo ảnh và ảo giác.

Có một thay đổi tế vi tôi cảm thấy phải thực hiện, trong tương quan với sự diễn giải cuộc đời Rimbaud, và điều đó liên hệ với yếu tố định mệnh. Số phận của chàng là trở thành thi sĩ kích động của thời đại chúng ta biểu tượng của những sức mạnh phân ly mà ngày nay tự chúng hiển lộ. Tôi thường nghĩ là chính định mệnh chàng là bị vương mắc vào cuộc đời hành động, trong đó chàng sẽ tàn tạ một cách hèn mọn. Khi chàng nói số phận chàng phụ thuộc vào cuốn "*Saison*", chàng muốn nói, tôi phỏng đoán rằng nó sẽ quyết định đường hướng của những hành động tương lai của chàng, và, như ngày nay dường như trở nên minh bạch, nó hầu như chắc chắn đã làm vậy. Nếu chúng ta muốn, chúng ta có thể cho rằng trong khi viết tác phẩm đó chàng chủ trì phát lộ cho chính mình rằng chàng không cần diễn tả trên bình diện nghệ thuật nữa. Là thi sĩ, chàng đã nói tất cả những gì chàng có thể nói. Chúng ta tưởng tượng rằng chàng đã ý thức về điều đó và do đó quay lưng lại với nghệ thuật một cách cố ý. Một vài người đã so đo nửa phần đời sau của chàng như một thứ giấc ngủ của Rip Van Winkle; đây không phải là lần thứ nhất một nghệ sĩ ngủ trên thế giới. Thì đây ta có ngay Paul Valéry, người đã làm một việc tương tự khi ông đào thoát lãnh vực thi ca đi vào lãnh vực toán học trong một giai đoạn hai mươi năm hay vào khoảng đó. Thường thường có một cuộc trở về, hay một sự thức tỉnh. Trong trường hợp

Rimbaud sự thức tỉnh nằm trong cái chết. Ngọn lửa leo lét chập chờn cùng với cái chết của chàng càng ngày càng thêm mãnh liệt vì sự kiện cái chết của chàng càng ngày càng được nhiều người biết đến. Kể từ ngày từ giã trần gian này, chàng càng sống phi thường và linh động hơn khi sống ở đời hơn bao giờ. Người ta tự hỏi nếu chàng trở về *cuộc sống này*, chàng sẽ viết lời thi ca nào, thông điệp của chàng sẽ là gì. Như thể bị cắt đứt trong lúc đương độ thanh niên trai tráng, chàng đã bị khuôn thiên lừa lọc mất giai đoạn cuối cùng của sự phát triển cho phép một người hoà điệu với những tự ngã nghịch thù của hần di động dưới một lời nguyên phần lớn cuộc đời, tranh đấu với tất cả mọi năng lực để tìm cho mình một lối đi vào những không gian quang đấng, mệnh mang của hiện thể, chàng đã bị dập vùi xuống đất cho mãi đến giây phút cuối cùng khi người ta cảm thấy mây mù đang được vén lên. Sự bồn chồn nóng nảy của hành động chàng biểu thị ý thức về một cuộc sống non yếu, như trong trường hợp D. H.

Lawrence và nhiều người khác. Nếu người ta thắc mắc không hiểu những người này có tự thể hiện được viên mãn mình không, người ta có khuynh hướng phúc đáp khẳng định. Tuy họ không được phép đi tròn đầy chu kì, cái tương lai không được sống qua đó cần phải được đoái tưởng tới, nếu chúng ta muốn công bình với họ. tôi đã nói về Lawrence, và tôi nói về Rimbaud, rằng nếu họ được ban thêm ba mươi năm sống nữa, chắc chắn họ sẽ ca hát một điệu hoàn toàn khác hẳn. Họ sẽ luôn hợp nhất với định mệnh họ, chính số phận họ phản bội họ và chính nó đánh lừa được chúng ta trong khi khảo sát sự nghiệp và động lực thúc đẩy của họ.

Rimbaud như tôi thấy, là một mẫu nổi loạn *par excellence*. Cuộc nổi loạn kéo dài qua phần đầu của cuộc đời chàng không kinh dị bằng cuộc nổi loạn ở phần thứ hai. Có lẽ, chính chúng ta, là người không ý thức được giai đoạn vinh quang chàng sửa soạn bước vào. Chàng chìm xuống dưới chân trời của chúng ta vào chiều hôm trước của cuộc đổi thay vĩ đại, vào lúc khởi đầu của một thời kì xung mãn khi thi sĩ và con người hành động sắp liên hợp. Chúng ta thấy chàng tắt nghỉ như một kẻ chiến bại, chúng ta không thấy được những phần thưởng mà những năm kinh nghiệm trần gian đã tích lũy cho chàng. Chúng ta thấy hai mẫu người đối nghịch kết hợp trong một con người, chúng ta thấy sự tranh chấp mà không thấy sự hoà điệu hay dung giải tiềm ẩn. Chỉ có những người quan tâm tới ý nghĩa của đời chàng mới cho phép mình bỏ thì giờ giỡn chơi với những suy tưởng đó. Tuy nhiên mục đích duy nhất trong việc đi vào cuộc đời một cá tính ngất trời, nghiên cứu cuộc đời trong quan hệ với tác phẩm, là

khám phá ra cái ẩn toàn thâm u, cái bất toàn như thị. Nói về một Lawrence chưa biết tới (vô danh), một Rimbaud chưa biết tới, không còn phải bàn cãi gì nữa về những vóc dáng mà họ có thể tự phát lộ một cách hoàn toàn này. Điều lạ lùng đáng ghi nhận trong mối quan hệ đó là chính những người đề cập đến sự phát lộ - sự tự phát lộ - về người có niềm bí ẩn lớn lao nhất. Những cá nhân này dường như được sinh ra trong thế giới nhiễu nhương để biểu lộ điều bí ẩn nhất trong bản chất họ. Có một niềm bí ẩn găm nhám họ là một điều không còn nghi ngờ gì nữa. Người ta không cần phải “huyền bí” để có ý thức về sự khác biệt giữa những vấn đề của họ với những vấn đề của những người siêu đẳng cũng như sự tự đi tới những vấn đề đó của họ. Những người này liên kết một cách sâu xa với tinh thần thời đại, với những vấn đề nền tảng vây phủ thời đại và cho nó đặc tính và âm điệu riêng của nó. Bề ngoài họ có vẻ lưỡng tính, và có lý do chính đáng, vì họ thể nhập cố cựu tân kì với nhau chính vì lý do này mà cần phải có nhiều thời gian để thẩm định và đánh giá họ hơn những người đồng thời dù thời danh hơn họ. Những người này có cội nguồn trong tương lai sáo trộn chúng ta một cách vô cùng sâu xa. Họ có hai âm điệu, hai khuôn mặt, hai lối diễn tả. Họ được phối hợp để dời chuyển, thăng trầm. Khôn ngoan bằng một cách mới lạ, ngôn ngữ của họ đối với chúng ta dường như bí hiểm, nếu không điên cuồng hoặc tương phản.

Trong một bài thơ Rimbaud nêu ra sự bí mật găm nhám mà tôi đã nêu ra.

*“Hydre intime, sans gueules,
Qui mine et désolé”.*

Chính sự sầu muộn đã đầu độc chàng ở cả thiên đỉnh lẫn thiên đê - điểm của hiện thể chàng. Trong chàng mặt trời và mặt trăng đều mãnh liệt và bị che lấp. (*Toute lune est atroce et tout soleil amer*). Trung tâm điểm của con người chàng bị ăn rỗng; nó lan rộng như bệnh ung thư găm nhám đầu gối chàng. Cuộc sống như một thi sĩ của chàng, nguyệt kì của cuộc cách mạng của chàng cho thấy cùng tính chất lu mờ như phần đời sau của cuộc sống giang hồ và con người hành động của chàng, tức giai đoạn nhật kì. Tạm thoát khỏi sự điên cuồng trong tuổi trẻ, chàng trốn thoát nó lần nữa vào lúc từ trần. Giải pháp duy nhất của chàng, nếu chàng không bị bắt lìa bởi cái chết, là cuộc sống trầm tư, con đường huyền bí. Tôi tin tưởng rằng ba mươi bảy năm của chàng sửa soạn cho lối sống này.

Tại sao tôi tự cho phép mình nói về phần đời dang dở của chàng với xác tín nhường ấy? Bởi vì lại một lần nữa tôi lại nhìn thấy những sự

đồng thanh đồng khí với cuộc sống của chính tôi, với sự phát triển của chính tôi. Nếu tôi chết vào tuổi Rimbaud chết, người đời sẽ biết gì về mục đích của tôi, những nỗ lực của tôi? Không gì hết. Tôi sẽ bị coi như một sự thất bại toàn triệt. Tôi phải đợi tới năm bốn mươi ba tuổi mới được nhìn thấy tác phẩm đầu tiên của mình được ấn hành. Đó là một biến cố định mệnh cho tôi, có thể so sánh về mọi phương diện với sự ấn hành cuốn “*Saison*”. Với sự xuất hiện của nó một chu kỳ phá hoại và thất bại dài đằng đẵng đi đến chỗ kết thúc. Với tôi nó có thể gọi tên là “cuốn sách mọi đen” của tôi. Nó là lời nói cuối cùng trong tuyệt vọng, phản kháng và nguyên rửa. Nó còn có cách tiên tri và chữa trị, không phải chỉ đối với độc giả của tôi mà đối với tôi nữa. Nó có tính chất cứu chuộc của nghệ thuật luôn luôn phân biệt những cuốn sách đoạn tuyệt với quá khứ này. Nó cho phép tôi đóng lại cánh cửa của quá khứ và tái nhập bằng cửa hậu. Niềm bí ẩn nhức nhối vẫn tiếp tục ăn mòn tôi, nhưng bây giờ nó là “niềm bí ẩn mở phôi” và tôi có thể đương đầu với nó.

Và đâu là bản chất của niềm bí ẩn đó? Tôi chỉ có thể nói rằng nó không liên hệ với những bà mẹ. Tôi cảm thấy tương tự với Lawrence và Rimbaud. Tất cả sự nổi loạn mà tôi chia sẻ với họ phát khởi từ vấn đề này, như tôi cố gắng diễn tả, có nghĩa là sự tìm kiếm mối ràng buộc đích thực của người ta với nhân loại. Người ta không thể tìm thấy nó trong đời sống cá nhân cũng như trong đời sống tập thể, nếu người ta thuộc mẫu người này. Người ta bất khả thích nghi với độ điên cuồng. Người ta khao khát kiếm kẻ đồng đẳng nhưng chỉ thấy vây quanh bởi những khoảng trống vắng mênh mông. Người ta cần một bậc thầy, nhưng người ta thiếu khiêm cung, nhu thuận, kiên trì cần thiết. Người ta không tự nhiên thoả mái với kẻ cao viễn trong tinh thần, ngay cả kẻ cao viễn ngất trời cũng khiếm khuyết hay khả nghi. Tuy nhiên người ta chỉ tương ứng với những người cao viễn ngất trời này. Đó là một tình trạng lưỡng nan của sự trọng đại đầu tiên, một tình trạng lưỡng nan đầy ý nghĩa cao vời nhất. người ta phải thiết lập sự sai biệt tối hậu của con người dị thường của riêng mình và làm vậy để khám phá liên hệ quyền thuộc với toàn thể nhân loại, ngay cả lớp mặt hạn. Chấp nhận chính là khai ngữ. Nhưng chấp nhận chính là đoạn đường gập ghềnh dễ sa chân sẩy bước nhất. Nó phải là sự chấp nhận hoàn toàn chứ không phải là thủ cựu. Điều gì khiến cho mẫu người này khó chấp nhận trần gian? Sự kiện, như tôi thấy bây giờ, là trong buổi ban đầu của cuộc đời toàn thể khía cạnh đen tối của cuộc sống, và của chính con người ta, dĩ nhiên, bị đàn áp, bị ngăn trở hoàn toàn đến độ dường như không còn

nhìn nhận ra được. Không bị bác bỏ khía cạnh đen tối này của con người có nghĩa là một sự mất cá tính, mất cả tự do nữa, người ta lý luận với mình như vậy. Tự do bị ràng buộc bởi sự biến biệt. Cứu chuộc ở đây nghĩa là bảo tồn đồng nhất tính đồng nhất của con người trong một thế giới có khuynh hướng biến tất cả mọi người và mọi sự tương tự như nhau. Đó là căn nguyên của nỗi sợ hãi. Rimbaud nhấn mạnh sự kiện chàng muốn *tự do* trong cứu chuộc. Nhưng người ta chỉ được cứu chuộc bằng cách khắc phục tự do ảo tưởng này. Sự tự do hấn đòi hỏi là giải thoát tự ngã để tự xác nhận mình không bị hạn chế. Đó không phải là tự do. Dưới ảo tưởng này người ta chỉ có thể đóng đến cùng mọi khía cạnh chi ly nhỏ nhất của con người mình và còn tìm thấy lý do để than vãn, đất để nổi loạn nếu người ta sống đủ lâu. Đó là một tự do cho người ta quyền phản đối, tách ra nếu cần. Nó không đếm xỉa gì đến những sự khác biệt của người khác, mà chỉ chú ý đến sự khác biệt riêng tư. Nó không bao giờ giúp người ta tìm thấy sự ràng buộc của người ta, sự liên lạc của người ta, với toàn thể nhân loại. Người ta mãi mãi chia ly, mãi mãi đơn độc.

Tất cả điều đó chỉ có một ý nghĩa duy nhất đối với tôi – đó là người ta vẫn trói buộc với mẹ. Mọi sự nổi loạn của người ta chỉ là bụi trong mắt, toan tính che dấu sự trói buộc này một cách điên cuồng. Người mang dấu tích này luôn luôn chống lại mảnh đất quê hương họ - không có cách nào làm khác được. Sự nô lệ là vấn đề phải lo lắng nhất, dù nô lệ tổ quốc, giáo hội hay xã hội. Cuộc đời họ dùng để phá huỷ xiềng xích, nhưng niềm bí ẩn ăn mòn những bộ phận sinh hoạt của họ và không cho họ được ngơi nghỉ. Họ phải hoà giải với mẹ trước khi họ có thể rút bỏ ám ảnh xiềng xích. “Đứng ngoài lề! Luôn luôn đứng ngoài lề! Ngồi trên ngưỡng cửa lòng mẹ”. Tôi tin rằng đó chính là những lời nói của tôi trong *Blackspring*, một thời vàng son khi tôi gần như nắm được sự bí mật. Không có gì đáng ngạc nhiên khi người ta bị tách biệt khỏi mẹ. Người ta không quan tâm tới bà, trừ như một trở ngại. Người ta muốn tiện nghi và an ủi của lòng mẹ, cái bóng tối và sự yên ả đó, đối với kẻ chưa sinh ra đời tương đương với giác ngộ và chấp nhận, đối với kẻ đã thực sự chào đời. Xã hội được tạo thành bởi những khuôn cửa đóng, cấm kỵ, luật lệ, ước chế và cấm đoán. Người ta không có cách nào để thoát khỏi những nanh vuốt của những yếu tố xây dựng nên xã hội này và qua đó người ta phải làm việc nếu người ta bao giờ cũng muốn thiết lập một xã hội đích thực. Đó là một cuộc nhảy múa liên tục bên miệng núi lửa. Người ta có thể được tuyên dương như một kẻ nổi loạn vĩ đại nhưng người ta

sẽ chẳng bao giờ được yêu. Và hơn ai hết kẻ nổi loạn cần phải biết tình yêu, cho nhiều hơn nhận được, và là tình yêu cho cả hơn tình yêu nữa.

Có lần tôi đã viết một bài thảo luận nhan đề "Cửa lòng rộng mở". Trong thiên thảo luận này, tôi quan niệm thế giới như một cửa lòng, như nơi sáng tạo. Đó là một nỗ lực dũng cảm và hữu hiệu đi tới chấp nhận. Đó là điếm báo trước một sự chấp nhận hoàn toàn hơn, vẫn tất để theo, một sự chấp nhận mà tôi thực hiện với toàn thể con người tôi. Nhưng thái độ coi thế giới như một cửa lòng và sáng tạo này không phải là một thái độ dễ chịu đối với những kẻ nổi loạn khác. Nó chỉ khiến tôi bị xa lánh ghét bỏ thêm mà thôi. Khi kẻ nổi loạn bắt hoà với kẻ nổi loạn, như hẳn thường làm, nó giống như mặt đất tan vỡ dưới chân hắn. Rimbaud trải qua cảm giác chìm đắm đó qua kinh nghiệm công xã. Kẻ nổi loạn chuyên nghiệp thấy khó tiêu một thái độ như vậy. Chàng dùng một danh từ xấu xa để chỉ nó: tạo phản.

Nhưng chính tính chất tạo phản đó trong kẻ nổi loạn tách rời chàng với quần chúng. Chàng luôn luôn tạo phản và xúc phạm thần thánh, nếu không trong chữ nghĩa thì trong tinh thần. Trong thâm tâm chàng là một kẻ phản bội bởi chàng sợ nhân tính trong chàng sẽ kết hợp chàng với đồng loại của chàng; chàng là một kẻ phá huỷ thánh tượng bởi vì tôn kính hình tượng quá cao, chàng đi đến chỗ sợ hãi nó. Điều chàng muốn trên tất cả là nhân tính thông thường của chàng, những sức mạnh sùng bái và tôn kính của chàng. Chàng sàu não vì đứng một mình; chàng mãi mãi không muốn là một con cá sống ngoài nước. Chàng không thể sống với những lý tưởng của chàng trừ khi những lý tưởng này được chia sẻ, nhưng làm sao chàng có thể thông đạt những ý tưởng và những lý tưởng của chàng nếu chàng không nói cùng ngôn ngữ với đồng loại chàng? Làm sao chàng chinh phục được họ nếu chàng không biết tình yêu? Làm sao chàng có thể thuyết phục họ xây dựng nếu cả đời chàng chỉ dùng để phá huỷ?

Sự âu lo được xây dựng trên nền tảng nào? Cái "hydre intime" ăn rồng cho đến khi ngay cả tâm điểm của con người trở thành mặt cửa và toàn thể, thân thể riêng tư và thân thể thế giới tựa như một toà phá miếu. "*Rien de rien ne me m'illusionne!*" Rimbaud kêu lên. Tuy nhiên cả đời chàng không là gì khác hơn là một ảo tưởng vĩ đại.

Thực tại đích thực của con người chàng không bao giờ chàng khám phá ra được, không bao giờ đi tới chỗ cầm nắm được. Thực tại là cái mặt nạ mà chàng tranh đấu với móng vuốt sắc để bút xé đi. Trong chàng là một sự khao khát không thể dập tắt đi.

"légendes ni figures"

Ne me désaltèrent”.

Không, không gì có thể làm dịu cơn khát của chàng. Cơn sốt ở trong những bộ phận sinh hoạt của chàng nơi niêm bí ẩn day dứt. Tinh thần chàng tự phát hiện từ những đáy sâu thai bào, nơi, tựa một con tàu say, chàng bập bênh điên đảo trên biển thi ca chàng. Bất cứ nơi nào ánh sáng soi vào nó đều gây thương tích hết. Mỗi thông điệp từ thế giới sáng của tinh thần đều tạo ra một kẽ nứt trên vách mộ.

Chàng sống trong một nơi ẩn nấu của tổ tiên vỡ vụn khi phơi ra ánh sáng ban ngày. Với tất cả ngưỡng gì là nguyên tố, chàng đều quen thuộc thoải mái, trái lại chàng là một sự thoái bộ, một khuôn mặt cổ điển, một người Pháp hơn bất cứ một người pháp nào, tuy nhiên là một kẻ xa lạ giữa bọn họ.

Tất cả mọi sự được xây dựng trong ánh sáng của nỗ lực thông thường chàng đều từ khước. Kí ức chàng, cái kí ức ôm ấp thời đại của Đại giáo đường, thời đại của những cuộc viễn chinh của Thập tự quân, là một kí ức nòi giống. Hầu như sự sinh ra đời thất bại không thể cá thể hoá chàng. Chàng vào đời trang bị như một tên Saracen.

^[1] Chàng có luật lệ khác, nguyên tắc hành động khác, thế giới quan khác. Chàng là một người nguyên thủy được phú bẩm tất cả mọi vẻ quý phái của nòi giống. Chàng siêu đẳng về bất cứ phương diện nào. Chàng là kẻ đặc biệt đó, kẻ phi thường sinh ra từ máu mủ xác thịt nhân loại như được chó sói bú mớm. Không một ẩn ngữ có tính cách phân giải nào sẽ có thể giải thích được con quái vật. Chúng ta biết điều chàng thất bại không làm nổi, nhưng điều chàng phải làm để trung thực với con người chàng, ai có thể nói được? Chúng ta phải hiệu chỉnh những qui luật của sự hiểu biết ngổ hầu bám sát một điều bí ẩn như vậy.

Con người bây giờ đang bị xô liệng, ai sẽ cưỡng bách chúng ta thay đổi những phương pháp nhận thức của chúng ta. Nơi trú nấu xưa, nơi Rimbaud sống với niêm bí ẩn của chàng chẳng bao lâu sụp đổ. Bất cứ nhân vật lạc điệu nào chẳng bao lâu sẽ bị đẩy ra ngoài chỗ công khai; không còn nơi khuất nẻo nào còn lại. Trong hoàn cảnh công cộng, nhân vật kì lạ với chứng bệnh bí hiểm của hắn sẽ bị lôi ra khỏi chiến hào duy nhất của hắn. Toàn thể thế giới của đàn ông và đàn bà đang bị tập trung lại, mang ra trước vành móng ngựa của công lý. Có đáng kể gì nếu vài tâm hồn hiếm hoi bị rút khó chịu, bị xử bất công, rút hương thơm ra từ những nỗi đau khổ của họ? Bây giờ toàn thể chủng loại đang sửa soạn chuẩn bị một cuộc thử thách lớn lao, với biến cố vĩ đại hầu như trên chúng ta, việc đọc những bí ngữ càng ngày càng trở nên quan trọng hơn, kích thích hơn bao giờ.

Chẳng bao lâu, và một cách vô cùng đột ngột, tất cả chúng ta sẽ bị chìm ngập sát cánh nhau, kẻ tiên tri thối thị cũng như con người phạm phụ tục tử. Một thế giới hoàn toàn mới mẻ, một thế giới cảm và kinh hoàng, sẽ gần kề chúng ta. Một ngày kia chúng ta sẽ thức dậy để nhìn ra một cảnh tượng bên ngoài mọi hiểu biết. Những thi nhân và những nhà tiên tri thối thị đã báo hiệu thế giới mới đó hàng nhiều thế hệ, nhưng chúng ta không chịu tin họ. Chúng ta ở những định tính, chúng ta từ khước thông điệp của những hành tinh vô định trong bầu trời. Chúng ta coi chúng như những hành tinh chết, như những con ma ẩn hiện, như những kẻ sống sót của những tai hoạ đã bị bỏ quên từ lâu.

Thi nhân giống như những hành tinh vô định của bầu trời xiết bao! Tựa như những hành tinh, họ chẳng dường như giao thiệp với những thế giới khác sao? Họ chẳng nói với chúng ta về những việc sắp xảy ra cũng như về những việc quá khứ xa xưa, chôn vùi trong trí nhớ nòi giống của con người sao? Còn ý nghĩa nào hay hơn chúng ta có thể gán cho sự lưu lại thoáng qua bên trái đất hơn mặt sử của thế giới khác? Chúng ta sống giữa những sự kiện chết trong khi họ sống trong dấu hiệu và biểu tượng. Khát vọng của họ chỉ trùng hợp với khát vọng của chúng ta khi chúng ta lại gần cận nhất điểm. Họ cố gắng lôi kéo chúng ta ra khỏi chỗ neo tàu; họ hối thúc chúng ta cùng bay với họ trên đôi cánh tinh thần. Họ luôn luôn thông báo sự xuất hiện của những điều sắp xảy ra và chúng ta đóng đinh họ vì chúng ta sống trong sự sợ hãi cái bất khả tri. Trong thi nhân, lò xo hành động được che dấu kín. Một mẫu tiến hoá cao hơn hết tất cả mọi chủng loại khác – và ở đây, khi dùng tiếng “thi nhân” tôi muốn chỉ tất cả những kẻ cư trú trong tinh thần và óc tưởng tượng – chàng chỉ được phép có thời kì thai nghén giống như những người khác. Chàng phải tiếp tục thai nghén sau khi ra đời. Thế giới mà chàng sẽ cư ngụ không giống như thế giới của chúng ta; nó chỉ giống thế giới của chúng ta theo mức độ mà thế giới của chúng ta được kể như giống thế giới của người Cro-Magnon. Sự thấu hiểu sự vật của chàng tương tự với sự thấu hiểu của một người ở thế giới không gian chiều thứ tư sống trong một thế giới ba chiều. Chàng ở trong thế giới của chúng ta nhưng không thuộc về nó; chàng không trung thành với bất cứ nơi nào. Số mệnh của chàng là xúi giục chúng ta, khiến thế giới giới hạn vây quanh chúng ta trở nên không thể tha thứ được. Nhưng chỉ có những kẻ nào có thể theo lời kêu gọi sống qua thế giới không gian ba chiều, mới có thể sống hết khả năng của nó. Dấu hiệu và biểu tượng mà thi nhân dùng là những bằng chứng chắc

chấn nhất chứng tỏ rằng ngôn ngữ là một phương tiện đề cập tới cái bất khả thuyết và bất khả tư nghị. Ngay khi những biểu tượng trở nên có thể thống trị được trên mọi bình diện, lập tức chúng mất hết năng lực và hiệu quả. Đòi hỏi thi sĩ nói ngôn ngữ của những người ngoài phố chẳng khác nào mong nhà tiên tri khiến những lời dự đoán của ngài trở nên minh bạch. Điều gì nói với chúng ta từ trên những lãnh vực cao xa đều đến vây bọc trong màn bí mật và huyền nhiệm. Điều gì thường xuyên trải ra và tôi luyện qua giải thích – tóm lại, thế giới khái niệm – thì đồng thời bị đè ép súc tích, siết chặt lại qua việc sử dụng nghệ thuật tốc kí nắn nót của biểu tượng. Chúng ta không thể giảng nghĩa nổi trừ trong ngôn ngữ của những câu đố mới. Điều gì thuộc về lãnh vực tinh thần, hay vĩnh cửu, thoát khỏi mọi định nghĩa. Ngôn ngữ của thi sĩ có tính cách tiệm cận; nó đi song song với tiếng nói bên trong khi tiếng sau này kề cận cõi vô biên của tinh thần.

Chính qua âm vực nội tại này mà người không ngôn ngữ, tạm nói như vậy, thông cảm với thi sĩ. Không có vấn đề giáo dục ngôn ngữ can dự vào nhưng là một vấn đề phát triển tinh thần. Sự tinh khiết của Rimbaud không nơi nào biểu lộ nhiều hơn trong cao độ bất thoả hiệp này mà chàng duy trì trong suốt tác phẩm chàng chàng được nhiều mẫu người khác nhau hiểu cũng như bị nhiều mẫu người khác nhau ngộ nhận. Những kẻ bắt chước chàng có thể bị khám phá ra ngay lập tức. Chàng không có điểm nào chung với trường tượng trưng cũng như chẳng có điểm nào chung với phái siêu thực, như tôi được biết. Chàng là cha đẻ của nhiều trường phái và không là bà con của một trường phái nào. Chính sự sử dụng biểu tượng độc nhất của chàng là sự đảm bảo cho thiên tài chàng. Nghệ thuật biểu tượng này được trau dồi trong gian lao và thống khổ. Đồng thời nó là một sự phản kháng và mưu thuật của sự truyền bá kiến thức buồn nản đe dọa bóp nghẹt nguồn suối tinh thần. Nó cũng còn là một cánh cửa sổ mở vào một thế giới của những tương quan phức tạp bao la mà ngôn ngữ bộ điệu cổ điển không còn dùng được nữa. Ở đây chàng gần nhà toán học và khoa học gia hơn gần thi sĩ của thời đại chúng ta. Khác với những thi sĩ gần đây của chúng ta, chàng không dùng những biểu tượng mà những nhà toán học và khoa học gia dùng. Ngôn ngữ của chàng là ngôn ngữ của tinh thần, không phải của trọng lượng, đo lường và những tương quan trừu tượng. Chỉ riêng trong lãnh vực này chàng phát hiện cho thấy chàng “tân kì” tuyệt đối như thế nào.

Ở đây tôi muốn khai triển một điểm mà trước đây tôi đã đề cập đến, đó là vấn đề giao cảm giữa thi sĩ và thánh giả. Trong khi tán thưởng

việc sử dụng biểu tượng của Rimbaud tôi muốn nhấn mạnh rằng chiều hướng đích thực của thi sĩ nằm trong nẻo này. Có một sự sai biệt lớn lao, trong tâm trí tôi, giữa sự sử dụng một nguyên bản biểu tượng rộng rãi và sự sử dụng một lối tiếng lóng vô cùng riêng tư mà tôi coi như "khó hiểu". Thi sĩ hiện đại dường như quay lưng lại với thánh giả của mình, như thể hắn coi thường thánh giả. Trong ý muốn tự vệ, đôi khi hắn thích tự đồng hoá mình với nhà toán học hay vật lý gia là những người ngày nay đang đi đến chỗ dùng một ngôn ngữ bộ điều hoàn toàn ở bên trên mức lãnh hội của đa số người học thức, một ngôn ngữ xa lạ chỉ những hội viên tôn sùng hắn mới có thể hiểu nổi. Hắn dường như quên rằng hắn có một chức vụ hoàn toàn khác hẳn những người liên lạc với thế giới vật lý hay trừu tượng này. Phương tiện sự trung gian của hắn là tinh thần và sự liên lạc của hắn với thế giới của con người là một sự liên lạc thiết yếu. Ngôn ngữ của hắn không phải để cho phòng thí nghiệm mà là những thời kì nghỉ ngơi của tâm hồn. Nếu hắn từ chối khả năng làm xúc động chúng ta, phương tiện sự trung gian, của hắn sẽ trở thành vô giá trị. Nơi đổi mới là tâm hồn, và chính nơi đây thi sĩ phải cắm neo. Khoa học gia, ngược lại, hoàn toàn liên lạc với thế giới ảo tưởng, thế giới vật lý trong đó sự vật *được tạo ra để xảy ra*. Hắn hoàn toàn là một nạn nhân của những năng lực xưa kia hắn hy vọng khai thác. Thời kì vàng son của hắn đang đi đến chỗ bế mạc. Thi sĩ sẽ không bao giờ được thấy mình trong tư thế này. Trước hết hắn đã chẳng là thi sĩ nếu bản năng sống của hắn là bản năng bảo tồn như bản năng của khoa học gia. Nhưng sự nguy hiểm đe dọa hắn là sự huỷ bỏ những năng lực; bằng cách phản bội niềm tin của hắn, hắn nhường quyền kiểm soát số phận của vô lượng con người cho những cá nhân phạm tục mà mục đích duy nhất là thoả phòng chính con người họ. Sự thoái vị của Rimbaud thuộc tính chất tự thanh toán khác của thi sĩ hiện đại. Rimbaud từ chối trở thành bất cứ cái gì khác chàng, trong chức vụ chàng như một thi sĩ, để tồn tại. Những thi sĩ của chúng ta ganh ghét tên tuổi nhưng không có một sự sắp xếp nào để chấp nhận trách nhiệm của chức vụ họ. Họ không tự chứng tỏ mình là thi sĩ; họ bằng lòng tự gọi nhau như vậy một cách đơn thuần. Họ không viết cho thế giới đang chăm chú chờ mỗi lời họ thốt ra mà chỉ viết cho nhau. Họ chứng tỏ sự bất lực của họ bằng cách tự biến mình thành khó hiểu một cách cố ý. Họ khép mình trong tự ngã nhỏ bé được tô chuốt tán dương của họ; họ đặt mình lên trên thế giới vì sợ tan tành tả tơi khi mới tiếp xúc lần thứ nhất. Họ không có ngay cả cá tính nữa. Khi người ta có quyền đó, vì nếu họ có cá tính thì chúng ta đã có thể hiểu

nổi giầy vò và hôn mê của họ, như tự thể của chúng, họ đã biến họ thành trùu tượng như những vấn đề của nhà vật lý học. Những vấn đề của họ là một mong ước sâu kín về một thế giới của thi ca thuần túy trong đó cố gắng giao cảm bị giản lược đến số không. ^[2]

Khi tôi nghĩ tới những tinh thần vĩ đại đồng thời với Rimbaud – những người như Nietzsche, Strindberg, Dostoevsky – khi tôi nghĩ tới nỗi thống khổ họ chịu đựng, một sự thử thách trên tất cả mọi thứ mà những thiên tài của chúng ta phải trải qua, tôi bắt đầu nghĩ rằng hậu bán thế kỷ Mười chín là một trong những giai đoạn bị nguyên rửa nhất trong lịch sử. Từ hàng ngũ của những kẻ tuần giáo, tất cả đều đầy những dự cảm về tương lai, người mà tấn thảm kịch gần gũi Rimbaud nhất là Van Gogh. Chào đời một năm trước Rimbaud, chàng chết bởi chính tay chàng gần như cùng một tuổi. Giống như Rimbaud, chàng cũng có một ý chí kim cương, bất hoại một lòng can đảm gần như siêu nhân, một năng lực và lòng nhẫn nại phi thường, tất cả những đức tính đó cho phép chàng chiến đấu chống lại những sức mạnh đông đảo không thể chiến thắng. Nhưng cũng như Rimbaud, cuộc chiến đấu khiến chàng kiệt quệ trong lúc đời đương xanh; chàng quy ngã trên chóp đỉnh của những năng lực chàng.

Những cuộc lang thang, những sự thiên di, những bước thăng trầm, những sự thất bại và nhục nhã, đám mây mù của xa lạ bao phủ họ, tất cả những yếu tố chung của hai cuộc đời này, khiến họ đứng ngoài lề như hai kẻ song sinh xấu số. Cuộc đời họ nằm trong những cuộc đời buồn thảm nhất chúng ta ghi nhận được trong thời hiện đại.

Không người nào đọc thư Van Gogh mà không xúc động nhỏ lệ nhiều phen. Tuy nhiên, điều khác biệt lớn lao nằm trong sự kiện cuộc đời Van Gogh hừng khởi. Chẳng bao lâu sau khi Van Gogh chết, bác sĩ Gachet, người thấu hiểu cơn bệnh của mình sâu xa, viết cho Théo, em của Vincent: “Danh từ yêu nghệ thuật không đúng, người ta phải gọi nó là *đức tin*, một đức tin mà Vincent cảm thấy mình là một kẻ tuần đạo!”. Đó là một yếu tố dường như hoàn toàn khiếm khuyết nơi Rimbaud – đức tin, bất cứ tin Thượng Đế, con người hay nghệ thuật. Chính sự thiếu vắng của điều này khiến cuộc đời chàng ảm đạm và đôi khi hoàn toàn đen tối. Song lẽ những sự tương đồng về tính khí giữa hai người nhiều và phi thường hơn cả. Mối quan hệ lớn lao nhất giữa họ và sự trình tuyền của (trong?) nghệ thuật (của?) họ. Mức độ của sự trình tuyền này được phát biểu bằng đau khổ. Với vòng xoay của thế kỷ, loại thống khổ này dường như không thể có được nữa. Chúng ta đi vào một phong thổ trong đó nghệ sĩ trở nên cứng cỏi hơn, vô tình hơn. Bất kì người nào bây giờ còn cảm nghiệm bất cứ

điều gì tương tự loại khổ não đó, và ghi nhận nó, đều bị mang dấu “lãng mạn vô phương cứu chữa”. Người ta không mong đợi *cảm thức* kiểu đó nữa.

Vào tháng Bảy 1880, Van Gogh viết cho em chàng một trong những lá thư đi vào tận lòng sự vật, một lá thư làm giở máu. Trong khi đọc lá thư đó, người ta nhớ tới Rimbaud. Luôn luôn trong thư họ, có một sự diễn tả giống nhau một cách lạ thường. Không bao giờ họ đoàn kết với nhau hơn khi họ tự vệ chống lại những lời buộc tội bất công.

Trong lá thư đặc biệt này Van Gogh chống lại lời phỉ báng sự nhàn cư. Chàng mô tả tỉ mỉ hai loại nhàn cư, một loại xấu xa và một loại hữu ích. Đó là bài thuyết giáo đích thực về đề tài đó và đáng trở đi trở lại mãi. Trong một đoạn của lá thư này, chúng ta nghe thấy âm hưởng của mỗi chữ của Rimbaud... ”Bởi thế em không được nghĩ rằng anh từ chối không nhận sự vật”, chàng viết, ”Anh khá tin tưởng trong sự bất tín của anh, và dù thay đổi, anh vẫn vậy, và mối lo âu duy nhất của anh là: làm cách nào anh ích dụng cho đời, chẳng lẽ anh không thể phục vụ cho một vài mục đích nào đó và hoàn toàn vô tích sự, làm cách nào anh học hỏi nhiều hơn và nghiên cứu sâu xa một vài môn? Em thấy đó là điều khiến anh thường xuyên lo lắng và rồi anh cảm thấy anh bị tù túng trong cảnh nghèo nàn, bị loại ra không được tham dự một vài công tác và một số điều cần thiết ở ngoài tầm với của người anh. Đây là một lý do khiến người ta không thể không buồn, và người ta cảm thấy một nỗi trống trơn nơi đáng lẽ có thể là tình bằng hữu và những nỗi yêu thương mãnh liệt và đứng đắn và người ta cảm thấy một nỗi chán chường khủng khiếp gặm nhấm nghị lực tinh thần mình, và định mệnh dường như dựng lên một hàng rào cho những bản năng thương mến, và một cơn chán nản ngập lụt dâng lên làm người ta ngọt nhạt. Và người ta la lên: “Sao lâu quá, trời ơi!”

Rồi chàng tiếp tục tiến biệt giữa con người ăn không ngồi rồi vì làm biếng, vì thiếu tư cách, vì bản chất hèn hạ, và loại người ăn không ngồi rồi khác phải làm biếng một cách miễn cưỡng, trong cùng đáy tâm hồn bị thiêu đốt bởi nỗi khát khao làm việc đến cùng cực, không làm gì cả bởi vì hấn không thể làm bất cứ việc gì v.v. Chàng vẽ một bức tranh một con chim bị nhốt trong cái lồng sơn son thiếp vàng.

Rồi chàng thêm – bằng những chữ bi thương đứt ruột, thảm khóc - : ”Và người ta thường bị hoàn cảnh ngăn trở không cho hành động, một tù nhân trong một cái lồng anh không biết rõ khủng khiếp, khủng khiếp là dường nào, cái lồng khủng khiếp nhất. Anh biết còn có sự giải thoát, sự giải thoát muộn màng. Một tấm tiếng suy sụp một cách

hợp lý hay bất công, sự nghèo khó, những cảnh ngộ tang thương, tai biến, là cái khép kín chúng ta, cầm tù chúng ta: dường như vùi lấp chúng ta, nhưng, tuy nhiên người ta cảm thấy những chấn song nào đó, những cánh cổng nào đó, những bức tường nào đó. Phải chăng tất cả những cái đó là tưởng tượng, ảo tưởng? Anh không nghĩ vậy. Và rồi người ta thêm: "Chúa ôi! Tình trạng này kéo dài hay sao, mãi mãi hay sao, vĩnh viễn hay sao đây?" Em có biết điều gì giải thoát người ta khỏi cảnh tù đầy này không? Đó là bất cứ niềm yêu thương sâu thẳm, đứng đắn nào. Là bằng hữu, là anh em, tình yêu, là điều mở tung cánh cửa ngục tù bằng năng lực siêu phàm, bằng sức mạnh thần bí. Nhưng nếu không có điều đó, người ta mãi mãi ở trong tù. Nơi nào thiện cảm hồi phục, đời sống phục sinh"

Song trùng xiết bao giữa cuộc sống đầy ải của Rimbaud giữa đám dân bản xứ Abyssinie với cuộc lưu đầy tự ý của Van Gogh giữa đám người bị nhốt trong một dưỡng trí viện! Tuy nhiên chính trong những nơi chốn kì lạ này mà cả hai người tìm thấy một chút an bình thoải nguyện tương đối. Trong tám năm, Enid Starkie viết "người bạn và người an ủi duy nhất của Rimbaud dường như là Djami, cậu bé Harar mười bốn hay mười lăm tuổi gì đó, người hầu cận, người bạn đồng hành thường trực của ông... Djami là một trong ít người duy nhất trong đời ông mà ông nhớ và âu yếm nói tới, người bạn duy nhất ông nhắc nhở trên giường lâm chung, trong khi tư tưởng những người khác thường quay trở về những người họ biết khi còn trẻ." Về phần Van Gogh chính bác phu trạm Roulin là người đứng bên chàng trong những giờ phút đen tối nhất. Niềm khao khát mãnh liệt tìm kiếm một người nào đó chàng có thể sống và làm việc chẳng bao giờ thành tựu ở thế giới bên ngoài. Kinh nghiệm với Gauguin không những tai hại mà còn thảm khốc nữa. Khi cuối cùng chàng tìm thấy bác sĩ Gachet có dạ nhân từ ở Auvers thì đã muộn quá, những sợi dây tinh thần chàng đã rời rã kiệt quệ. "Đau khổ không than van là bài học duy nhất chúng ta phải học trong cuộc đời này!" Đó là kết luận Van Gogh đã rút ra từ kinh nghiệm đắng cay này. Chính trên ghi nhận cực kì nhần nhục này cuộc đời chàng kết liễu. Van Gogh từ trần tháng Bảy 1890. Năm sau Rimbaud viết cho gia đình:

"Adieu mariage, adieu famille, adieu avenir! Ma vie est passée. Je ne suis plus qu' troncon immobile". ^[3]

Không người nào khát khao tự do và độc lập cho bằng hai tâm hồn bị cầm tù này. Cả hai dường như lựa chọn có chủ định con đường trắc trở nhất cho mình. Với cả hai chén đắng được đổ đầy đến độ trào ra. Trong cả hai người có một vết thương sống mãi không bao giờ chữa

lành được. Khoảng tám năm trước ngày nhắm mắt, van Gogh cho thấy trong một lá thư của chàng điều mà mối thất vọng lớn lao trong tình yêu lần thứ hai đã gây ra cho chàng thế nào. "Chỉ một câu nói khiến tôi cảm thấy không có gì trong tôi thay đổi về điều đó hết, rằng nó còn đó và mãi mãi là một vết thương lòng, tôi mang theo với tôi, nhưng nó nằm sâu và sẽ chẳng bao giờ hàn gắn được, sẽ còn mãi năm này qua năm khác". Một chuyện tương tự như vậy cũng đã xảy ra cho Rimbaud, dầu chúng ta gần như chẳng hiểu chút gì về câu chuyện bất hạnh này, thật khó mà tin rằng hậu quả cũng tác hại như vậy.

Có một đức tính mà họ cùng chia sẻ với nhau cũng đáng ghi nhận ở đây – sự đơn giản vô cùng của nhu cầu hàng ngày của họ. Họ khổ hạnh như những bậc thánh mới có thể khổ hạnh bằng. Có thể cho rằng Rimbaud sống một cách cơ cực bởi chàng nghèo thật. Nhưng khi chàng đã góp nhặt được một số tiền đáng kể chàng cho thấy chàng sẵn sàng ra đi với nó bất cứ lúc nào. Viết cho mẹ chàng từ Harar năm 1881, chàng nói: "Si vous avez besoin, prenez de quoi est à moi: c'est à vous. Aapour moi je n'ai personne à qui songer, sauf ma propre personne, qui ne demande rien", khi người ta nghĩ rằng những người này, những người mà tác phẩm đã là một suối nguồn bất tận cho những thế hệ nối tiếp, bị bắt buộc phải sống như nô lệ, rằng họ gặp khó khăn trong việc kiếm ăn, khó khăn hơn cả nhu yếu của một tên cu li, thì chúng ta nghĩ sao về xã hội từ đó nảy sinh?

Chẳng phải rõ ràng rằng một xã hội như thế này đang sửa soạn cho sự sụp đổ nhanh chóng của chính nó sao? Trong một trong những lá thư viết từ Harar, Rimbaud so sánh những thổ dân ở Abyssinie với người văn minh da trắng: *"Les gens du Harar ne sont ni plus bêtes, ni plus canailles, que les régnes blancs des pays civilisés; ce n'est pas du même ordre, voilà tout. Ils sont mêmes moins méchants et peuvent, dans certain cas, manifester de la reconnaissance et de la fidélité."* Giống như Van Gogh, chàng dễ chịu với những kẻ bị khinh bỉ và chà đạp hơn những người cùng giới chàng Rimbaud lấy một người đàn bà bản xứ để thỏa mãn lòng yêu thương của chàng, trong khi Van Gogh cư xử như một người chồng (và như cha các con của nàng) với một thiếu phụ đáng thương thấp kém hơn chàng về đủ mọi phương diện, một người đàn bà khiến đời chàng trở thành địa ngục. Ngay cả về phương diện luyện ái xác thịt họ cũng bị khước từ những đặc ân của người đàn ông bình thường. Họ đòi hỏi ở cuộc đời ít bao nhiêu họ nhận được ít bấy nhiêu. Họ sống như những thằng bù nhìn, giữa những tài nguyên phong phú của thế giới văn hoá chúng ta. Tuy

nhiên không có hai người nào của thế hệ họ có thể nói đã tinh luyện giác quan để hưởng trước bữa tiệc nhiều hơn họ. Trong khoảng thời gian vài năm họ không những đã nghiền ngấu mà còn ngốn tiệt di sản tích lũy của vài ngàn năm. Họ đối diện với đói khát ngay giữa trung tâm bề ngoài có vẻ sung mãn. Đã đến lúc diệt vong. Châu Âu đã rất sẵn sàng phá huỷ cái khuôn mẫu đã trở nên chật hẹp như một cổ áo quan. Năm tháng đã trôi qua kể từ ngày họ từ trần thuộc về khía cạnh đen tối đó của đời sống mà trong bóng tối của nó họ đã tranh đấu để thở. Tất cả những gì là man rợ, sai lầm, phá tán đang dềnh lên bề mặt với sức mạnh của một sự tuôn trào như núi lửa. Cuối cùng chúng ta đang bắt đầu nhận thức được lạc hậu biết bao nhiêu cái thời đại tự xưng là “tân tiến” này. Những tinh thần tân tiến đích thực chúng ta đã ra công tiêu diệt hết. Quả thực niềm khao khát của họ ngày nay có vẻ lãng mạn; họ nói ngôn ngữ của tâm hồn. Ngày nay chúng ta đang nói bằng ngôn ngữ chết, mỗi người một ngôn ngữ khác nhau. Sự cảm thông đã chấm dứt; chúng ta chỉ chuyển giao xác ngôn từ.

“Có thể tháng tới tôi sẽ tới Zanzibar”, Rimbaud viết trong một lá thư của chàng. Trong một lá thư khác chàng nghĩ tới việc tới Trung Hoa hay Ấn Độ. Luôn luôn chàng hỏi tin tức về kênh đào (Panama?). Chàng sẽ du lịch tới chân trời góc biển nếu ở đó có hy vọng bù đắp cho cuộc sống. Chẳng bao giờ chàng nghĩ tới chuyện trở về quê hương và làm lại cuộc đời. Luôn luôn tâm trí chàng nghĩ về những miền đất lạ.

Thật là hoà điệu thân mật sao! Biết bao lần trong lúc ban đầu tôi mơ tưởng tới chuyện đi tới Timbuctoo! Nếu không thể, thì tới Alaska hay tới những hải đảo Polynésie. Có lần trong viện bảo tàng Trocadero, tôi đứng lặng hồi lâu ngắm nhìn khuôn mặt những thổ dân quần đảo Caroline. Vì tôi ngắm nghía kỹ những nét đẹp của họ tôi nhớ lại rằng họ hàng xa xôi của tôi có thể tới đó, tôi nghĩ, cuối cùng chắc chắn tôi sẽ cảm thấy “thoải mái như ở nhà mình” cho mà xem. Còn về Đông phương, nó luôn nằm trong đáy tâm hồn tôi, một khát vọng sớm bắt đầu từ lúc tuổi còn xanh. Không những chỉ Trung Quốc và Ấn Độ mà thôi mà còn cả Java, Bali, Miến Điện, tiểu bang Nepal và cả Tây Tạng nữa. Chẳng bao giờ tôi nghĩ tôi sẽ gặp khó khăn tại những nơi xa xăm đó. Luôn luôn tôi có cảm tưởng tôi sẽ được đón tiếp bằng những vòng tay rộng mở. Trái lại, trở lại New York lại là một ý tưởng ghê sợ. Thành phố mà mỗi con đường tôi biết rõ như một cuốn sách, nơi tôi có biết bao nhiêu bạn bè, lại là nơi cuối cùng trên trái đất tôi sẽ quay về. Thà tôi chết còn hơn bị bắt buộc quay về sống những

ngày cuối cùng của tôi tại nơi chôn nhau cắt rốn. Tôi chỉ có thể hình dung tôi khi trở về New York như một kẻ hoàn toàn xác xơ, như một kẻ què quặt, như một kẻ đã hoá ra ma.

Tôi tò mò đọc những lá thư đầu của Rimbaud xiết bao! Chàng vừa mới bắt đầu những cuộc phiêu đảng; chàng nói huyền thiên về những cảnh tượng chàng đã thấy, thiên nhiên của những vùng đất chàng đã qua, những chuyện tầm phào mà những kẻ ru rú ở nhà luôn luôn đọc một cách thích thú say mê. Chàng quả quyết rằng khi chàng đi tới nơi chàng muốn tới chàng sẽ kiếm được việc làm thích hợp. Chàng tin tưởng ở mình, tất cả mọi việc sẽ tốt đẹp. Chàng còn trẻ, tinh thần hăng hái, và có biết bao nhiêu điều để nhìn ngắm trong thế giới vĩ đại này. Chẳng bao lâu giọng điệu chàng thay đổi. Bởi tất cả nhiệt tình và sôi nổi chàng tỏ lộ, bởi tất cả sự hăng hái làm việc, bởi tất cả những cái chàng thủ đắc về phương diện tài năng, lòng ngây thơ, kiên gan, khả năng thích nghi, chàng đã khám phá ra từ rất lâu rằng quả thực không có chỗ nào cho một người như chàng, ở bất cứ nơi đâu. Thế giới không muốn cái độc đáo, nó muốn sự tương hợp thủ cựu, nô lệ, nhiều nô lệ hơn nữa. Nơi dành cho thiên tài là đầu đường xó chợ, cống rãnh, đường mương, hoặc trong các mỏ than hay hầm đá, nơi mà tài năng của hấn sẽ *không* được dùng đến. Một thiên tài đi kiếm chỗ làm là một trong những cảnh bi đát nhất trong cuộc đời. Hấn không thích hợp với bất cứ nơi nào, không ai cần hấn. Hấn bất khả thích nghi, xã hội nói vậy. Với nhận định đó, các cánh cửa đóng sầm một cách tàn nhẫn vào mặt hấn. Vậy thì chẳng có chỗ nào cho hấn hết cả sao? Ồ có chứ, bao giờ mà chẳng có chỗ nơi hang cùng? Không bao giờ bạn nhìn thấy hấn chắt những bao cà phê hay hàng “nhu yếu” phẩm dọc theo bến tàu sao? Bạn không để ý thấy hấn rửa bát đĩa khéo thế nào trong nhà bếp một tiệm ăn bản thổ sao? Bạn không nhìn thấy hấn vác hành lý, va li nhà ga sao?

Tôi sinh trưởng ở New York, nơi có đủ mọi cơ hội để thành công như người ta tưởng tượng. Nhưng cũng chẳng khó khăn cho tôi bao nhiêu khi tưởng tượng chính tôi đứng nổi đầu tại những sở kiếm việc làm và văn phòng cứu tế xã hội. Công việc duy nhất mà dường như bao giờ tôi cũng có đủ khả năng làm tròn trong những ngày tháng này là việc rửa bát. Nhưng rồi tôi cũng luôn luôn đến quá trễ. Có hàng vạn người lúc nào cũng sẵn sàng và hăng hái làm công việc này. Thường tôi nhường chỗ của tôi cho một kẻ đáng thương dường như tả tơi hơn tôi cả trăm ngàn lần nữa. Đôi khi, ngược lại, tôi mượn tiền đi xe hay ăn một bữa ăn nơi một trong những người đứng xếp

hàng xin việc làm và rồi quên tất cả việc kiếm việc. Nếu tôi thấy có cơ hội có người giúp đỡ cho một việc gì tốt hơn ở một tỉnh lân cận là tôi mò tới đó trước hết dầu có mất cả ngày trời để đến đó. Một đôi lần tôi đi cả ngàn cây số hay hơn nữa để kiếm một việc làm tưởng tượng, một việc làm như làm bồi chẳng hạn. Thường thường ý tưởng phiêu lưu kích thích tôi xa nhà lạc nẻo. Dọc đường tôi có thể bắt chuyện với một người có thể thay đổi toàn thể dòng đời tôi. Tôi có thể “bán” tôi cho hắn chỉ vì tôi quá tuyệt vọng. Tôi tự biện luận như vậy. Đôi khi tôi được nhận công việc tôi đã đi kiếm, nhưng thâm hiểu rằng mình chẳng bao giờ cầm giữ được lâu dài, tôi bèn đổi ý kiến và lộn trở về nhà. Bao giờ cũng với một cái dạ dày lép kẹp. Đó là điều thứ nhì luôn luôn liên kết với thiên tài – sự thiếu ăn. Trước hết tại vì không ai cần hắn cả, thứ đến không có thực phẩm cho hắn, và sau cùng hắn không biết ngả đầu vào chỗ nào cả. Ngoài những cái phiền bức đó ra, hắn sống một cuộc sống, như ai đó đều biết, cuộc sống của tên đại lãn. Hắn lười biếng, vụng về, bất định, không ngay thật, một kẻ dối trá, trộm cắp, du đãng. Hắn tạo ra bất mãn bất cứ nơi nào hắn lang thang tới. Quả thực, một con người không thể chịu nổi. Ai có thể hoà thuận với hắn? Không một ai, ngay cả chính hắn. Tại sao nói đi nói lại mãi về những điều xấu xí, trái điều hoà vậy? Cuộc đời của một thiên tài không hoàn toàn là nhóp nhúa và đói khổ bần cùng. Người nào cũng có những nỗi khổ hệ lụy riêng, Mặc dầu hắn là thiên tài hay không. Vâng, điều đó cũng là thực sự nữa. Và không một người nào biết rõ thực sự đó hơn thiên tài cả. Thịnh thoảng bạn sẽ gặp thiên tài đi với một chương trình cứu vớt thế giới hay ít ra một phương pháp cải tạo. Những thứ đó tức cười như những giấc mộng điên, như thể hoàn toàn ảo tưởng. “Giáng sinh trên trần gian!” Chẳng hạn. Thật là một giấc mộng hảo huyền! Trước hết hãy để hắn chứng tỏ rằng hắn có thể leo lái được chính hắn đã nào, bạn nói. Làm sao hắn có thể cứu vớt được người khác nếu hắn không thể cứu vớt chính hắn được? Câu trả lời cổ điển. Không thể bác được. Nhưng thiên tài không học hỏi. Hắn sinh ra với một giấc mộng Thiên thai, và dù giấc mộng đó có vẻ điên rồ thế nào đi chăng nữa, hắn sẽ tranh đấu để biến nó thành khả thi không biết bao nhiêu lần. Hắn bất trị, một kẻ tái phạm trong tất cả mọi ý nghĩa của danh từ. Hắn thấu hiểu quá khứ, hắn ôm ghì tương lai – nhưng hiện tại vô nghĩa đối với hắn, hắn cự tuyệt một cách khinh bỉ mọi phần thưởng, mọi cơ hội. Hắn là một kẻ bất mãn. Dầu khi bạn chấp nhận tác phẩm hắn, hắn vẫn vô ích đối với bạn. Hắn đã lao đầu vào một tác phẩm khác; khuynh hướng của hắn đã đổi chiều, lòng say đắm của hắn đã

ở nơi khác. Bạn có thể làm gì cho hấn? Bạn có thể an ủi hấn bằng cách nào? Bạn không thể làm gì được cả. Hấn ở ngoài tầm tay. Hấn theo cái bất khả.

Cái hình ảnh chẳng được đáng yêu này của thiên tài có lẽ là một hình ảnh khá chính xác. Dù rằng có đôi chút khác nhau, một cách thiết yếu, có thể nó mô tả tình trạng của con người bất bình thường ngay cả trong những xã hội sơ khai. Những dân tộc sơ khai cũng có những kẻ bất khả thích nghi, những kẻ loạn óc, loạn thần kinh của họ. Tuy nhiên chúng ta vẫn chủ trì tin tưởng rằng thân phận này không cần phải như thế, rằng sẽ tới một ngày kia khi mẫu cá thể này không những sẽ tìm được một chỗ đứng trên đời mà còn được tôn kính và ngưỡng vọng nữa. Có thể đó cũng là giấc mơ tinh luyện nữa. Có thể sự thích nghi, hoà điệu, thanh bình và cảm thông là những sai biệt của ảo ảnh muôn đời còn lừa phỉnh chúng ta. Tuy thế, sự kiện chúng ta đã tạo ra những khái niệm trên, chúng có một ý nghĩa sâu thẳm đối với chúng ta, có nghĩa rằng chúng ta có thể thể hiện được. Những khái niệm trên có thể được tạo ra vì nhu cầu, nhưng chúng có thể trở thành thực tại qua ước vọng. Thiên tài luôn luôn sống như thể những giấc mộng của họ có thể tựu thành. Hấn quá chất đầy khả năng của những giấc mộng để sống tận cùng chúng cho chính hấn; trong ý nghĩa này, hấn giống như những kẻ khước từ tối thượng, từ chối Niết bàn cho đến khi tất cả mọi chúng sinh đều có thể hiện Niết bàn cho chính họ.

“Những con chim vàng bay liệng qua bóng những bài thơ của chàng!”. Từ đâu bay lại những con chim vàng đó của Rimbaud? Và chúng bay về đâu? Chúng không phải là bồ câu cũng chẳng phải là điều hâu; chúng ở trong thinh không. Chúng là những đặc sứ ấp trứng trong bóng tối và thoát bay trong ánh sáng giác ngộ. Chúng không giống những sinh vật của không gian chúng cũng chẳng phải là thiên thần. Chúng là những con chim hiếm của tinh thần, những con chim đưa tin lướt bay từ thái dương này sang thái dương kia. Chúng không bị giam cầm trong những bài thơ, chúng được giải phóng ở đó. Chúng bay lên với những đôi cánh xuất thần và tan biến trong lửa đỏ.

Được điều kiện hoá để xuất thần, thi nhân tựa như con chim lạ rực rỡ sa lầy trong tro tàn của tư tưởng. Nếu hấn thành công trong việc giải thoát chính hấn thì chỉ để thực hiện một cuộc bay theo nghi thức về phía mặt trời. Những giấc mộng của hấn về một giới cải tạo chỉ là những tiếng vang dội lại của nhịp đập hối hả của mạch máu hấn. Hấn tưởng tượng thế giới sẽ theo hấn, nhưng trong trời xanh hấn

thấy mình cô đơn. Cô đơn nhưng được bao bọc xung quanh bởi những sáng tạo của hần; do đó, được nâng đỡ để gặp gỡ cuộc hy sinh tối thượng. Cái bất khả đã được hoàn thành. Và từ nay mãi mãi qua các thời đại bài hát lan rộng, sưởi ấm mọi lòng, thấu nhập mọi tâm thức. Tại ngoại biên thế giới đang lịm đi; tại trung tâm nó đỏ rực như than hồng. Trong lòng thái dương vĩ đại của vũ trụ những con chim vàng hợp bầy. Ở đó muôn đời là bình minh, muôn đời hoà bình hoà điệu và cảm thông. Con người không hướng vọng mặt trời một cách vô ích; hần đòi hỏi ánh sáng và sự ấm áp không phải cho thi thể mà một ngày kia hần sẽ loại bỏ không dùng tới nữa mà là do tâm thể hần. Niềm ao ước lớn lao nhất của hần là cháy với xuất thần, giao thoa ngọn lửa nhỏ của hần với khối lửa trong lòng vũ trụ. Nếu hần hoà hợp với những đôi cánh thiên thần để thiên thần có thể bay đến hần với thông điệp hoà bình, hoà điệu và ánh sáng chói lọi từ những thế giới bên kia thì chỉ là để nuôi dưỡng chính những giấc mộng bay bổng tuyệt vời của hần, nâng đỡ chính niềm tin của hần rằng một ngày kia hần sẽ vượt qua chính hần và trên những đôi cánh bằng vàng.

Một sự sáng tạo cặp đôi với một sự sáng tạo khác; trong yếu tính chúng đều giống nhau. Tình huynh đệ giữa con người không hệ tại sự suy tưởng giống nhau, cũng không ở sự hành động giống nhau, nhưng ở trong khát vọng ngợi ca sáng tạo. Bài ca sáng tạo trỗi lên từ những tàn tích của nỗ lực trần gian. Con người ngoại tại chết đi để phát lộ cánh chim vàng đang tung cánh bay về thần tính.

Chú thích.

^[1] Ghi chú (Tiếng Hy Lạp: Sarakènos): 1. nguyên thủy: một cá nhân thuộc bộ lạc Bắc Syrie. 2. Sau này: một người Ả rập, 3. Bất cứ một người Hồi giáo nào, nhất là người chống lại Thập tự quân – G. c. D

^[2] Đọc bài khảo luận nhan đề “Thư ngỏ giữa những nghệ sĩ siêu thực ở khắp nơi” trong *The cosmological Eye, New Directions, New York*.

^[3] Pháp văn trong nguyên bản: “vĩnh biệt hôn nhân, vĩnh biệt gia đình, vĩnh biệt tương lai! Đời tôi đã hết, tôi chỉ còn là một khúc bất động không hơn không kém” G. c .D.

Thời của những kẻ giết người

Nguyễn Hữu Hiệu dịch

Phần 2 (A)

Khi nào thiên thần hết giống nhau?

Có một đoạn trong *Một mùa địa ngục* (đoạn mang tên “bất khả”) dường như cho ta manh mối để thấu hiểu bản chất tấn bi kịch đau đớn mà cuộc đời Rimbaud mô tả. Đó là tác phẩm cuối cùng của chàng - vào tuổi mười tám! – có một tầm mức quan trọng nào đó. Tới đây cuộc đời chàng phân gọn hẳn làm đôi, hay nhìn một cách khác, nó tự tự thành chính nó. Giống như Lucifer, Rimbaud đã thành công trong việc giải phóng mình ra khỏi Thiên đàng, Thiên đàng tuổi trẻ. Chàng bị chiến bại không phải bởi Thượng đẳng thiên sứ mà bởi chính mẹ chàng, người mà chàng coi là tượng trưng cho uy quyền. Đó là một định mệnh mà chàng đã đồng loã ngay từ buổi ban đầu. Chàng thanh niên lỗi lạc, kẻ có đủ mọi tài năng đó lại khinh bỉ tất cả mọi tài năng của chàng, đột ngột đập vỡ cuộc đời mình thành hai mảnh. Đó là một hành động huy hoàng đồng thời khủng khiếp. Chính Satan cũng không nghĩ ra nổi một hình phạt tàn bạo hơn hình phạt Arthur Rimbaud tự thưởng cho mình với lòng kiêu ngạo và ích kỷ vô địch. Ngay tại ngưỡng cửa của tuổi thành nhân chàng đã chối bỏ kho tàng của chàng (thiên tài sáng tạo) để chiều theo “cái bản năng thầm kín và sức mạnh của cái chết trong chúng ta” mà Amiel đã mô tả một cách tuyệt vời. Cái “*hydre intime*” đã tàn phá chân dung của tình yêu đến mức độ sau cùng chỉ còn lại ý chí thách đố và bất lực là có thể phân biệt được rõ ràng. Bỏ mọi hy vọng tìm thấy lại chìa khoá mở vào cõi hồn nhiên đã mất của mình, Rimbaud lao đầu xuống địa ngục tối tăm trong đó tinh thần con người đụng tới cực điểm, nơi nói theo ngôn ngữ của Krishana: “Với tự ngã đó tôi xây dựng toàn thể Vũ trụ, và chịu mãi mãi phân ly.”

Đoạn cho thấy chàng ý thức được lối thoát và sự chọn lựa, dù mơ hồ như sau:

“Nếu từ giây phút này trở đi tâm trí tôi luôn tỉnh thức, thì có lẽ chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ đi tới chân lý, có thể đang nức nở chờ đợi ta với những thiên thần vây quanh chúng ta ngay từ bây giờ!... Nếu tâm trí ta tỉnh thức tới tận bây giờ, có lẽ tôi đã chẳng buông mình theo những bản năng thoái hoá, theo một thời đại bị lãng quên!... Nếu nó luôn luôn tỉnh thức, có lẽ tôi đang dong buồm với trí thức tràn đầy!...”

Cái gì đã che lấp thị kiến chàng và do đó đưa chàng vào tử lộ, điều đó không ai biết được – và có lẽ sẽ chẳng bao giờ có một người nào biết được. Cuộc đời chàng, với tất cả những dữ kiện chúng ta có trong tay, sẽ mãi mãi bí ẩn như thiên tài của chàng vậy. Điều chúng ta thấy khá rõ ràng là tất cả những gì chàng tiên đoán về chính chàng trong ba năm thần cảm ban cho chàng đều được ứng nghiệm trong những năm phiêu bạt giang hồ khi chàng tự biến mình thành một sa mạc cô liêu. Biết bao lần những chữ sa mạc, chán chường, cuồng nộ, cần lao xuất hiện trong những tác phẩm của chàng! Trong nửa phần đời sau của chàng những chữ này đã đạt đến một ý nghĩa cụ thể tàn khốc. Chàng đã trở thành tất cả những gì chàng tiên đoán, tất cả những gì chàng sợ hãi, tất cả những gì mà chàng điên cuồng chống lại. Cuộc chiến đấu giải phóng chàng khỏi những xiềng xích nhân tạo, vươn lên khỏi những luật lệ, quy tắc, công ước, mê tín con người không đưa chàng tới đâu cả. Chàng trở thành nô lệ cho tính ngông cuồng và ý thích thay đổi của chàng, một hình nhân không biết làm gì hơn là buộc thêm vào mình một vài tội ác vụn vặt cón con cho đầy cuốn sổ đoạn trường mình tự hành mình.

Sự kiện chàng đầu hàng ở cuối đường khi thân thể chàng chỉ là “một khúc gỗ bất động” như chàng viết, không phải để khinh thị chế diễu bỏ qua dễ dàng. Rimbaud là con người phản kháng nhập thể. Cần phải ném trái mọi sa đoạ và nhục nhã, mọi hình thức đoạn trường để đánh gục cái ý chí ương ngạnh đã làm lạc tự căn đế. Chàng đã hư hỏng, cố chấp ngang tàng – cho đến giây phút cuối cùng. Cho đến khi không còn một chút hy vọng nào. Chàng là một trong những tâm hồn tuyệt vọng nhất đã nảy sinh trên trái đất. Đúng, chàng đã đầu hàng vì kiệt lực – nhưng chỉ sau khi chàng đã đi qua hết mọi nẻo đường làm lạc. Cuối cùng không còn gì để nâng đỡ lòng kiêu hãnh của chàng lâu hơn nữa, không còn gì để mong chờ nữa ngoại trừ cô em gái yêu thương chàng, không còn gì để làm ngoài việc la hét lên cầu xin lòng từ bi bác ái. Tâm hồn chàng đã chiến bại, chỉ còn có cách bó giáp quy hàng. Ngày xưa lâu lắm rồi chàng viết: “*Je esst un autre*”. Bây giờ vấn đề “khiến tâm hồn trở nên dị thường theo kiểu những comprachios” đã đi tới giải đáp. Cái tôi khác kia chính là cái tôi thoát vị. Nó đã ngự trị gian lao trong một thời gian dài, nó đã chống cự mọi cuộc công hãm chỉ để sau cùng đổ vỡ và tan loãng vào hư không.

“Tôi nói người ta phải là tiên tri thấu thị... tự khiến mình trở thành một tiên tri thấu thị!” Chàng đã hối thúc như vậy lúc khởi nghiệp. Thế rồi đột nhiên nghiệp dĩ chàng dứt, và chàng chẳng còn hữu ích gì cho

văn chương, ngay cả văn chương của chính chàng. Rồi chàng lang thang, sa mạc, gánh nặng của tội lỗi, chán chường, cuồng nộ, cần lao – và ô nhục, cô đơn, đau đớn, phản kháng, thất bại và đầu hàng. Từ sự man rợ của những cảm xúc đối kháng này, từ chiến trường mà chàng tạo nên bằng chính thân xác chàng, vào giây phút cuối cùng bỗng nở ra đoá hoa của đức tin. Các thiên thần phải sung sướng biết bao nhiêu! Chưa bao giờ có một đầu óc nào ngoan cố hơn Hoàng tử Arthur kiêu mạn này! Chúng ta đừng quên sự kiện nhà thơ, kẻ tự hào đã thừa hưởng sự sùng bái ngẫu tượng và lòng ưa chuộng xúc phạm thần thánh của tổ tiên chàng, những người Gaulois, đã từng nổi tiếng trong trường là “tên oắt con cuồng tín dơ dáy”. Đó là một hỗn danh mà chàng chấp nhận một cách kiêu hãnh. Dù là kẻ vô lại hay cuồng tín, kẻ đào ngũ hay tên nô lệ, thiên sứ hay quỷ sứ, lúc nào chàng cũng ghi nhận sự kiện một cách kiêu hãnh. Nhưng vào giây phút cuối chỉ có vị tu sĩ nghe chàng xưng tội là có thể nói đã rút lui một cách kiêu hãnh. Người ta kể lại chàng đã nói với em gái mình, Isabelle, rằng: “Anh cô có đức tin, cô bé... Hẳn có đức tin, và ta chưa từng thấy đức tin nào như vậy”

Đó là đức tin của một trong những tâm hồn tuyệt vọng nhất mãi mãi khao khát cuộc đời. Đó là đức tin phát sinh từ giờ cuối cùng, phút cuối cùng – *Nhưng đó vẫn là đức tin*. Bởi thế, quan trọng gì đâu việc chàng đối kháng lâu mau, hoặc cang cường hay nhu nhược? chàng không yếu kém trong tinh thần, chàng dũng mãnh oai phong. Chàng chiến đấu tới sức cùng lực kiệt. Và đó là lý do tại sao tên tuổi chàng, như tên tuổi Lucifer, còn mãi mãi lẫy lừng, tại sao chàng sẽ được cả bên này lẫn bên kia tán tụng. Ngay cả kẻ thù cũng tán dương chàng! Chúng ta biết đài kỷ niệm dựng lên cho chàng nơi quê hương, tỉnh Charleville, đã bị người Đức hạ xuống và chôn đi trong cuộc xâm lăng vừa qua. Ngày nay đáng ghi nhớ xiết bao, tiên tri xiết bao, những lời chàng nói như tát nước vào mặt Delahaye, bạn chàng, khi người này đề cập tới sự siêu đẳng vô địch của những kẻ chinh phục Đức quốc. “Bọn xuẩn ngốc sau những hồi kèn trống inh tai nhức óc chúng sẽ lại trở về quê cha đất tổ để ăn xúc xích, tin tưởng rằng mọi sự đã xong, Nhưng hãy chờ một chút. Bây giờ chúng đang vỗ trang từ đầu tới chân, và mất một thời gian dài để nuốt cái bánh vẽ vinh quang rẻ tiền của những lãnh tụ xảo quyệt chẳng bao giờ chịu buông tha chúng.. Tôi có thể thấy ngay từ bây giờ rằng kỷ luật sắt và sự điên cuồng sẽ cầm tù toàn thể xã hội Đức. Và tất cả chỉ để cuối cùng bị nghiền nát bởi một vài hình thức liên minh liên hiệp nào đó.”

Vâng, chàng có thể được cả hai phía tán dương một cách chính

đáng như nhau. Đó là vinh quang của chàng, tôi xin nhắc lại. Nó có nghĩa là chàng ôm ấp bóng tối và ánh sáng. Cái mà chàng bỏ rơi là thế giới chết chóc sống động, thế giới hư nguy của văn hoá và văn minh. Chàng gột sạch tâm hồn chàng khỏi mọi cạm bẫy giả tạo nuôi nấng con người hiện đại. “*Phải tuyệt đối tân kỳ!*” chữ “*tuyệt đối*” vô cùng quan trọng. Vài câu sau chàng thêm: “Cuộc chiến đấu của tinh thần cũng tàn bạo như cuộc chiến đấu của con người; nhưng viễn tượng tâm lý là lạc thú của một mình thượng Đế mà thôi. ”Điều chàng muốn ám chỉ là chúng ta đang trải qua một sự tân kỳ giả tạo: chúng ta không có những trận đánh kịch liệt và tàn bạo, không có cuộc chiến oai hùng như các bậc thánh ngày xưa đã phát khởi. các bậc thánh là những người mạnh, chàng nhận định, và những ẩn số là những nghệ sĩ, ngày nay không còn hợp nữa, than ôi! Chỉ có kẻ hiểu ý nghĩa của cảm dỗ mới có thể nói như thế. Chỉ có kẻ quý trọng kỷ luật, thứ kỷ luật nhằm nâng cao đời sống tới mức độ nghệ thuật mới có thể ngợi ca những bậc thánh thiện như thế.

Trong một ý nghĩa nào đó, có thể nói trọn cuộc đời Rimbaud là một cuộc hành trình tìm kỷ luật thích nghi, là một thứ kỷ luật có thể cung hiến chàng tự do. Lúc khởi đầu, như một kẻ cải tạo, điều này khá minh bạch, mặc dầu người ta có thể không đồng ý với thứ kỷ luật chàng tự đặt lên mình. Trong phần thứ hai của cuộc đời, khi chàng đoạn tuyệt với xã hội, mục đích của thứ kỷ luật khắc khổ của chàng càng khó hiểu hơn. Phải chăng chỉ vì muốn đạt tới sự thành công thế tục mà chàng chịu đựng mọi khổ cực và thiếu thốn đó chăng? Tôi nghi lắm. Bề ngoài chàng có vẻ không có một mục tiêu nào cao cả hơn bất cứ một tay phiêu lưu có tham vọng nào. Đó là quan điểm của những kẻ kì cục, những kẻ thất bại nhưng lại muốn có một người bạn đồng hành vóc dáng vĩ đại như chàng Rimbaud bí ẩn. Theo tôi thì dường như chàng đang sửa soạn một cuộc Phục sinh. Mặc dầu có thể chính chàng cũng không thấu hiểu ước muốn đó, nhưng hành vi của chàng giống như thái độ của một bậc thánh chiến đấu chống lại bản chất man rợ của mình. Một cách mù quáng, có lẽ vậy, chàng dường như tự sửa soạn để nhận thánh sủng mà chàng đã dại dột và ngu muội khinh bỉ từ chối. Người ta cũng có thể nói rằng chàng đào huyệt chôn mình. Nhưng chắc chắn chàng chẳng bao giờ có cảm tình với ngôi huyệt đó – chàng vốn vô cùng khiếp đảm loài dòi. Với chàng cái chết đã tự hiển hiện một cách quá rõ ràng trong nếp sống Pháp. Hãy nhớ lại những lời nói khủng khiếp của chàng...” lấy tay khẽ nhắc tấm ván thiên, ngồi xuống, chết ngạt. Thế là xong, không còn tuổi già, không còn nguy hiểm; kinh hoàng không có tính chất

Pháp. "Chính sự sợ hãi cái chết sống động này đã khiến chàng lựa chọn cuộc sống gian lao, chàng thà thách đố mọi kinh hoàng hơn là khuất phục giữa dòng. Vậy thì mục tiêu, cứu cánh của cuộc sống tàn bạo như ông ấy là gì? Dĩ nhiên vì một điều, đó là khám phá mọi biến tượng có thể có của cuộc đời. Chàng coi thế giới như một nơi "đầy những cảnh huy hoàng không thể thăm viếng hết trong cuộc đời của muôn ngàn người". Chàng đòi hỏi một thế giới "trong đó năng lực vô biên của chàng có thể tác động tự do". Chàng muốn tận dụng những tiềm năng của chàng để tự thể hiện một cách tuyệt đối. Tuy nhiên, ở tận điểm, tham vọng của chàng là đạt tới biên giới của một thế giới mới mẻ huy hoàng, một thế giới không mang một nét tương đồng nào với thế giới mà chàng đã biết, dù cho có bị dập vùi và kiệt lực. Thế giới này có thể là một thế giới nào khác thế giới chói lọi của tâm thức không? Không phải linh hồn luôn luôn tự biểu lộ qua ngôn ngữ của tuổi trẻ sao? Có lần ở Abyssinie, Rimbaud viết cho mẹ trong cơn tuyệt vọng: "Chúng ta sống và chết theo những tiêu thức khác hẳn tiêu thức chúng ta có thể phác vẽ ra và chẳng hy vọng bất cứ sự đền bù nào. May mắn cho chúng ta đó là đời sống duy nhất chúng ta phải sống, điều đó quá hiển nhiên". Không phải lúc nào chàng cũng chắc chắn rằng đó là đời sống duy nhất. Trong *Mùa địa ngục* của chàng, chàng chẳng tự hỏi có thể có những đời sống khác sao? Chàng e rằng có. Và đó là một trong những điều khiến chàng bị dày vò. Tôi dám quả quyết rằng không một ai biết rõ hơn người thi sĩ trẻ tuổi này rằng mỗi cuộc đời thất bại và hoang phí phải được trả bằng hàng hà sa số cuộc đời vô tận và vô vọng – cho đến khi người ta nhìn thấy ánh sáng và lựa sống theo ánh sáng đó. Vâng, cuộc tranh chấp nội tâm cũng dữ dội và tàn bạo như cuộc tranh đấu chốn sa trường. Thánh nhân biết điều đó nhưng con người thời đại mới nhạo báng điều đó. Địa ngục hiện hữu bất cứ khi nào, bất cứ khi nào người ta nghĩ nó hiện hữu. Nếu bạn tin rằng bạn đang ở trong Địa ngục là tức thì bạn ở trong địa ngục. Và cuộc đời, đối với con người thời hiện đại, đã trở thành địa ngục vĩnh cửu bởi lý do đơn giản là hắn đã mất mọi hy vọng đạt tới Thiên đàng. Chẳng những thế hắn còn không tin ngay cả Thiên đàng do chính hắn tạo ra. Bởi chính quá trình tự tưởng mình hắn tự đầy ải hắn xuống địa ngục sâu thẳm của ước vọng tự huỷ kiểu Freud.

Trong "Thư của kẻ tiên tri thối nát" nổi danh mà Rimbaud viết năm mười bảy tuổi, một tài liệu đã tạo ra những chấn động lớn lao hơn tất cả mọi tác phẩm của các bậc thầy... trong lá thư chứa đựng quy tắc lừng danh cho những thi sĩ tương lai đó, Rimbaud nhấn mạnh rằng,

việc theo đuổi kỷ luật đã qui định này gây ra vô số “cực hình khôn tả trong đó hần (thi nhân) cần vận dụng tất cả sức mạnh siêu nhân của mình”. Trong khi thực hành kỷ luật này, chàng viết tiếp, những thi nhân đi tới chỗ sẽ xuất hiện “như kẻ bệnh hoạn lớn lao, kẻ tội phạm vĩ đại, kẻ bị nguyên rủa vĩ đại – và nhà bác học siêu phàm! – bởi hần đi tới cái *vị tri*!” Điều đảm bảo cho phần thưởng vô bờ bến này nằm trong sự kiện đơn giản là “thi nhân đã tôi luyện được tinh thần hần, một tâm hồn vốn phong phú hơn tất cả mọi người.” Nhưng cái gì sẽ xảy ra cho thi nhân khi đi tới cái vị tri? “Hần kết thúc bằng cách đánh mất mọi hiểu biết về những viễn tượng của mình” Rimbaud viết. (Đó là cái đã xảy ra trong trường hợp chàng.) Như thể tiên cảm được một số phận như vậy, chàng thêm: “tuy nhiên, hần đã nhìn thấy chúng? Hãy để hần chết trong cơn chấn động bởi những điều kì dị và không thể gọi tên hần đã nhìn thấy. Rồi hãy để những lao công khủng khiếp khác tới kế tiếp hần; họ sẽ bắt đầu những chân trời mà hần tắt nghỉ.” Lời kêu gọi đã gây ra một tác dụng sâu xa trên những thế hệ tương lai này đáng chú ý vì nhiều nguyên do, nhưng chủ yếu bởi nó làm sáng tỏ vai trò chân thực thi sĩ và bản chất đích thực của truyền thống. Thi sĩ có ích lợi gì trừ phi hần đạt tới một viễn tượng về cuộc đời, trừ phi hần sẵn sàng hy sinh cuộc đời mình để chứng thực cho chân lý và vẻ rực rỡ của viễn tượng mình? Đề tài thời thượng là nói về những con người quỷ quái này, như những kẻ theo phong trào lãng mạn, những linh tưởng gia này, nhấn mạnh chủ quan tính của họ và nhìn họ như những xoáy nước tách lìa, những gián đoạn, những nhân vật tạm thời thay thế trong dòng nước lớn của truyền thống, như thể họ là những kẻ điên loạn quay cuồng xung quanh cái trục tự ngã. Không có gì có thể sai lầm hơn. Chính những nhà canh tân này tạo thành những khoen nổi trong sợi dây chuyền lớn của văn chương sáng tạo. Quả thật người ta bắt đầu từ những chân trời nơi họ tắt nghỉ - “thủ lợi” như Rimbaud nói – chứ không phải an nhiên toạ thị giữa cảnh tan hoang đổ vỡ và nhạt nhẽo chấp vá những mảnh vụn của bức dư đồ.

Người ta nói rằng năm mười hai tuổi lòng sùng tín của Rimbaud lên cao độ đến nỗi chàng khao khát làm một thánh tử đạo. Ba năm sau, trong bài *Soleil et Chair*, chàng tuyên bố: “Xác thịt, cảm thạch, hoa, vệ nữ, ta đặt niềm tin nơi các người!” Chàng nói về nữ thần Aphrodite “bao phủ vũ trụ bao la bằng tình yêu thể hiện trong nụ cười vô biên”. Và thế giới, chàng nói, sẽ trả lời, sẽ run lên “tựa một cây thất huyền cầm vĩ đại rừng mình trong một cái hôn bát ngát mê mông”. Ở đây chúng ta thấy chàng trở lại với niềm tin ngẫu tượng

giáo và sự hồn nhiên vô nhiễm, vào thời đại vàng son khi đời chàng là “một bữa tiệc linh đình nơi mọi trái tim đều mở tung mọi rượu ngọt đều tuôn trào.” Đó là thời tự thâm cảm, thời khao khát khôn tả cái mới lạ chưa từng biết – “*l' éblovissement de l' Infini.*” Tóm lại thời kì thai nghén, ngắn ngủi nhưng sâu xa, giống như vĩnh phúc tuyệt vời của *samadhi* (đại định).

Chỉ ba năm sau và vào năm mười tám tuổi, chúng ta thấy chàng đã ở cuối đường sự nghiệp văn chương, viết *Ước nguyện tối hậu và di chúc*, có thể nói như vậy. Cái Địa ngục mà chàng đã mô tả vô cùng sống động chàng đã cảm nghiệm trong tâm hồn; bây giờ chàng đã bắt đầu sống nó trong xác thịt. Lờ lễ nào nề bi thiết làm sao, trong đoạn tên là “Sớm mai” được viết bởi một thanh niên mười tám tuổi! Nó đã bay qua, cái tuổi thanh xuân của chàng, và với nó tất cả tuổi trẻ của trần gian. Quê hương chàng thảm bại và phủ phục trước kẻ thù; mẹ chàng chỉ muốn xua đuổi chàng, một kẻ xa lạ, một quái vật không thể chịu nổi. Chàng đã quá biết thế nào là đói khát, thế nào là cô đơn nhục nhã, xua đuổi khước từ; chàng đã vào tù ra khám, đã chứng kiến Công xã đầm máu, có lẽ còn tham dự nữa không chừng, đã cảm nghiệm tội lỗi và sa đoạ, đã mất mối tình đầu, đã đoạn giao với anh em văn nghệ, đã khảo cứu toàn thể lãnh vực văn nghệ mới và thấy nó trống rỗng, để đến bây giờ sẵn sàng phó thác tất cả, cả bản thân chàng, cho quỷ dữ. Thế nên, sau này khi nằm trên giường lâm chung nghĩ lại tuổi trẻ lãng phí, hẳn chàng sẽ nghĩ là chàng đã tiêu phí cả cuộc đời, rồi ảo não tự hỏi: “ngày xưa, ta có chẳng một tuổi trẻ hào hoa anh dũng và hoang đường đủ để viết lên những phiến lá nạm vàng: quá may mắn thay! Tội ác nào ta đã gây ra, lỗi lầm nào ta đã phạm phải; để ngày nay phải hứng chịu cảnh thân tàn ma dại này? Bạn là người chủ trương rằng thú vật cũng biết khóc lóc sầu thảm, kẻ bệnh tật tuyệt vọng, kẻ chết có những cơn ác mộng, xin hãy thử kể chuyện suy sụp của tôi và *giấc ngủ an bình của tôi*.^[1] Tôi bây giờ không thể tự biện bạch cho mình hơn kẻ hành khát với bài kinh *Pater* và *Ave Maria* liên tục. Tôi không còn biết ăn nói làm sao nữa”.

Chàng đã kết thúc câu chuyện địa ngục của riêng chàng... chàng sắp từ giã. Chỉ còn một đôi lời chia tay phải nói. Một lần nữa hình ảnh sa mạc lại hiện ra – một trong những hình ảnh bền bỉ nhất của chàng. Suối nguồn cảm hứng của chàng đã khô cạn: giống như Lucifer, chàng đã “dùng hết” phần ánh sáng dành cho mình. Chỉ còn lại sự quén rũ của thế giới bên kia, lời kêu gọi của vực sâu mà để đáp lại chàng tìm thấy bằng chứng rành rành và hoàn bị trong đời sống hình

ảnh ghê rợn ám ảnh chàng: sa mạc. Chàng hơi nôn nóng. “Khi nào chúng ta sẽ lên đường?” chàng hỏi. “Khi nào chúng ta sẽ lên đường... đón chào sự khai sinh nhiệm vụ mới, minh triết mới, sự chạy trốn của bạo chúa và ác quỷ, ngày tàn của mê tín; để sùng bái – như những kẻ thứ nhất – Giáng sinh trên Trần gian?” (những lời lẽ này khiến chúng ta nhớ xiết bao đến những người đồng thời với chàng mà chàng chẳng hề biết tới: Nietzsche!)

Có nhà cách mạng nào đã hô hào con đường bốn phần một cách minh bạch và chua xót hơn thế chẳng? Có bậc thánh nào đã dùng chữ giáng sinh theo một ý nghĩa thiêng liêng hơn thế chẳng? Đó là ngôn từ của một kẻ phản kháng, chính thế, nhưng không phải của một kẻ vô tín ngưỡng. Đó là một tín đồ ngẫu tượng giáo, nhưng là một tín đồ ngẫu tượng như Virgil. Đó là tiếng nói của vị tiên tri và kẻ lãnh đạo hành động, của tông đồ và đồng thời kẻ được khả thị. Dù có là tu sĩ, kẻ sùng bái ngẫu tượng, mê tín và ngu tối đi nữa, chàng cũng phải tán đồng đại lễ Giáng Sinh này! “Những quân nô lệ, chó nguyên rửa cuộc đời!” chàng la lên. Hãy chấm dứt khóc lóc, thở than và ép xác. Hãy chấm dứt thái độ ngoan ngoãn phục tòng, những niềm tin trẻ con. Hãy lánh xa những thần tượng giả mạo và những tín ngưỡng khoa học ấu trĩ. Hãy đập đổ những kẻ độc tài, mị dân và sách động. Chớ nguyên rửa cuộc đời chúng ta hãy tôn thờ cuộc đời! Toàn thể màn hài kịch phụ diễn Cơ đốc giáo chỉ là một sự chối bỏ Thượng đế, một sự từ chối Thánh thần. Tự do hãy còn chưa được mơ tưởng tới. Hãy giải phóng trí não, con tim, xác thịt! Hãy giải phóng linh hồn, để nó có thể ngự trị bình an! Đây là mùa đông của cuộc đời và “Ta hồ nghi mùa đông vì đó là mùa của tiện nghi!” Hãy cho ta Giáng sinh trên Trần gian... đừng cho Cơ đốc giáo. Ta không bao giờ là một tín đồ Cơ đốc giáo, ta không bao giờ thuộc dòng giống *các người*. Phải, mắt ta khép trước ánh sáng *của các người*. Ta là một con thú, một tên mọi đen... *nhưng ta có thể được cứu rồi!* Các người là những tên mọi đen giả hiệu, hỡi những tên keo bần, điên khùng. Ta là một tên mọi đen đích thực và đây là một cuốn sách mọi đen đích thực. Ta nói, chúng ta hãy tạo dựng Giáng sinh trên Trần gian... ngay bây giờ, *ngay bây giờ*, các người có nghe không? Không phải là bánh vẽ trên trời!

Chàng gào lên như vậy. Đúng là “những suy tưởng phi thời”.

“Được lắm...” chàng dường như thờ dãi. “Đôi khi ta thấy trên trời những bãi biển mênh mông vô tận bao bọc những quốc gia trắng xóa và vui tươi”. Trong giây lát không có gì ngăn cách giữa chàng và sự xác thực của giấc mơ. Chàng thấy tương lai như sự hiện thực không

thể tránh được của ước vọng sâu thẳm của con người. Không có gì ngăn cản được nó tới, ngay cả những tên mọi đen giả hiệu đang nhân danh pháp luật và trật tự thống trị thế giới. Chàng mộng ước tất cả mọi sự đến cùng tận. Tất cả mọi kỷ niệm khủng khiếp không thể diễn tả được đều nhạt nhoà đi. Và với chúng mọi hối tiếc. Tuy nhiên chàng sẽ trả thù “những thân hữu của sự chết” – những kẻ do dự - Dù đi sâu vào hoang vắng, dù ta biến đời ta thành một sa mạc cô liêu, dù cho từ nay không một ai nghe nói đến ta, mỗi và tất cả các người đều phải biết rằng ta sẽ được phép thủ đắc chân lý trong hồn và xác. Các người đã hết sức che đậy sự thật, các người đã cố gắng tàn phá tâm hồn ta, và cuối cùng các người sẽ đập vỡ hình hài ta trên neo móc... Nhưng ta sẽ biết chân lý, thủ đắc nó cho riêng ta trong thân thể *này* và tâm hồn *này*...

Đó là phát biểu giận dữ của một kẻ thao thức kiếm tìm, một “thân hữu của Thượng đế” dù chàng khước từ danh hiệu đó.

“Tất cả mọi ngôn ngữ đều là ý tưởng”, Rimbaud nói, ngày của ngôn ngữ đại đồng sẽ tới. Ngôn ngữ này, ngôn ngữ *mới lạ* hoặc *phổ quát* sẽ nói trực tiếp từ tâm hồn này đến tâm hồn khác, thấu tóm mọi hương, sắc, thanh âm, nối kết mọi tư tưởng”. Chìa khoá của mọi ngôn ngữ này, khỏi cần phải nói, là biểu tượng mà chỉ kẻ sáng tạo thủ hữu. Đó là mẫu tự tâm hồn, có từ vô thủy và sẽ tồn tại đến vô chung. Lấy nó làm phương tiện, thi nhân, chúa tể của trí tưởng tượng và quân vương không thụ phong của thế giới sẽ truyền đạt, giữ liên lạc với thần dân của mình. Chính để thiết lập nhịp cầu này mà chàng trai trẻ Rimbaud đã bỏ cả cuộc đời để thí nghiệm. Và chàng đã thành công xiết bao mặc dù sự chối từ đột ngột và bí ẩn. Từ bên kia mộ sâu, chàng vẫn còn đang thông tri, và càng ngày càng mãnh liệt với thời gian. Chàng càng bí mật bao nhiêu, lý thuyết của chàng càng minh bạch bấy nhiêu. Nghịch lý? Không nghịch lý chút nào hết. Sấm kí nào cũng chỉ có thể trở nên sáng sủa qua thời gian và biến cố. Qua trung gian này người ta nhìn trước và sau với cùng một sự sáng suốt như nhau; thông tri trở thành nghệ thuật thiết lập một sự phối hợp luận lý và hoà điệu giữa dĩ vãng và tương lai vào bất cứ giây phút nào trong thời gian. Bất cứ và mọi vật thể đều có thể tự khiến mình trở nên có hiệu lực, miễn là được chuyển vào dòng lưu chuyển vĩnh cửu – đó là ngôn ngữ của tâm hồn. Trong lãnh vực này không có kẻ vô học cũng như không có những nhà văn pháp học. Chỉ cần mở ngỏ tâm hồn, gạt bỏ mọi thiên kiến *đã vãn*... hay nói cách khác, chịu khai ngộ. Dĩ nhiên việc đó tương đương với sự chuyển hoá. Đó là một phương sách cực đoan và giả định trước một

trạng thái tuyệt vọng. Nhưng nếu tất cả mọi biện pháp đều thất bại, như thường lệ không thể tránh khỏi, tại sao không dùng phương sách thái quá đó – của sự chuyển hoá? Sự cứu chuộc chỉ lơ mờ hiện ra ở địa ngục môn. Con người thất bại ở mọi chiều hướng. Mãi mãi và mãi mãi họ phải đi trở lại con đường, xốc vác lại gánh nặng, bắt đầu leo lại ngọn dốc cheo leo hiểm trở hướng về đỉnh cao. Tại sao không chấp nhận sự thách đố của Thần linh và nhượng bộ? Tại sao không đầu hàng và do đó đi vào một cuộc sống mới? Đáng Vô lượng thọ lúc nào cũng đón chờ. Có người gọi ngài là đáng Giác tha, có kẻ gọi là đức Bồ tát, Tế độ...

Điều mà những kẻ bất chước cũng như những kẻ phỉ báng Rimbaud thất bại không thể nhìn ra chàng cổ võ cho sự thực hành một đường lối sống mới. Chàng không cố gắng xây dựng một trường phái nghệ thuật mới để giải trí những ông thợ xếp chữ nhút nhát yếu đuối – chàng vạch ra sự phối hợp giữa nghệ thuật và cuộc đời, bắc cầu nối kết mọi phân ly, chữa lành vết tử thương. Từ bi bác ái thiêng liêng là chìa khoá của tri thức, chàng nói. Ngay trong phần đầu của *Một mùa địa ngục* chàng đã viết: "... Một hôm kia, linh cảm giây phút cuối cùng của đời mình sắp tới, tôi nghĩ đến chuyện tìm lại một lần nữa chiếc chìa khoá dẫn về bữa yến tiệc ngày xưa, nơi tôi hy vọng có thể tìm thấy cơn thèm khát cũ. *Từ bi bác ái là chiếc chìa khoá đó.*" Và rồi chàng thêm: "nguồn cảm hứng này chứng tỏ rằng tôi đã đang chìm trong mơ mộng!" Mơ mộng trong địa ngục, dĩ nhiên, *trong cơn mê ngất lịm không đấy đối với chàng*. Chàng kẻ đã "tạo ra mọi dạ hội, mọi chiến thắng, mọi thảm kịch", lại bó buộc phải chôn vùi trí tưởng tượng huy hoàng trong lúc lu mờ. Chàng, kẻ tự nhận là thuật sĩ, thiên thần, chàng, kẻ đã giải thoát mình khỏi mọi ràng buộc, mọi liên hệ thế gian, bây giờ lại thấy mình bị lưu đày trở về trần ai, bị bắt buộc phải chấp nhận, ôm ghì thực tại phũ phàng. Nông dân, đó là điều họ có thể bức bách chàng. Trở về quê hương, chàng sẽ bị gạt ra ngoài lề cuộc sống... vậy thì những dối trá nào đây chàng phải dùng để nuôi dưỡng giấc mơ kiêu bạc của chàng? ("Cuối cùng tôi sẽ ước mong được tha thứ vì đã tự nuôi dưỡng mình bằng những ảo tưởng gian dối.") Nhưng chàng sẽ xin ai tha thứ mới được chứ? Chắc không phải những nỗi dày vò chàng. Không phải thời đại mà chàng đã khước từ. Cũng chẳng phải bà mẹ già lẫn thẩn, kẻ muốn khép chàng vào xiềng xích. Vậy thì ai đây? Chúng ta hãy nói ngay: những bậc tiền bối và những kẻ hậu sinh sẽ kế tiếp chàng tiếp tục cuộc chiến đấu. Chàng không tự biện minh với chúng ta cũng chẳng biện minh với Thượng đế, nhưng với những thế hệ tương lai, những kẻ sẽ

giang tay đón chàng khi tất cả chúng ta bước vào những đô thị huy hoàng ngày mai. Họ là truyền nhân “của một chủng tộc xa xôi” mà chàng từng phục và coi như tổ tiên đích thực của mình. Chàng chỉ bị xa cách họ trong thời gian, nhưng gần gũi trong máu huyết và đáng điệu. Đó là những con người biết ca hát dưới cực hình. Đó là những con người chí khí cao và chàng nối kết với họ không phải bởi những tiền nhân – chàng không tìm thấy một con người trong toàn thể lịch sử nước Pháp – mà bởi tinh thần. Chàng sinh ra trong chân không thì chàng sẽ giao cảm với họ qua chân không. Chúng ta chỉ nghe thấy những dư vang. Chúng ta kinh ngạc trước âm thanh của ngôn ngữ lạ lùng này. Chúng ta chẳng hiểu tí gì về nỗi hân hoan và sự xác thực nâng đỡ cuộc chuyện trò thân mật phi nhân tính đó.

Biết bao tâm hồn đã bị chàng kích động, thay đổi, khuấy phục?

Chàng đã nhận biết bao lời ca tụng của những người khác biệt nhau về tính khí, hình thức cũng như bản chất như Valéry, Claudel, André Breton. Chàng và họ có điểm gì tương đồng nhau? Không phải thiên tài của chàng vì vào năm chàng mười chín tuổi chàng đã mang thiên tài của chàng chuộc lấy những chủ đích huyền bí. Tất cả mọi hành vi khước từ chỉ nhắm một mục tiêu duy nhất: đạt tới một mức độ khác (với Rimbaud, nó là sự rơi xuống một mức độ khác.) Chỉ khi người ca sĩ ngừng hát hẳn mới có thể sống ca khúc hẳn. Và nếu ca khúc đó là một điệu thách đố? Thì hậu quả của nó sẽ là bạo lực và tai hoạ khôn lường. Nhưng tai hoạ, như Amiel nói, mang lại một sự tu bổ tàn bạo cho quân bình. Và Rimbaud, sinh ra dưới cung Thiên xướng, lại chọn cực đoan với niềm đam mê của một kẻ đi đày.

Cái mời gọi luôn luôn là cây thần tượng vô hình hay một vài vì sao diễm ảo, và thế là minh triết cổ cựu, pháp thuật ngàn xưa tan biến hết. Cái chết và sự hoá thân là bài ca muôn thuở. Một số người lựa chọn cái chết, hoặc hình thức, thân thể, minh triết hay tâm hồn, một cách trực tiếp, một vài kẻ lại gần nó một cách quanh co quỷ quái. Một số người gia tăng thảm kịch của họ bằng cách biến mất khỏi mặt đất, không để lại một dấu mối, một dấu tích nào; có kẻ còn biến cuộc đời thành một cảnh tượng hứng thú hơn cả những lời thú tội, đó là tác phẩm của họ. Rimbaud đã kéo dài cái chết của chàng một cách phiền muộn. Chàng trải qua những đổ nát khắp xung quanh chàng khiến không ai có thể nhận ra cái tính chất hoàn toàn vô ích của sự chạy trốn của chàng. *Bất cứ nơi nào ngoài thế giới này!* Đó là tiếng kêu của những kẻ mà cuộc đời không còn bất cứ một ý nghĩa nào. Rimbaud đã khám phá ra thế giới đích thực khi chàng còn là một đứa trẻ; chàng cố gắng công bố thế giới đó khi chàng là một thanh niên;

chàng phản bội thế giới đó khi chàng là một người lớn. Bị cấm đoán đi đến thế giới tình yêu, mọi tài năng thiên phú của chàng đều trở thành vô dụng. Địa ngục của chàng chưa xuống đủ sâu, chàng thiêu sống ngoài phòng tiền đình. Như chúng ta biết, nó ngắn ngủi quá, cái mùa địa ngục đó, bởi phần còn lại của cuộc đời chàng trở thành một lò luyện tội. Chàng không đủ can đảm lặn xuống đáy sâu chăng? Chúng ta không biết được. Chúng ta chỉ biết chàng khước từ kho tàng của chàng như thể nó là một gánh nặng ngàn cân. Nhưng tội lỗi dầy vò chàng là cái không ai thoát khỏi, ngay cả những người sinh ra trong ánh sáng. Sự thất bại của chàng có vẻ dị kỳ, dầu chính nó đưa chàng đến chiến thắng. Nhưng không phải Rimbaud đã chiến thắng mà chính là tinh thần bất khuất trong chàng. Như Hugo đã nói: "Thiên thần là danh từ duy nhất trong ngôn ngữ không thể bị hao mòn".

"Sáng tạo bắt đầu với sự phân ly đau đớn khỏi Thượng đế và sự sáng tạo của một ý chí độc lập để cuối cùng sự phân ly này có thể bị vượt qua tiến tới một hợp nhất cao viễn hơn sự hợp nhất khởi đầu của tiến trình".

Vào năm mười chín tuổi, đúng nửa đời chàng, Rimbaud tắt thở. "Nàng thơ của chàng chết bên cạnh chàng, giữa những giấc mộng bị tàn sát ngổn ngang", một nhà viết tiểu sử chàng viết. Tuy nhiên chàng là một thần đồng, người trong ba năm gây cho người ta cảm tưởng đã tát cạn tất cả những trường phái nghệ thuật. "Dường như tất cả mọi thành đạt đều đã chứa đựng sẵn trong con người ông", Jacques Riviere viết, về điểm đó Matthew Josephson thêm: "quả thực văn chương sau Rimbaud đã phải lao đầu vào cuộc chiến đấu để mong thoát khỏi ảnh hưởng ông". Bởi vì, như lời Josephson nói, "ông đã khiến thi ca trở nên *vô cùng nguy hiểm*". Chính Rimbaud cũng đã tuyên bố trong tác phẩm *Địa ngục*, rằng chàng "đã trở thành một vở ca nhạc kịch thần kì". Ca nhạc kịch hay không, chàng vẫn còn vẻ thần kì – không kém đi chút nào. Cả hai mặt của cuộc đời chàng đều thần kì hoang đường, đó là một điều lạ lùng. Kẻ mơ mộng và con người hành động chàng là cả hai kẻ đó trong cùng một lúc. Như thể cá tính của Shakespeare và Bonaparte được phối hợp vào trong một con người vậy. Bây giờ chúng ta hãy lắng nghe chính tiếng nói của Rimbaud... "tôi nhận thấy tất cả mọi người đều bị cuốn hút một cách không thể chống cưỡng được về phía hạnh phúc: hành động không phải là cuộc sống mà chỉ là một cách phung phí sức lực và nhu nhược hoá con người". Và rồi, như thể để chứng tỏ điều đó chàng lao mình vào cơn lốc loạn cuồng. Chàng đi bộ qua lại khắp Châu Âu, đập hết con tàu nọ đến con tàu kia để đến những hải cảng xa lạ,

quay trở về bệnh tật hay không còn một xu dính túi không biết bao nhiêu lần, chàng làm đúng một ngàn lẻ một nghề, học một tá sinh ngữ hay hơn thế nữa, và thay vì buồn chữ nghĩa chàng buồn cà phê, hương liệu, ngà voi, da thú, vàng, súng ống, nô lệ. Du lịch khai phá, học hỏi; giao kết với đủ mọi hạng người, chủng tộc, quốc tịch; và luôn luôn công việc, công việc mà chàng ghê tởm. Nhưng trên tất cả, *ennui!* Luôn luôn chán chường. Chán chường không nguôi. Nhưng chàng đã hoạt động xiết bao! Kho tàng kinh nghiệm của chàng phong phú xiết bao! *Và trống rỗng xiết bao!* Những lá thư chàng viết cho mẹ là một bản cáo trạng dài xen lẫn những câu trách móc và kháng kiện, những lời than thở, khẩn cầu và những lời khẩn nguyện. Thật là một kẻ bị nguyên rủa! Cuối cùng chàng trở thành "kẻ bất lực vĩ đại".

Đâu là ý nghĩa của cuộc chạy trốn, lời than thở không cùng và sự tự hành hạ này? Đúng xiết bao, rằng hành động không phải là cuộc đời! vậy thì cuộc đời ở đâu? Và thế nào là thực tại đích thực? Hiển nhiên nó không phải là thực tại phũ phàng của lao khổ hay nay đây mai đó, cuộc vật lộn bần thiêu để tranh cướp của cải này?

Trong cuốn *Thần cảm*, được viết ở London u hoài, chàng đã báo hiệu: *Je suis réellement d'outre- tombe, et pas de commission!*". Đó là biểu hiện nhà thơ. Bây giờ chàng biết nó như một sự kiện. Người nhạc sĩ đã tìm thấy gì như một âm điệu tình yêu như chàng diễn tả, đã đánh mất âm điệu đó. Chàng đã đánh mất âm điệu lẫn cây đàn. Sau khi đã đóng tất cả các cánh cửa, kể cả cửa bằng hữu, sau khi đã đốt cháy tất cả mọi cây cầu sau lưng chàng, chàng sẽ không bao giờ đặt chân vào lãnh vực tình yêu nữa. Duy chỉ có lại những nỗi niềm cô đơn vời vợi trong bóng của cây thiện ác đã vùi sâu, nơi trong bài *Matinée d'ivresse* của chàng nảy ra câu hoài cảm này: "*afin que nous ramenions notre trè pur amour*". Chàng muốn tự cứu chuộc trong hình thức tự do mà không bao giờ nhận thức được rằng nó chỉ đến qua buông xả, qua chấp nhận. "*Tout homme*" bậc thầy Baudelaire của chàng nói, "*qui n'accepte pas les conditions de savie vend son âme*." [2] Với Rimbaud, sáng tạo và kinh nghiệm hầu như đồng thời; chàng chỉ cần một chút tối thiểu kinh nghiệm là đủ tạo nên âm nhạc. Là một thần đồng chàng gần gũi với nhạc sĩ hay nhà toán học hơn là con người tài tử văn chương. Chàng sinh ra với một kí ức vô cùng miễn nhuệ. Chàng không gặt hái sự sáng tạo bằng mồ hôi trán – sự sáng tạo đã có ở đó, tiềm ẩn, chỉ chờ đợi sự tiếp xúc đầu tiên với thực tại thô nhám là trỗi dậy ngay. Chính phiên não là cái chàng phải đào luyện chứ không phải là tài năng thiên phú của bậc thầy. Như chúng ta đã biết chàng phải mất công chờ đợi lâu.

Chàng sinh ra là một hạt mầm và chàng mãi mãi là một hạt mầm. Đó là ý nghĩa đen tối của chàng. Trong chàng là ánh sáng, một ánh sáng huy hoàng nhưng ánh sáng đó chỉ phát huy khi chàng tàn lụi. Chàng đến từ bên kia mộ phần, truyền nhân của một chủng tộc xa xăm, mang lại một tinh thần mới và một ý thức mới. Không phải chàng đã nói: "*je pense*" là sai; người ta phải nói "*on me pense*" đó sao? Và chẳng phải chàng là người đã bảo: "thiên tài là tình yêu và tương lai?" Tất cả những điều chàng nói liên quan đến cái Tôi của thiên tài đều sáng suốt và khái ngộ. Câu sau đây tôi thấy có ý nghĩa nhất:..."thân thể chàng là sự phóng thể của điều chúng ta mơ ước; sự tan tác của một ân sủng bị ngăn trở bởi một bạo lực mới"

Xin đừng kết tội tôi đã đọc Rimbaud quá kỹ. Rimbaud muốn nói tất cả những gì chàng viết "theo nghĩa đen và theo mọi nghĩa" như có lần chàng đã giải thích cho mẹ và em gái. Chính thế, lúc đó chàng đề cập tới tác phẩm *Một mùa địa ngục*. Tuy nhiên.... Với chàng cũng như với Blake và Jacob Boehme: tất cả những gì họ thốt ra đều trung thực, trực nghĩa và hứng cảm. Họ an trụ trong Tường tượng, mộng của họ là thực tại mà chúng ta sẽ phải cảm nghiệm. "Nếu tôi đọc chính tôi", Boehme nói, "là tôi đọc thánh kinh của Thượng đế, và các bạn, những người anh em của tôi, các bạn là mẫu tự mà tôi đọc trong tôi, vì tâm trí và ý chí tôi tìm thấy các bạn trong tôi. Tôi thành tâm ước mong các bạn cũng sẽ tìm thấy tôi". Câu nói này đã nói lên bài kinh cầu thăm lặng mà Rimbaud không ngừng gửi đi từ sa mạc hoang liêu mà chàng tạo ra cho chính chàng. Lòng kiêu hãnh tốt lành của thiên tài nằm trong ý chí hấn, cái nhìn cần phải đập vỡ. Niềm bí ẩn của giải thoát nằm trong sự thực hành hạnh nguyện từ ái. Từ bị bác ái là chìa khoá, và Rimbaud đã mơ mộng khi chàng ý thức điều đó, nhưng giấc mơ là thực tại và thực tại này chỉ biểu lộ lần nữa khi chàng nằm trên giường lâm chung, khi từ ái trở thành cô em gái dịu dàng dìu chàng sang bên kia thế giới, tan nát nhưng được cứu rỗi. Suốt trong "Đêm địa ngục", khi chàng nhận thức được rằng chàng là tên nô lệ của lễ rửa tội của mình, chàng đã kêu lên: "Ôi cha mẹ, các người tạo ra niềm bất hạnh của tôi và của chính các người nữa". Trong đêm tối của linh hồn, trong đó chàng tự tuyên xưng là pháp sư của ảo tượng và tự phụ đang vén lên mọi màn bí ẩn, chàng đã khước từ tất cả những gì ràng buộc chàng với thời đại hay mảnh đất chàng đã sinh ra. Chàng khẳng định: "Tôi đã sẵn sàng trở thành hoàn hảo". Và chàng hoàn hảo thực theo một ý nghĩa nào đó. Chàng đã sửa soạn lễ thụ pháp của chính chàng, thoát cuộc thử thách khủng khiếp và rồi lại rơi ngã vào đêm tối trong đó chàng đã sinh ra.

Chàng đã nhận thấy rằng có một chân trời bên kia vòm trời nghệ thuật, chàng đã đặt chân lên ngưỡng cửa, nhưng rồi không biết vì kinh hoàng hay sợ điên cuồng chàng đã tháo lui. Sự chuẩn bị cho một đời sống mới của chàng hoặc hãy còn thiếu sót hoặc lầm lộn. Hầu hết những bình luận gia đều cho rằng tại lý do sau, dầu cả hai lý do đều đúng. Người ta đã quá chú trọng câu này: "Sự phá huỷ lâu dài, rộng lớn, hợp lý tất cả mọi giác quan". Người ta nói quá nhiều đến những trác táng thiếu thời, đến cuộc sống "Bohémienne" của chàng. Người ta đã quên rằng đó là một phản ứng vô cùng bình thường đối với một thanh niên tài không đợi tuổi, tâm trí đầy ý tưởng đã trốn chạy không khí gia đình ngột ngạt không chịu nổi ở tỉnh lẻ. Là một nhân vật hiếm có, chàng hẳn phải là một kẻ bất bình thường nếu chàng không khuất phục những lời mời gọi mãnh liệt của một kinh thành như Paris. Nếu chàng có đam mê quá độ thì có thể nói đó chỉ là một cuộc chích ngừa có phản ứng. Thời gian ở Paris và London cũng chẳng lâu gì, không đủ để huỷ hoại một thanh niên cường tráng gốc nông dân. Đối với một kẻ phản kháng lại tất cả thì quả thực đó là một kinh nghiệm bổ ích. Chẳng phải con đường dẫn tới thiên đàng sẽ đi qua địa ngục sao? Muốn được cứu rỗi người ta bắt buộc phải nhiễm lây tội lỗi. Người ta phải ném trái tất cả tội trọng cũng như tội khinh. Người ta phải tìm kiếm cái chết với tất cả khao khát, không từ chối một độc tố nào, không khước từ một kinh nghiệm nào dù đề hạ hay nhơ nhớp. Người ta phải đi đến tận cùng sức mình, ý thức rằng mình là một kẻ nô lệ - trong mọi lãnh vực – ngõ hầu ao ước giả thoát. Cái ý chí làm lạc, tiêu cực được cha mẹ nuôi dưỡng tán trợ cần phải bị khuất phục trước khi nó trở nên tích cực và tâm lẫn trí vẹn toàn. Cha (trong mọi ý trang) phải bị truất phế để con có thể trị vì. Cha là Thổ linh thần^[3] về mọi phương diện. Cha là một người phân chia công việc cứng rắn, chữ chết của luật, dấu *cấm kỵ*. Người ta tẩy xoá dấu vết, trở nên điên loạn, đầy sức mạnh giả tạo và kiêu căng điên cuồng. Và rồi người ta đổ vỡ, và cái tôi không phải là tôi đầu hàng. *Nhưng Rimbaud không đổ vỡ*. Chàng không truất phế cha, chàng tự đồng hoá với Ngài. Chàng làm vậy vì kiêu căng, vì quyền hạn cũng như vì tính thái quá, sự đông dài, vô trách nhiệm của chàng. Chàng đi quá sang cực đoan bên kia, trở thành chính kẻ thù mà chàng ghét. Tóm lại chàng thoái vị trở thành một vị thần lang thang đi tìm vương quốc của mình. "Tự thiên mình chẳng phải là cách chắc chắn nhất để hành hạ mình hay sao?" (đây là một trong nhiều câu hỏi chàng đặt ra trong cơn hấp hối). Và đó chính là điều chàng làm. Chàng tự thiên mình bằng cách khước từ vai trò chàng được lựa chọn. Có thể rằng

trong Rimbaud ý nghĩa của tội lỗi đã bị hao mòn?

Ghê gớm thay cuộc tranh đấu tranh thủ quyền năng, của cải, an ninh, chàng phát khởi trong giai đoạn “hoạt động” của đời chàng! Chẳng lẽ chàng không nhận thức được kho tàng phong phú nào chàng thủ đắc, quyền năng ghê gớm nào chàng nắm trong tay, sự an ninh hoàn toàn nào chàng biết khi chàng chỉ đơn thuần là một thi sĩ sao? (Tôi mong muốn tôi có thể nói rằng chàng tự phát lộ mình là thi sĩ của hành động nữa, nhưng mà những tai biến rắc rối trong phần sau của cuộc đời chàng chẳng bao giờ phát triển thành những truyện ngẫu nhiên có lợi cho con người hành động cả). Không, có một sự mù quáng bất khả thâm dò, và sự mù quáng của Rimbaud thuộc loại này. Một lời nguyện rửa đã đặt lên chàng. Chẳng những chàng mất ý niệm về chiều hướng mà chàng còn mất cả cảm quan nữa. Tất cả mọi sự đều sai nhịp. Chàng thay đổi danh tính hoàn toàn đến nỗi giá chàng có gặp chàng đi qua đường chàng cũng chẳng thể nhận ra mình. Có lẽ đó là cách tuyệt vọng cuối cùng của sự điên cuồng lừa dối – trở nên vô cùng kháng kiện tinh thần để người ta không tự biết mình điên loạn. Rimbaud không bao giờ mất sự tiếp xúc với thực tại: ngược lại, chàng ôm ấp nó như một tên yêu quý. Mục đích chàng là làm bỏ rơi bản chất chân thật của chân thân chàng. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi chàng chán chường muốn chết. Chàng không thể sống nổi với mình, Vì tự ngã đó đã bị tịch thu. Về phương diện này người ta nhớ một của Lautréamont: “Tôi tiếp tục sống như nham thạch! Ở khởi điểm cũng như tận điểm của đời sống, thiên thần ngừng giống nhau: đã xa xôi biết chừng nào kể từ ngày tôi ngừng giống tôi!”

Người ta có cảm tưởng rằng ở Abyssinie chàng còn cất cả bộ phận trí nhớ đi nữa. Nhưng về cuối đời, khi chàng đã trở thành “kẻ bệnh hoạn bất lực vĩ đại”, khi cùng với sự hoà hợp của tay, chàng cuốn sợi dây của những giấc mơ bị nén chặt thì những kỷ niệm quá khứ trào vọt lên. Đáng thương cho chúng ta biết bao khi không ghi lại được cái ngôn ngữ lạ lùng mà chàng lảm nhảm trên giường bệnh, chân đã bị cưa đi, một cái bấu víu đại mọc càng ngày càng lớn ở đùi, những mầm mống ung thư khả nghi lưu chuyển trên khắp người chàng như những kẻ cướp giật. Mộng tưởng và ảo ảnh tranh đua nhau trong một tàu khúc^[4] bất tận và không có một thính giả nào ngoài cô em gái tận tụy, người ngày đêm cầu nguyện cho linh hồn chàng. Bây giờ những giấc mơ chàng mộng tưởng và những giấc mơ chàng sống lẫn lộn với nhau; tinh thần cuối cùng thoát khỏi xiềng xích, lại trỗi điệu lên.

Cô em chàng cố gắng cho chúng ta một mối hồ nghi về những hoà khúc không ghi lại này. Nếu tôi nhớ rõ, cô nhấn mạnh về thiên tính của những hoà khúc ấy. Chúng không phải là thơ cũng không phải là ánh sáng khai ngộ như chúng ta được khuyến khích tin tưởng. Chúng là tất cả cộng thêm một cái gì, có lẽ, giống như cái mà Beethoven cho chúng ta trong những tứ tấu khúc cuối cùng. Chàng không đánh mất nét tài hoa của bậc thầy; trái lại, với sự gần kề của cái chết, chàng còn thiên tài hơn cả khi chàng còn đang ở tuổi thanh xuân. Bây giờ chàng là những tấu khúc, những nhạc cú không ồn ào, chất chứa tuy đầy ánh sáng khai ngộ mà thuộc về phần tinh hoa và tinh túy thu lượm trong cuộc chiến đấu với ác quỷ khắc khổ nhất, đó là Đời sống. Kinh nghiệm và óc tưởng tượng bây giờ hoà hợp để hình thành một ca khúc. Ca khúc đó là một tặng phẩm chứ không phải là một lời nguyện rửa hay trừ ếm. Nó không còn là âm nhạc của chàng, thi ca của chàng nữa. Tự ngã đã bị đánh bật rễ, bài hát và nhạc cụ trở thành một. Đó là lễ vật của chàng đặt lên bàn thờ của lòng ngạo mạn bị truất phế. Đó là sự bội giáo. Sáng tạo không còn là kiêu căng, thách đố hay tự cao tự đại mà là trò chơi. Bây giờ chàng có thể chơi đùa trên giường lâm chung như chàng có thể cầu nguyện vì công việc như một kẻ chịu khổ đau của chàng đã kết thúc. Sóng thuyền của chàng cuối cùng đã gãy đôi, chàng bắt đầu ra khơi. Có lẽ trong những giây phút cuối cùng này chàng hiểu rõ mục đích đích thực của cần lao con người, rằng nó là nô lệ khi nối kết với một cứu cánh mù quáng hay vị kỉ và hân hoan khi nó được thực hiện nhằm phục vụ nhân quần.

Không có niềm hân hoan nào giống như niềm hân hoan của kẻ sáng tạo, vì sáng tạo không có mục đích nào khác ngoài sáng tạo. "Chúng ta hãy tập luyện cho khéo léo những ngón tay, nghĩa là tất cả những tiếp điểm của chúng ta với ngoại giới" ngày xưa có lần chàng đã hối thúc như vậy. Theo một ý nghĩa tương tự, Thượng đế tinh luyện những ngón tay của Ngài – khi Ngài nâng con người lên bình diện sáng tạo. Sự rung động của sáng tạo được cảm qua khắp tạo vật. mọi hình thức, mọi cấp bậc vật thể từ thiên thần tới sâu bọ, đều tranh đấu để cảm thông với những chủng loại ở trên và dưới. Không nỗ lực nào mất mát, không âm nhạc nào không được nghe. Nhưng trong tất cả mọi sự lạm dụng sức mạnh, không phải chỉ một mình Thượng đế bị tổn thương mà chính sự Sáng tạo cũng bị ngừng lại và Giáng sinh trên Trần gian bị trì hoãn lâu hơn nữa.

"Ah! Je n'aurai plus d'envie:

Il s'et chargé de ma via.

Salut à lui chaque fois
Que chante le coq gaulois”

Tôi chuyển vị những câu song đối này một cách phóng túng trong cùng tinh thần mà ngày xưa có lần tôi đã sai lầm dịch chữ “il” là *Dieu*. Tôi không thể ngăn cản mình tin tưởng rằng sự lồi cuồn không thể tránh khỏi về phía le bonheur mà Rimbaud nói có nghĩa là niềm hân hoan tìm thấy Thượng đế. *Alors - “salut à Lui chaque que fois que...”* Tôi tự hỏi tại sao tôi lại ngưỡng mộ Rimbaud trên tất cả những nhà văn khác? Tôi không tôn sùng tuổi trẻ cũng chẳng dối mình tin rằng chàng vĩ đại như những nhà văn khác mà tôi có thể kể tên ra. Nhưng có một cái gì trong chàng khiến tôi xúc động mà không tác phẩm của người nào làm được. Và tôi đến với chàng qua lớp sương mù của một ngôn ngữ mà tôi chẳng bao giờ chế phục được! Quả thế, chẳng cần phải đợi đến lúc tôi cố gắng một cách điên cuồng dịch chàng tôi mới bắt đầu thẩm định được đúng đắn sức mạnh và vẻ đẹp của câu văn chàng đâu. Trong Rimbaud tôi nhìn thấy chính tôi như trong một tấm gương soi. Không có điều gì chàng nói, lại xa lạ với tôi, dầu ngôn ngữ phi lý hay khó hiểu đi chăng nữa. Muốn hiểu người ta phải hàng phục, và tôi nhớ một cách rõ ràng tôi đã hàng phục ngay buổi đầu tiên tôi đọc lướt qua tác phẩm chàng. Ngày hôm đó, cách đây hơn mười năm, tôi chỉ đọc vài hàng và run như một phiến lá, tôi gạt cuốn sách đi. Lúc đó và ngay cả ngày nay, tôi có cảm tưởng rằng chàng đã nói *tất cả* cho thời đại chúng ta. Như thể chàng đã cất một cái lều trên khoảng không. Chàng là nhà văn duy nhất mà tôi đọc đi đọc lại không chán và sự thích thú không suy giảm, luôn luôn khám phá ra một và điều mới lạ trong chàng, luôn luôn xúc động sâu xa bởi sự tinh khiết của chàng. Bất cứ điều gì tôi nói về chàng bao giờ cũng sẽ chỉ là tả thực, không gì hơn là một toan tính lại gần – hay hơn nữa một *aperçu*. Chàng là một nhà văn mà thiên tài khiến tôi ganh tỵ; tất cả những nhà văn khác, dù vĩ đại đến đâu cũng chẳng bao giờ khơi dậy nỗi lòng ghen ghét đố kỵ của tôi. Và chàng chấm dứt văn nghiệp năm mười chín tuổi! Nếu tôi đọc Rimbaud lúc trai trẻ e rằng tôi sẽ chẳng bao giờ viết một dòng. May mắn thay đôi khi sự ngu muội của chúng ta!

Cho đến khi tôi lướt qua Rimbaud, chính Dostoievsky là người ngự trị tối cao. Theo một chính nghĩa nào đó, cũng như Đức Phật, ông bao giờ cũng sẽ thân ái với tôi hơn đáng Christ. Dostoievsky đến từ đáy thăm sâu, ở đó vô lượng thời gian và trời lên như một con người toàn diện. Tôi thích con người toàn diện. Và nếu tôi phải sống chỉ một lần thôi trên trái đất này, thì lúc đó tôi thích được biết nó như Địa ngục,

Lò luyện tội và Thiên đàng, tất cả trong một. Rimbaud đã cảm nghiệm một cõi Thiên đàng, song nó quá xanh non. Song le, bởi kinh nghiệm đó, chàng có thể cho chúng ta một hình ảnh linh động hơn về Địa ngục. Cuộc đời đàn ông của chàng, dầu chẳng bao giờ chàng là một người đàn ông trưởng thành, là một Lò luyện tội. Nhưng đó là số phận của phần lớn nghệ sĩ. Điều tôi vô cùng quan tâm nơi Rimbaud là viễn tượng Thiên đàng tìm thấy lại, Thiên Đàng *kiếm được* của chàng. Viễn cảnh này, dĩ nhiên, là một cái gì tách biệt với vẻ rực rỡ và kỳ diệu của ngôn ngữ chàng, điều tôi coi là vô song. Điều khiến tôi thất vọng là cuộc đời chàng, nó mâu thuẫn xiết bao với viễn tượng của chàng. Bất cứ khi nào đọc cuộc đời chàng, tôi đều cảm thấy rằng chính tôi nữa cũng thất bại, rằng tất cả mọi người chúng ta đều thất bại.

Vậy thì tại sao bây giờ tôi ngưỡng mộ chàng trên tất cả nhà văn khác? Bởi tại sự thất bại của chàng có tính cách vô cùng giáo huấn? Bởi tại sự thất bại của chàng đã kháng cự cho đến giây phút cuối cùng? Tôi công nhận, tôi yêu tất cả những người được gọi là phản kháng và thất bại. Tôi yêu họ bởi họ rất người rất “phàm phu quá phàm phu” chúng ta biết rằng Thượng đế yêu họ trên tất cả những người khác. Tại sao? Bởi tại họ là một mảnh đất thí nghiệm của tinh thần? Bởi tại họ là những kẻ bị hy sinh? Thượng đế hoan hỷ xiết bao khi đưa con hoang trở về. Đó là sự phát minh của con người hay của Thượng đế? Tôi tin rằng nơi đây con người và Thượng đế nhìn thẳng vào đáy mắt nhau. Con người đi lên, Thượng đế đi xuống; đôi khi tay người và Thượng đế đụng chạm nhau.

Khi tôi hồ nghi như tôi yêu ai hơn ai, những kẻ đối kháng hay những kẻ đầu hàng, thì tôi biết ngay rằng họ giống nhau và là một. Có một điều chắc chắn, là Thượng đế không muốn chúng ta đến với Ngài trong sự hồn nhiên trong trắng. Chúng ta phải biết tội lỗi và điều xấu, chúng ta phải lạc lõng khỏi đường ngay hư mất, trở nên ương ngạnh và tuyệt vọng: Chúng ta phải kháng cự chừng nào chúng ta còn đủ sức mạnh để kháng cự, hầu cho sự đầu hàng được hoàn toàn và đề hạ. Đặc ân của chúng ta, những tinh thần tự do, là tuyển chọn cho Thượng đế với mắt mở rộng, với âm hồn tràn đầy, với ước vọng trĩu nặng hơn mọi ước vọng. Kẻ ngây thơ vô tội! Thượng đế chẳng có ích gì cho hắn. Hắn là kẻ “chơi đùa ở Thiên đàng tới thiên thu” Trở nên càng ngày càng ý thức hơn, càng ngày thai nghén nặng nề hơn với hiểu biết, trở nên càng ngày càng chông chênh trĩu nặng hơn với tội lỗi – đó là đặc ân của con người. Không một người nào thoát khỏi tội lỗi, tới bất cứ bình diện nào con người đạt tới, hắn cũng bị bủa

vây bởi những trách nhiệm mới, tội lỗi mới. Nhằm huỷ hoại sự trong trắng vô tội của con người. Thượng đế chuyển hoán hẳn vào con đường tiềm thế. Qua lý trí và ý trí Ngài cho hẳn quyền lựa chọn. và con người trong sự hiểu biết của hẳn bao giờ cũng chọn Thượng đế. Tôi nói lại giấy lát về sự sửa soạn một cuộc sống mới của Rimbaud dĩ nhiên có nghĩa là diễn tiến cuộc sống tâm linh vậy. Tôi muốn nói thêm một chút về điều đó, thêm rằng không những sự sửa soạn này thiếu sót và sai lầm mà chàng ợn là nạn nhân của một sự ngộ nhận trầm trọng về tính chất của vai tr ờ chàng. Nếu chàng biết một không khí tâm linh khác, cuộc đời chàng hẳn phải quay sang một hướng khác. Nếu chàng có dịp giao tiếp với một bậc thầy hẳn chàng chẳng bao giờ tự khiến mình trở thành một kẻ tuần đạo. Chàng đã sẵn sàng cho một thứ phiêu lưu hoàn toàn khác hẳn thứ phiêu lưu chàng đã trải qua. Và theo một ý nghĩa khác, chàng không sẵn sàng, bởi vì, theo phương ngôn, khi đệ tử sửa soạn sẵn sàng, đáng đạo sư đã có ở đó tự bao giờ rồi. Điều khó khăn, là chàng công nhận “*ni Maitre, ni Dieu*”.^[5] Chàng đang cần giúp đỡ khủng khiếp, nhưng lòng kiêu ngạo của chàng lớn quá. Tốt hơn tự hạ mình, tốt hơn cúi mình, chàng lại giao mình cho bầy chó. Chàng chỉ có thể giữ mình nguyên vẹn bằng cách khước từ ý hướng của chàng không những là một cống vật cho sự tinh khiết của chàng mà còn là một sự lên án của thời đại. Tôi nghĩ tới Boehme, một người thợ vá giày, người có thể nói chẳng có một ngôn ngữ nào, thế mà đào luyện được một ngôn ngữ riêng cho mình, và với ngôn ngữ đó, làm bối rối những kẻ không được khai ngộ, truyền đạt thông điệp của mình tới toàn thể thế giới. Dĩ nhiên người ta có thể nói rằng bằng cách im tiếng đột ngột, Rimbaud cũng đã thành công trong việc truyền đạt cảm thông, nhưng đó không phải là chủ ý của chàng. Chàng khinh bỉ thế giới muốn hoan hô chàng, chàng khước từ không cho tác phẩm của chàng có một giá trị nào. Nhưng việc đó chỉ có một ý nghĩa duy nhất – là chàng muốn được đánh giá theo pháp định! Nếu người ta muốn đi sâu hơn vào hành động khước từ này, thì lúc đó người ta có thể so sánh sự khước từ của chàng với sự khước từ của đáng Christ. Và có thể nói rằng chàng chọn khổ hình hầu cho nó một ý nghĩa vĩnh viễn bền lâu. Nhưng Rimbaud lựa chọn một cách vô thức. Chính những kẻ cần chàng, những kẻ chàng khinh bỉ, đã gán cho tác phẩm và cuộc đời chàng một ý nghĩa. Rimbaud phủi tay, chàng không sửa soạn nhận lãnh trách nhiệm những lời nói của chàng, vì biết rằng chàng chẳng thể được chấp nhận theo giá pháp định.

Chú thích.

^[1]Tôi viết nghiêng

^[2]“Kẻ nào không chấp nhận thân phận mình thì phải bán rẻ tâm hồn mình.” G. c. D

^[3]Saturnian: - a) Thuộc về Thổ Tinh, thần canh nông, trong thần thoại La Mã – b) Thịnh vượng, hoà bình – G. c. D.

^[4]fugue – G. c. D.

^[5]“Không sự phụ, không Thượng đế” – G. c. D.

Henry Miller.

Thời của những kẻ giết người - Nghiên cứu về Rimbaud.

Nguyễn Hữu Hiệu dịch

Thời của những kẻ giết người

Nguyễn Hữu Hiệu dịch

Phần 2 (B)

Chẳng có gì lạ lùng khi thế kỷ mười chín qui tụ toàn những khuôn mặt ma quỷ xuất chúng. Người ta chỉ cần nghĩ tới Blake, tới Nerval, Kierkegaard, Lautréamont, Strindberg, Nietzsche, Dostoievsky – toàn những khuôn mặt bi thảm, và bi thảm theo một ý nghĩa mới. Tất cả đều lo âu tới vấn đề linh hồn, sự bành trướng của ý thức và sự sáng tạo những giá trị luân lý mới. Ở giữa trục xe, nơi phát quang những khoảng chân không, Blake và Nietzsche ngự trị như hai vì sao song đối sáng loà, thông điệp của họ hãy còn mới lạ đến nỗi chúng ta nghĩ về họ như những kẻ cuồng điên ^[1]. Nietzsche sắp xếp toàn bộ giá trị hiện hữu, Blake tạo ra một vũ trụ khai lịch luận mới. Rimbaud gần gũi cả hai theo nhiều cách. Chàng tựa như một tinh đầu mới đột ngột xuất hiện sáng rực lên một cách khủng khiếp rồi lao thẳng vào trái đất. (“Et je vécus étincelle d’or de la lumi’ere nature.”) Giữa lòng bóng tối dày đặc của lòng mẹ, mà chàng sức sạo tìm với cùng sự tàn bạo

chàng vận dụng trước kia để tìm ánh sáng thiên đàng, chàng biến hoá thành Radium. Bản chất của chàng là một chất liệu nguy hiểm khó sờ bằng tay; nó là một thứ ánh sáng tan biến khi không phát huy hay chiếu sáng. Như một vì sao, chàng bay lượn quá gần quỹ đạo của trái đất. Không bằng lòng dải ánh sáng rực rỡ của mình lên trên trái đất, chàng bị hấp dẫn một cách hung hiểm không thể tránh khỏi bởi sự phản chiếu của chính bóng hình mình trong tấm gương chết của cuộc đời. Chàng muốn chuyển hoá ánh sáng của chàng vào sức mạnh phát quang; việc này chỉ có thể thành tựu bởi một sự rơi ngã. Ảo tưởng này mà những nhà đạo học Đông phương gọi là vô minh hơn là tội lỗi, làm tỏ lộ sự hỗn độn giữa lãnh vực nghệ thuật và đời sống đã cùm kẹp những con người của thế kỷ Mười chín. Dường như tất cả những đầu óc lớn của thời hiện đại đã tranh đấu để tự làm mất từ lực của chính mình. Tất cả đều bị tan biến bởi những tiếng sấm sét của thần Jupiter. Họ giống như những nhà phát minh, sau khi phát minh ra điện, không hiểu gì về sự cách điện. Họ được dẫn dắt tới chỗ điều hoà với một sức mạnh mới đang bị xuyên thủng, nhưng những cuộc thí nghiệm của họ dẫn tới thảm hoạ. Tất cả những người này, và Rimbaud là một trong số đó, là những nhà phát minh, những nhà làm ra luật, những chiến sĩ, những kẻ tiên tri. Họ tình cờ là những thi nhân. Sự phong phú dạt dào của tài năng họ, đi đôi với sự kiện thời đại chưa đủ trưởng thành để tiếp đón họ, hợp lại để tạo ra một hoàn cảnh thất bại và tiêu vong theo một ý nghĩa sâu xa, họ là những kẻ tiếm đoạt, số phận dành cho họ khiến chúng ta nhớ tới những nỗi thống khổ của những nhân vật chính trong bi kịch Hi Lạp xưa. Họ bị săn đuổi và hạ thủ bởi những thần phần nộ mà, theo cách nói hiện đại, là những chứng điên cuồng. Đó là cái giá con người phải trả khi hấn toan nâng cao mức độ thần thông của những vị thần thánh của hấn, khi hấn toan sống hoà hợp với những pháp điểm mới trước khi những vị thần thánh mới được rào an ninh. Dĩ nhiên những vị thần này luôn luôn chỉ là sự phóng chiếu của những năng lực nội tâm phấn khích của con người. Họ tượng trưng cho yếu tố ma thuật kỳ diệu trong sự sáng tạo; họ đui mù và say sưa bởi họ xé rách bóng tối nơi họ xuất phát. Baudelaire đã diễn tả điều đó từ đáy sâu kinh nghiệm chua xót của chính ông, như sau khi ông viết: *“En effet il est d’efendu à l’homme, sous peine de déchéance et de mort intalletuelle, de de’ranger les conditions primordiales de son exystence et de rompre l’équilibre de ses feculte’s avec les milieux où elles sont destine’es à se mouvoir, de de’ranger son destin pour y substituer une fatalites d’un genre*

nouveau...”

Tóm lại, kẻ mơ mộng phải bằng lòng mơ mộng, tin tưởng rằng “tưởng tượng tạo ra thực thể”. Đó là chức phận của thi nhân, chức phận cao cả nhất bởi nó đưa hần tới cái chưa biết, tới giới hạn của sáng tạo. Những bậc thầy bao giờ cũng ở trên sự quyến rũ của sáng tạo; họ chuyển vận trong lưu hỏa thuần thanh của hữu thể. Họ đã chấm dứt với biến dịch; họ đã thể nhập chính họ vào lòng sự sáng tạo, thể hiện con người toàn diện và sáng láng với ánh sáng rực rỡ của bản thể linh thánh. Họ đã tự hoá thân tới điểm mà họ có việc phát huy ánh sáng của thần tính họ.

Kẻ được tuyển chọn, tinh thông lão luyện ở bất cứ nơi nào cũng an nhiên tự tại. Họ hiểu ý nghĩa của địa ngục nhưng không định vị nó ngay cả như một hiện hữu trần gian. Họ hân hưởng khoảng cách giữa một trạng thái hiện hữu khác. Nhưng những tinh thần tự do, những kẻ bị dây vô – sinh ra từ thời gian và nhịp điệu – chỉ có thể diễn dịch những trạng thái trung gian của họ như địa ngục mà thôi. Rimbaud đúng là một trong những kẻ đó. Sự chán chường dữ dội mà chàng trải qua là phản ảnh của nỗi trống vắng trong đó chàng sống – dù chàng tạo ra hay không nó vẫn vô hình vô thể. Có một điều có vẻ minh bạch, trong tương quan này là: chàng có thể khiến năng lực của chàng trở thành vô dụng. Đó là một chân lý cục bộ, chắc chắn như thế, nhưng chính cái khía cạnh này của chân lý mà con người văn hoá can dự. Đó là chân lý của lịch sử, có thể nói như vậy. Và lịch sử càng ngày càng có khuynh hướng trở nên đồng tính với thân phận con người.

Thỉnh thoảng, từ đáy sâu, dòng sông ngầm của cuộc đời, những tinh thần vĩ đại trong vóc dáng nhân loại được quăng lên; tựa những trụ điện báo trong đêm, báo trước hiểm nguy đe dọa trước mặt. Nhưng sự kêu gọi của họ vô ích đối với những “đầu tàu bị bỏ đi nhưng hãy còn bốc cháy” (những tinh thần hư nguy của thời đại) “chiếm đường rày trong một thời gian.” Sự đào luyện của những tâm hồn này, Rimbaud nói, theo hình ảnh tôi dùng, *bắt đầu với tai ương*. Chính cái không khí tai ương và thảm họa này thấm thấu bình diện lịch sử của diễn dịch. Những khuôn mặt ma quỷ, bị ma ám bởi họ thấm nhiễm một nỗi đam mê vượt quá họ, là những tên lính canh không biết từ đâu xuất hiện trong những giờ đen tối nhất của đêm đen. Tiếng nói của họ là tiếng nói không ai thèm để ý đến.

Những đám lầy của văn hoá Tây phương chờ đợi những *trains de luxe* trật đường rày trong đó những tinh thần kiêu ngạo của chúng ta an tọa thành thoi phóng ra những châm ngôn cũ rích. Rimbaud mô tả

một cách sống động. “Tôi thấy rõ là những thiếu thốn bức bối của tôi đến từ sự thiếu thức thời của tôi rằng chúng ta thuộc về thế giới Tây phương. Những đêm lầy Tây phương!” Rồi chàng vội thêm: “*Non que je croie la lumiere altérée, la forme exténuée, le mouvement égaré...*” (Chàng không phải là kẻ bị lịch sử lừa phỉnh, người ta nhận xét). Trong câu kế tiếp, như thể chàng đã biết số phận của mình tự thiên thu, chàng nói: “*L’esprit est autorité, il veut que je sois en. Occi dent*” Đôi khi, trong cuộc tạm trú tại vực sâu, chàng nhận xét, hoàn toàn như thể chàng bị xao động trong giấc ngủ - “*C’est la vie encore!*” Vâng, đó chính là cuộc đời, không còn nhằm lẫn gì nữa. Nhưng có điều đó là mặt trái của đồng tiền hai mặt. Và chàng là kẻ, mặc dầu chàng phát biểu một cách nhạo báng, song lẽ đã thừa hưởng được chân lý, phải cam chịu nó, thấu suốt nó. Chẳng còn cuộc đời nào khác đối với chàng... chàng lựa chọn nó từ bên kia mộ huyết. Mọi yếu tố của tâm tính chàng đã nằm sẵn đó từ khi chàng mới chào đời; những yếu tố đó cho định mệnh chàng mượn đặc tính độc nhất của sự hấp hối của chàng. Chàng sẽ đau khổ không những bởi cha mẹ chàng muốn vậy, không những thời đại bắt buộc chàng phải đau khổ, chàng sẽ đau khổ bởi toàn thể tiến trình qua đó tinh thần con người đã đi qua. Chàng đau khổ chính bởi tinh thần con người đang trong lao khổ. Chàng sẽ đau khổ như chỉ hạt mầm mới đau khổ thế khi nó rơi xuống mảnh đất cằn khô.

Trong ánh sáng của những suy tư này, làm sao phần thứ hai của cuộc đời chàng phải hiện ra bí ẩn và ly kì hơn phần đời thứ nhất? Phải chăng định mệnh con người không do tính tình định đoạt? Chúng ta trở thành hiện thể của chúng ta, nếu không tất cả chỉ là trò chơi của tình cờ. Những *rencontres* ngẫu nhiên, những tai biến lạ lùng của số phận, làm nên ý nghĩa siêu phàm. Con người luôn luôn nhất trí với mình, ngay cả khi vào những giây phút bất ngờ trong một cuộc sống đáng ca ngợi khác hẳn thành linh phạm một tội ác khủng khiếp. Rất thường khi, phải thế chẳng, con người đức hạnh gương mẫu nhất lại phạm những tội ác đáng ghê tởm nhất.

Rimbaud liên tục kêu gọi người ta chú ý tới những nét xấu xa của chàng. Chàng nhấn mạnh những nét đó, đúng thế. Khi trước kia tôi nói rằng nửa phần đời sau của chàng là một cuộc đóng đinh trên cây thập tự, tôi muốn nói theo ý nghĩa rằng chàng đã thả lỏng những xung đột của chàng. Tôi không nói về những tính chất ngoại hạng của chàng, bởi chúng có thể cướp mang chàng qua bất kỳ một cuộc thử thách nào, mà bởi sự kiện chàng đầu hàng với những bản năng của mình. Với Rimbaud sự đầu hàng này gọi là nhường ngôi thoái vị:

những con chiến mã bất trị đã chiến thắng yên cương. Biết bao việc giờ đây phải làm để tìm cho ra con đường ngay! Công việc vô cùng tận. Đôi khi dường như chàng chẳng là một con người khác bao nhiêu, như một con người vô mục đích. Thi sĩ vẫn tiếp tục biểu lộ mình, khác chẳng là bằng những kiểu mẫu lạ lùng của những nẻo đường vô sở cứ kì dị của chàng. Hãy xem những nơi chốn chàng tự cho phép mình vướng mắc vào, chàng ra vào hầu hết mọi hải cảng châu Âu, đâm bổ đi nay đây mai đó – Chypre, Nauy, Ai Cập, Java, Ả Rập, Abyssinie. Hãy nghĩ tới những cuộc đeo đuổi, nghiên cứu, suy nghĩ khảo sát của chàng! Tất cả đều mang dấu hiệu “ngoại quốc”. Những kì công của chàng táo bạo và không có đặc hứa trạng cũng như những cuộc chạy trốn đầy thi tính của chàng. Cuộc đời chàng chẳng bao giờ tầm thường, dù có vẻ tẻ nhạt và đau buồn đối với chàng. Chàng ở giữa lòng cuộc đời, người thư kí trong văn phòng nghĩ vậy. Vâng, nhiều công dân vững mạnh, chớ đừng nói tới những thi sĩ, sẵn sàng cho đi một tay hay một chân nếu họ có thể bắt chước cuộc sống phiêu lưu của Rimbaud. Nhà bệnh lý học có thể gọi nó là “bệnh xê dịch”, nhưng đối với kẻ quanh quẩn xó nhà thì nó giống như một điểm phúc tuyệt vời. Dĩ nhiên đối với người dân Pháp quốc chí thú chăm bón hoa viên, nó không phải giống như bệnh mất trí hoàn toàn. Cuộc *tour du monde* ^[2] với cái dạ dày trống không này hẳn phải khủng khiếp lắm. Nó còn có vẻ điên khùng, khủng khiếp hơn nữa nếu họ biết rằng chàng đã mắc bệnh kiết lỵ vì lúc nào cũng mang trong hầu bao 40.000 quan vàng. Bất cứ việc gì chàng làm cũng đều có vẻ kỳ cục, dị thường, *noui*. Cuộc hành trình của chàng là một ảo tưởng liên tục không đứt đoạn. Vâng, có những yếu tố đam mê và tưởng tượng trong đó mà chúng ta ngưỡng mộ trong văn phẩm chàng, không còn nghi ngờ gì nữa. Nhưng còn có một vẻ lạnh lẽo xung quanh hành động của chàng, giống hệt như trong hành vi của chàng với tư cách một thi sĩ. Ngay cả trong thi ca cũng có ngọn lửa lạnh lẽo này, thứ ánh sáng không hơi ấm này. Đó là một yếu tố mà mẹ chàng đã cho chàng và làm trầm trọng thêm bởi thái độ của bà đối với chàng. Đối với bà, bao giờ chàng cũng khó lường trước, trò tiêu khiển u sầu của một cuộc hôn nhân không tình yêu. Dù chàng tranh đấu thế nào mặc lòng để tách mình ra khỏi quỹ đạo cha mẹ thì bà vẫn ở đó như một khối đá nam châm đẩy chàng lại phía sau. Chàng có thể giải phóng chàng khỏi những nợ nần khẩn cầu của thế giới văn chương nhưng chẳng bao giờ thoát khỏi bà mẹ. Bà là vì sao đen hấp dẫn chàng một cách tai hại. Tại sao chàng không quên bà hoàn toàn như chàng quên tất cả những kẻ khác, hiển nhiên bà là móc mối

của quá khứ mà chàng chẳng thể từ bỏ. Quả thực, bà trở thành dĩ vãng. Đường như cha chàng cũng có máu giang hồ phiêu bạt và cuối cùng, ngay cả khi Rimbaud ra đời, ông lang bạt biệt tích mãi mãi. Nhưng đứa con, mặc dù lang thang phiêu bạt đến góc bể chân trời nào, cũng không thực hiện được sự dứt bỏ này, và giống như cha mà chàng đồng nhất giống nhất hai giọt nước, chàng tiếp tục gia tăng nỗi bất hạnh của mẹ. Và do đó chàng lang thang. Chàng lang thang và lang thang cho đến khi chàng đi đến tận xứ miền của kẻ chán chường “nơi những con bò u mơ mộng, vui mình xuống cỏ mọc cao lên tới yếm.” Ở đó chàng cũng mơ mộng nữa, tôi chắc chắn cũng như vậy, nhưng cũng giấc mơ ấy là giấc mơ huy hoàng hay cay đắng thì chúng ta không thể biết được. Chàng không ghi lại nữa, chàng chỉ cho chúng ta những ghi chú bên lề - huấn lệnh, thỉnh nguyện yêu cầu, than phiền. Phải chăng chàng đã đi tới chỗ không cần ghi lại những mơ mộng của mình nữa? phải chăng hành động đã thay thế cho mơ mộng? Những câu hỏi này còn được đặt ra muôn đời. Chỉ có một điều duy nhất rõ rệt – chàng chẳng biết vui là gì. Chàng vẫn còn bị ám ảnh, vẫn còn bị lôi cuốn. Chàng không chịu bỏ rơi sứ mệnh của kẻ sáng tạo để phơi mình ra ánh sáng. Chàng tràn trề năng lực của một kẻ “mà trung tâm ngừng nghỉ” [3]

Vậy thì phải chăng bí mật nằm trong sự kiện đó? Chắc chắn không nằm trong hành vi bên ngoài của chàng bởi ngay trong một sở thích nông cuồng nhất thời chàng vẫn nhất trí với chính mình. Ngay cả khi chàng mơ ước một ngày kia có một đứa con trai, một đứa con trai phải trở thành một kỹ sư (sic), chúng ta vẫn có thể theo dõi chàng. Chắc chắn, ý tưởng đó hơi *bonleversante*, nhưng chúng ta vẫn có thể nuốt nổi. Chàng đã sửa soạn cho chúng ta chờ đợi *bất cứ điều gì* nơi chàng đó sao? Chàng cũng chẳng đầy nhân tính đó sao? Chàng không có quyền đùa giỡn với những ý niệm hôn nhân, phụ tử và những ý niệm tương tự sao? Thi nhân, kẻ đã có thể đi săn voi, kẻ đã có thể viết thư về gia đình đòi gửi cho một cuốn chuyên thư “Lý thuyết và thực hành về ngành thám hiểm” một người có thể nghĩ đến chuyện đệ trình một bài khảo cứu về bộ lạc Galla tới Hội nghiên cứu địa lý, thì có gì đáng ngạc nhiên lắm đâu cũng khao khát một bà vợ da trắng và một đứa con theo ý riêng? Người ta ngạc nhiên khi thấy chàng đối xử với người tình Abyssinie một cách vô cùng lịch sự. Vậy thì tại sao không khẩn cầu? Có điều lạ lùng là tại sao chàng phải quá lịch sự, trang nhã, ân cần tử tế nữa... phải thỉnh thoảng làm điều tốt lành, như chàng nói? Chúng ta hãy nhớ lại lời nói của Shylock! Không, điều khó nuốt, điều dính chặt như một cục bướu nơi cổ họng,

là sự khước từ nghệ thuật của chàng. Đó chính là nơi Monsieur Tout-le-monde bước vào. Đó là *tội ác* của chàng, như chúng ta thường nói. Tất cả mọi lỗi lầm, tật xấu, sự quá đáng của chàng chúng ta có thể tha thứ hết – trừ điều đó. Đó là một điều sỉ nhục không thể tha thứ được *n'est-ce pas* ? Ở đây chúng ta phản bội chúng ta biết chừng nào! Tất cả chúng ta đều muốn bỏ đi một thời gian, có phải thế không? Chúng ta chán chê, thất vọng với toàn thể tác phẩm nhưng chúng ta vẫn đeo đuổi. Chúng ta đeo đuổi bởi chúng ta thiếu can đảm, óc tưởng tượng để theo đuổi lời thỉnh nguyện. Chúng ta không đeo đuổi vì cảm tình liên đới. À không! Tình liên đới là một huyền thoại – ít nhất là trong thời đại chúng ta. Tình liên đới dành cho bọn nô lệ chờ đợi cho đến khi thế giới trở thành một bầy sói khổng lồ rồi lập tức chúng sẽ vồ chụp lấy tất cả chẳng trừ một móng nào, và xé nát từa những con mãnh thú đồ kị. Rimbaud là một con sói cô độc. Tuy nhiên chàng không lén lút theo cửa sau lên ra với cái đuôi không cúp xuống. Không! Không đời nào. Chàng chế nhạo phái Thi sơn – và quan toà, mục sư, giáo học, những nhà phê bình, những tên cai nô lệ, những tên giàu sụ và những tên lang băm khoác lác, những kẻ đã tạo nên xã hội văn hoá lấy lừng của chúng ta. (Bạn chớ tự phỉnh phờ mình rằng thời đại chàng tồi tệ hơn thời đại chúng ta! Chớ tưởng trong một giây phút nào rằng những tên bunn xinn, dờ người và sài lang này, những tên thiên tài giả mạo trên mọi bình diện này ngày nay đã tuyệt diệt mà làm to! Đó là vấn đề của các bạn cũng như của chàng) Không, như tôi đã nói, chàng không bao giờ lo lắng không được chấp nhận... chàng khinh bỉ sự thoả mãn nhỏ mọn mà đa số chúng ta thêm khát. Chàng thấy rằng đó chỉ là một đồng nhóp nhúa bầy nhầy, rằng trở thành một kẻ huênh hoang lừng lẫy cũng chẳng đưa chàng tới đâu. Chàng không muốn sống, chàng muốn nhiều chỗ hơn nữa, nhiều tự do hơn nữa: chàng muốn tự biểu lộ mình, dù sao cũng mặc. Và do đó chàng nói: "*Tiên sư mà! Tiên sư tất cả tội bay!*" Rồi chàng mở khuy quần và đá lên trên tác phẩm – từ một nơi thật cao, như Céline có lần đã làm. Việc đó, hồi những kẻ nô lệ thân mến của cuộc đời, quả thực không thể tha thứ được, phải thế chẳng? *Đó là tội ác*, đúng không? Rất đúng, chúng ta hãy tuyên án "Rimbaud, mi bị lên án là có tội. Mi sẽ bị chém đầu tại công trường nhân danh những nghệ sĩ bất mãn của xã hội văn minh" Vào giây phút đó, tôi không nghĩ tới niềm hoan lạc mà đám đông bao giờ cũng đem theo ủa về phía máy chém, nhất là khi có một nạn nhân "lựa chọn", tôi lại nhớ tới những câu của "Kẻ xa lạ" trong cuốn tiểu thuyết của Albert Camus – và tôi biết thế nào là một tâm hồn bị xua đuổi.

Tên *procureur* đã đặt những câu hỏi hùng hồn với đám khán giả dự phiên toà lên án “ác quỷ” này như sau: *“A-t-il seuleme’nt exprime’ des regrets? Jamais, meissieurs, pasune seule fois au cours de l’instruction cet homme n’a paru e’mu de son abominable forfait”*. (Lưu ý luôn luôn là tội ác đích thực... không bao giờ là chính tội ác). Và rồi, tới chỗ này nạn nhân tiếp tục độc thoại nội tâm... *“A ce moment, it s’est tour- né vers moi et m’a désigné du doight en con ti nuant à m’ac cabler sans qu’en réalité je comprenne bien pourquoi. Sans doute je ne pouvai pas m’empêcher de reconnaître qu’il avait raison. je ne regrettais pas beaucoup mon acte Mais tant d’ acharnement m’ étonnait J’aurais voulu essayer lui expliquer cordialement, presque avec affec- tion, que je n’avais jamais du regretter vraiment quel-que chose. J’étais toujours pris par ce qu’il allait arri-ver, par aujourd’hui ou par demain. Mais naturelle- ment, dans l’e’tat où l’on m’avait mis, je ne pouvais parler à personne sur ce ton. Je n’avais pas le droit de me montrer affectueux, d’avoir de la bonne volonté. Et j’ai essayé d’écouter en core parce que le procureur s’est mis à parler de mon âme”*.

Trong giai đoạn mang tên “Sự sáng tạo của thi sĩ” trong tác phẩm *Hề và thiên thần*, Wallace Fowlie nhấn mạnh trên khía cạnh tối thượng của con người Rimbaud khiến chàng tách biệt, theo ý tôi đánh dấu tính cách anh hùng của nhà thơ. Ông viết: “Thiên tài vừa là chủ vừa là nô lệ của sự im lặng. thi sĩ không những chỉ hiện hữu trong chữ nghĩa mà dưới đó chàng kí tên mình, và còn cả trong khoảng trắng trên trang giấy. Sự lương thiện của chàng nguyên vẹn, và Rimbaud sống nguyên vẹn một cách huy hoàng”.

Cách Rimbaud dùng chữ “nguyên vẹn” rất đáng lưu ý. *“Les criminels dégoutent comme des chotrés; moi, fe suis intact, et cam’est égal”*. Chàng thấy chủ và nô lệ, quan toà và kẻ tội phạm, kẻ phản kháng và kẻ thủ cựu đều mang một cái ách giống nhau: đó là Địa ngục của họ, bị xiềng xích vào lẫn nhau dưới ảo tưởng là họ khác biệt nhau. Thi sĩ cũng ở trong tình trạng bất như ý đó, chàng ám chỉ vậy. Hắn cũng bị trói buộc, tinh thần hắn không được tự do, trí tưởng tượng của hắn không bay bổng tuyệt vời. Do đó Rimbaud từ chối nổi loạn, chàng chỉ khước từ. Dù chàng không có ý muốn như thế, nhưng đó là cách chắc chắn nhất khiến người ta nhận ra ảnh hưởng của chàng. Bằng cách duy trì một sự im lặng tuyệt đối chàng khiến cho người ta cảm thấy sự hiện diện của chàng. Sự việc đó gần giống như kỹ thuật của thánh nhân.^[4] Nó có hiệu quả hơn khoa chiêm gổ mỗ âm ỉ. Thay vì trở thành một tiếng nói khác, thi sĩ trở thành chính tiếng nói – tiếng

nói của im lặng.

Trong khi bạn đang ở trong thế giới là một thành phần của thế giới, hãy nói lên lời nói của bạn, rồi khép bầy lại mãi mãi! Nhưng chớ hàng phục, chớ cúi đầu! hình phạt? đầy ải. Tự đầy ải, bởi người ta đã khu trục thế giới. Phải chăng đó là một định mệnh khủng khiếp? Nó là một định mệnh khủng khiếp chỉ khi nào người ta khao khát ánh sáng danh vọng. Cũng phải có những kẻ ngự trị trong im lặng và trong bóng tối. Thế giới được tạo nên bởi những đối kháng nhị nguyên, trong lãnh vực tinh thần cũng như lãnh vực vật chất. Tội lỗi cũng có chỗ rộng rãi thánh thiện, bóng tối cũng như ánh sáng. Luôn luôn là bóng hình và thực thể. Với con người thần thánh, thế giới hoang hôn không thể lưu trú được, bởi đó là lãnh vực của rối loạn. Chính trong khu vực này mà Nietzsche đã đập những thần tượng đổ. Trong khu vực này Thượng đế cũng như quỷ Satan chẳng thể được nhận ra. Đó là thung lũng của tử thần mà tinh thần qua lại, khoảng ngừng nghỉ tối tăm trong đó con người mất liên lạc với vũ trụ. Đó cũng chính là “Thời của những kẻ giết người”. Con người không còn rung động vì hứng khởi phấn khích họ đau đớn quằn quại ganh ghét và thù hận. Không có phản ứng điện, họ không biết nhìn nhận một sự căng thẳng nào, họ chỉ biết phản động, con người Trung cổ nhìn nhận Hoàng tử của Bóng tối và tôn kính những sức mạnh tội lỗi. Nhưng con người thời Trung cổ còn nhận ra và công nhận Thượng đế nữa. Do đó cuộc đời họ say mê và thịnh vượng tròn đầy. Ngược lại, cuộc sống con người thời hiện đại xanh xao và trống rỗng. Những sự kinh hoàng mà hần biết vượt xa bất cứ kinh hoàng nào mà những con người thời đại trước biết tới bởi hần sống trong một thế giới không thực, bị bủa vây bởi những bóng ma. Hần không có cả những khả năng hưởng niềm vui hay giải phóng rộng mở cho những kẻ nô lệ của thế giới cổ xưa. Hần trở thành nạn nhân của sự trống rỗng nội tâm của hần; sự dày vò của hần là sự dày vò của nghèo nàn kiệt quệ. Amiel, người biết quá rõ thời đại này và cũng là một “nạn nhân” của nó, đã cho chúng ta một bản trần thuật về “sự kiệt quệ của thiên tài”. Đó là một trong những câu có tính cách báo động nhất mà con người có thể thốt ra. Nó có nghĩa là tận thế đã gần kề...

Nói về tận thế, tôi không thể không nhớ tới những câu của Amiel khi ông đề cập tới sự kinh tởm mà bút pháp của Taine đã khơi dậy trong ông. “Nó không gợi ra bất cứ một cảm xúc nào; nó chỉ là một phương tiện thông tin. Tôi tưởng tượng thứ văn chương này có thể sẽ là văn chương tương lai – một thứ văn chương *à l’ame’ricaine* ^[5], khác xa nghệ thuật Hy Lạp, cho chúng ta số học thay vì sống, công thức thay

vì hình ảnh, cơn giận thoảng qua thay vì sự điên cuồng thần thánh của thần Apollon. Viễn tượng lạnh lẽo sẽ thay thế những nỗi hân hoan của tư tưởng và chúng ta sẽ chứng kiến cái chết của thi ca, bị lột da và mổ xẻ bởi khoa học”.

Trong trường hợp có một cuộc tự tử, chúng ta không quan tâm kẻ đó chết nhanh chóng hay chết bằng một cái chết diên tri, sự hấp hối của hân dũ dội hay sơ sơ thôi. Chính *hành động* mới quan trọng đối với chúng ta bởi đột nhiên chúng ta phải nhận thức rằng hiện hữu hay không hiện hữu là những hành động – chứ không phải là tự động từ! – khiến cho cuộc sống và cái chết đồng nghĩa với nhau. Hành động tự sát luôn luôn gây một hiệu quả chấn động; nó lay chuyển chúng ta trong giây lát vào trong ý thức. Nó khiến chúng ta nhận thức được rằng chúng ta đui mù và chết chóc. Đặc trưng biết bao cái thế giới bị chế ngự bởi bệnh hoạn của chúng ta khi luật pháp phải nhắm tới những toan tính này bằng một sự nghiêm túc giả đạo đức! Chúng ta chẳng muốn được nhắc nhở về điều chúng ta bỏ dở; chúng ta sợ hãi co rúm lại khi nghĩ rằng từ bên kia nắm mồ ngón tay của kẻ đào thoát sẽ mãi mãi chỉ thẳng vào chúng ta.

Rimbaud là sự tự sát *sống động*. Đó là điều không thể chịu nổi đối với chúng ta. Theo lẽ ra chàng có thể kết thúc sự tự sát ấy vào năm mười chín tuổi, nhưng không, chàng kéo dài nó ra, chàng bắt chúng ta chứng kiến, qua sự cuồng dại của một cuộc đời lãng phí hư hao, cái chết sống động mà tất cả chúng ta đều phải gánh chịu. Chàng hoạt kê sự cao cả của chàng đến nỗi chúng ta có thể chửi rủa những nỗ lực cón con của chúng ta nhiều hơn nữa. Chàng làm việc quần quật như một tên mọi đen, đến nỗi chúng ta có thể ham thích cuộc sống nô lệ mà chúng ta đã chấp nhận. Tất cả những đặc tính mà chàng tỏ lộ trong cuộc phấn đấu với đời năm mười tám tuổi là những đặc tính được tạo ra “để thành công” như chúng ta nói ngày nay.

Rằng chàng phải được tạo ra bằng thành công, một sự thất bại cay đắng như thế này là chiến thắng của chàng. Nó đòi hỏi một lòng can đảm quỉ quái (ngay cả khi không chủ tâm) để khiến cho bằng chứng ấy có thể chứng minh được. Khi chúng ta thương xót chúng ta, thực tế, vì thiếu can đảm để noi gương chàng. Chúng ta không thể chịu đựng được quá nhiều cuộc rời bỏ hàng ngũ – có thể chúng ta sẽ bị mất tinh thần. Điều chúng ta muốn là trở nên nạn nhân của cuộc đời để hợp quần với nhau trong bất lực. Chúng ta biết rõ nhau, quá biết rõ nhau, chúng ta ghét lẫn nhau. Nhưng chúng ta tiếp tục giữ phép lịch sự của loài sâu bọ. Chúng ta cố gắng giữ lịch sự ngay cả khi chúng ta đang tàn sát lẫn nhau... đó là những chữ thông thường, có

phải thế không? Những chữ đó sẽ được nhắc nhở bởi Lawrence, bởi Céline, bởi Malaquais – và nhiều người khác. Và những người dùng những chữ này sẽ bị chửi rủa là những kẻ phản bội, chủ trương đào thoát như những con chuột bỏ con tàu đắm. (Như thể những con chuột chưa hề tỏ ra cực kỳ thông minh!) Nhưng con tàu *đang* chìm đắm, không thể có hai lối thoát cho trường hợp này. Lawrence nói về điều ấy trong những bức thư thời chiến của ông, và trong khi viết về cuốn *Moby Dick* nữa... *On va où l'on pe'se*, St. Exupé'ry tuyên bố như vậy trong những trang cảm hứng trong tác phẩm *Pilote de Guerre* của ông.

Chúng ta đang ở trên đường chìm đắm, không còn hồ nghi gì về điều đó, nhưng đâu là Con tàu cứu nạn sẽ mang chúng ta qua cơn Đại hồng thủy? Và nó sẽ được làm bằng chất liệu gì? Đối với những kẻ được lựa chọn hiển nhiên họ sẽ phải được tạo nên bằng tính chất khác hẳn những con người đã làm nên thế giới *này*. Chúng ta đang đi tới mặt kỳ và đó là một mặt kỳ khốc liệt đối mặt với chúng ta.

Những sự báo trước truyền đạt bằng ngôn từ đã ngừng cảm kích chúng ta từ lâu. Đã tới lúc cần tới hành động, có thể hành động tự tử nữa, nhưng hành động thì mang đầy ý nghĩa.

Cử chỉ khước từ của Rimbaud đúng là một hành động đó. Nó chuyển hoá văn chương. Nó sẽ chuyển hoá cả cuộc đời? Tôi không tin. Tôi không tin bất cứ cái gì ngăn cơn sóng thủy triều lại đe dọa chìm đắm chúng ta. Tuy nhiên có một điều mà sự đi đến của chàng đã hoàn thành – nó chuyển hoá những kẻ nào trong chúng ta còn tin tưởng, còn hoài vọng tới tương lai, thành "những mũi tên khao khát một bờ bến khác."

Đối với con người, điều quan trọng liên quan đến sự chết là hẳn có thể phân biệt nó với sự băng hoại. Người ta chết vì một điều gì đó, nếu hẳn chết bất cứ cách nào. Trật tự và hoà điệu khởi lên từ cõi hỗn mang nguyên thủy, như huyền thoại kể cho chúng ta, hoà trộn cuộc đời chúng ta với mục đích ở trên chúng ta, một mục đích mà chúng ta sẽ hiển mình cho khi chúng ta viên thành ý thức chúng ta. Sự dâng hiến này được thể hiện trên lễ đài sáng tạo. Cái chúng ta sáng tạo ra bằng tay và lưỡi vô giá trị, chỉ cái chúng ta sáng tạo ra bằng cuộc đời chúng ta mới đáng kể. Chỉ khi nào chúng ta khiến mình trở thành một phần của sự sáng tạo, lúc đó chúng ta mới bắt đầu sống. Không phải cái chết mà chính là sự sống thách thức chúng ta ở mỗi bước đường. Chúng ta đã tôn kính những kẻ ngẫu nhiên cái chết *ad nauseam*, nhưng còn về những kẻ chấp nhận sự thách thức của cuộc đời thì sao? Chúng ta tôn kính những người này bằng cách

nào? Từ Lucifer tới Phản vương có một ngọn lửa đam mê bốc cháy mà con người luôn luôn tôn kính chừng nào hấn chỉ là một con người; chính vì chống đam mê, ngọn lửa của cuộc đời này, mà chúng ta phải đối kháng sự chấp nhận thanh thản của kẻ giác ngộ. Người ta phải đi qua ngọn lửa để biết thế nào là cái chết và ghi ôm nó. Sức mạnh của kẻ phản kháng, kẻ tội lỗi, nằm trong sự cứng cỏi của hấn, nhưng sức mạnh đích thực nằm trong sự tuân phục cho phép người ta dâng hiến cuộc đời mình, bằng lòng sùng kính, cho một cái gì vượt quá mình. Sức mạnh của kẻ này đưa tới cô lập bất lực, trong khi sức mạnh của kẻ kia đưa tới đoàn kết, sự phong phú bền lâu.

Nhưng đam mê luôn luôn có *raison d'être* ^[6] của nó, và lòng đam mê của kẻ sáng tạo, khiến cuộc sống của hấn trên mặt đất thành một cuộc Đón đỉnh trên cây Thập tự. Lòng đam mê đó lên đến cao độ của nó trong khổ nạn của một đấng Christ, kẻ nhập thể mọi nỗi thống khổ của con người. Lòng đam mê của thi sĩ là kết quả của viễn tượng của hấn, của khả năng nhìn cuộc đời trong tinh thể và toàn thể của nó. Một khi viễn tượng này tan tác hay xáo trộn, đam mê này sẽ trôi đi. Trong lãnh vực nghệ thuật chúng ta hoàn toàn đi tới tận cùng của đam mê. Dù chúng ta còn tiếp tục khu trục những vĩ nhân sáng tạo thì tác phẩm của họ vẫn còn nằm như những mộ chí ngả nghiêng giữa những huy hoàng hãy còn nguyên vẹn, hãy còn đứng thẳng của thời cổ xưa. Mặc dầu tất cả sức mạnh của nó, xã hội không thể chịu nổi nghệ sĩ nếu nó không thấu hiểu *viễn tượng* của nghệ sĩ. Trong một thời gian dài xã hội hoàn toàn không thêm để ý tới thông điệp của nghệ sĩ. Tiếng nói đi đến trong dừng dừng cuối cùng trở thành im lặng. Trước sự hỗn loạn của xã hội, nghệ sĩ trả lời bằng anaudia. Rimbaud là người thứ nhất tỏ thái độ. Tám gương của chàng lôi cuốn chúng ta. Chúng ta đừng trông mong những đệ tử của chàng giữa những khuôn mặt văn nghệ của thời đại chúng ta, tốt hơn chúng ta nên tìm kiếm họ trong đám những kẻ tầm tối, lu mờ, giữa những người trẻ tuổi bị bắt buộc phải bóp chết thiên tài họ. Trước hết chúng ta hãy nhìn vào xứ sở Hoa Kỳ nơi thuế qua đường nặng nhất. Trong hình thức phản kháng mới này chúng ta dựa vào sự phá huỷ trứng nước. Đó là cách chắc chắn nhất để phá huỷ nền tảng toà lâu đài rung rinh của một xã hội ruồng nát. Hiệu quả của nó mau lẹ và bền lâu hơn sự tàn phá tạo ra bởi Siêu pháo đài. Nếu thân phận của thi sĩ là không có nơi, không có phần, trong sự ra đời của một trật tự mới thì lúc đó hấn sẽ làm nó nổ tung ngay tại trung tâm. Sự đe dọa này không phải là tưởng tượng, nó có thực. Đó là khúc nhạc dạo đầu của

một vũ khúc của thần chết khủng khiếp hơn vũ khúc của thần chết thời Trung cổ gấp bội.

Những tinh thần sáng tạo duy nhất của thời hiện đại đều là những kẻ có chất ma quỷ; trong họ hội tụ nguồn đam mê đang trôi dạt đi. Họ đã phát kiến lại dòng đời, bữa yến tiệc thời cổ mà Rimbaud đã tìm cách khôi phục lại sự thèm khát, nhưng phương tiện cảm thông của họ đã bị cắt bỏ. *Con người không còn cảm thông nhau*, đó là thảm kịch của thời hiện đại. Xã hội từ lâu đã ngừng là một cộng đồng, nó đã bị vỡ nát thành những khối nguyên tử bất lực bơ vơ. Cái duy nhất có thể kết hợp nó – sự hiện diện và sùng bái Thượng đế - thì lại thiếu xót. Khi trong lúc thanh xuân, Rimbaud lấy phấn viết lên cửa nhà thờ: *"Thượng đế chết đi!"* chàng tự chứng tỏ gần gũi Thượng Đế hơn những sức mạnh thống trị Giáo hội. Sự kiêu căng và thách đố của chàng không bao giờ nhắm vào kẻ nghèo khó, bất hạnh, kẻ tén đồ chân chính; chàng đánh phá những kẻ thoán đoạt và giả hình, đánh phá tất cả những gì giả mạo, hư ảo, giả đạo đức và tiêu diệt đời sống. Chàng muốn trái đất lại – trở thành Thiên đàng như trước kia nó đã, như nó đang hiện hữu dưới tấm màn ảo tưởng và vô minh. Chàng hoàn toàn đứng vững với cái Thiên đàng ma quỷ được định vị trong một cõi bên kia thần thoại. Ở đây và bây giờ bằng xương thịt, như những thành phần của một tập thể vĩ đại rực hồng với lửa sống – đó là cách chàng dự liệu Đại lễ Giáng sinh trên trần gian.

"On meurt pour cela don't on peut vivre"^[7]. Đây không phải chính lời chàng nói; nhưng ý nghĩa thì là ý nghĩa của chàng. Chết nằm trong chia cách, trong xa lìa sống động. Nó không có ý nghĩa đơn thuần là ngừng hiện hữu. Một cuộc đời vô nghĩa ở trên đời này sẽ chẳng có một chút ý nghĩa nào trong cõi âm ti mai hậu. Tôi tin rằng Rimbaud hiểu rõ điều đó. Chàng chấm dứt đấu tranh trên một bình diện khác. Sự khước từ của chàng trong ý nghĩa này là một sự khẳng định. Chàng nhận thức rằng chỉ trong im lặng và bóng tối những yếu tố nghệ thuật mới có thể được phục hồi. Chàng tuân theo những luật tắc của hiện thể chàng tới cùng, đập tan mọi hình thể kể cả hình thể chàng. Ngay bước đầu văn nghiệp, chàng đã hiểu điều mà những người khác chỉ có thể hiểu cuối đường nếu có bao giờ, rằng ngôn từ thiêng liêng không còn hiệu năng nữa. Chàng nhận thức được rằng nọc độc của văn hoá đã biến đổi cái đẹp và chân lý thành xảo diệu và lường gạt. Chàng đặt cái Đẹp lên lòng và thấy nó cay đắng. Chàng từ bỏ nó. Đó là cách duy nhất chàng còn có thể tôn vinh nó. Có phải trong đáy sâu địa ngục chàng nói lại điều đó không? *"Deserreurs qu'on me souffle: magies, faux, parfums, musique pue'rile."* (Theo tôi

thì đó là câu văn ám ảnh nhất, làm bối rối nhất trong tập *Mùa địa ngục*). Khi chàng khoe rằng chàng thủ đắc đủ mọi tài năng, chàng muốn nói – *trên bình diện giả dối này!* Hoặc – với “chiếc mặt nạ văn hoá dối trá” này. Dĩ nhiên, trong lãnh vực này, chàng là một bậc thầy. Nhưng đó là lãnh vực của rối loạn, thế giới *Mamser*. Nơi đây tất cả đều có giá trị ngang nhau và do đó vô giá trị. Bạn có muốn tôi huýt gió? Bạn có muốn một *danse du ventre*? Được lắm! Bạn muốn gì cũng được, cứ việc gọi tên ra!

Tất cả mọi điều mà Rimbaud nói trong tác phẩm của chàng nhằm đề cao chân lý này, là: “chúng ta không sống giữa những sự kiện mà giữa những tư tưởng sâu xa và những biểu tượng.” Niềm bí ẩn cố hữu trong tác phẩm chàng thấm nhiễm cuộc đời chàng. Chúng ta không thể giải thích những hành động của chàng, chúng ta chỉ có thể cho phép chúng phát hiện điều chúng ta muốn biết. Chàng là một bí ẩn đối với chàng cũng như đối với những người khác, chàng bị huyền hoặc quá bởi chính những lời nói của chàng cũng như bởi cuộc sống sau này trong thế giới. Chàng kiếm tìm thế giới bên ngoài làm một nơi ẩn trốn. Một nơi ẩn trốn cái gì? Có lẽ ẩn trốn những kinh hoàng do sự sáng suốt đem lại. Chàng giống như một vị thánh đảo ngược lại. Với chàng ánh sáng tới trước, kể đó là tri thức và kinh nghiệm về tội lỗi. Tội lỗi là một sự bí ẩn đối với chàng; chàng phải khoác tội lỗi lên người, như những kẻ xưng tội ngày xưa tiếp nhận áo lông.

Chàng chạy đi, chúng ta nói. Nhưng có lẽ chàng chạy về phía một cái gì. Hiển nhiên là chàng tránh một thứ bệnh điên này chỉ để trở thành nạn nhân của một thứ bệnh điên khác. Chàng dấy dựa tìm lối ra tựa một người vùng vẫy với một cái áo quá chật. Chẳng bao lâu sau khi một thảm kịch xoay sang hướng khác thì một thảm kịch khác đã đuổi riết phủ vây chàng. Chàng là một người bị đánh dấu. “Chúng” theo đuổi chàng. Những cuộc chạy trốn đầy thi tính của chàng, tựa những giai đoạn tiến triển tiệm tiến của một trạng thái xuất thần liên tục, song song với những cuộc chạy trốn vô nghĩa xô đẩy, chàng vội vã từ góc trái đất này tới góc khác. Biết bao nhiêu lần chàng bị điệu trở về, tan nát tả tơi và thảm bại! Chàng nghỉ ngơi đủ để sửa chữa – giống như một chiếc tuần dương hạm hay một oanh tạc cơ trình sát. Sẵn sàng lăn xả vào hành động nữa. Vù! Chàng cất cánh bay về phía mặt trời. Chàng tìm kiếm ánh sáng – và hơi ám nhân loại. Nhưng thần cảm của chàng dường như đã rút hết sức nóng tự nhiên của chàng, trong máu chàng là băng rã. Chàng càng bay xa bao nhiêu, nó càng trở nên đen tối bấy nhiêu. Trái đất bị bao bọc trong

mây mê và đêm tối. Đỉnh cao tuyệt phủ di chuyển về trung tâm. Đường như số phận chàng là có cánh và bị xích chặt vào trái đất. Chàng ra công gắng sức vùng vẫy như thể muốn làm những vì sao xa thăm, chỉ để thấy mình ngập ngựa trong bùn lầy. Quả thực, chàng càng vỗ cánh bao nhiêu, càng thấy mình bị giam cầm chặt cứng bấy nhiêu vào lòng đất. Trong chàng lửa và không khí giao chiến với đất và nước. Chàng là một con chim ưng bị xích vào một mỏm đá. Những con chim nhỏ là những kẻ moi móc tìm chàng ra ăn. Thời của chàng chưa tới. Quá sớm, cái viễn tượng Giáng sinh trên trần gian này! Quá sớm, niềm hy vọng phé bỏ những thần thánh giả, những mê tín thô thiển, những thần được trị bá chứng rẻ tiền. Chủng loại của trái đất này phải làm việc một thời gian lâu dài trước khi vươn lên ánh sáng của sớm mai hồng. *Sớm mai* là một chữ nặng trĩu ý nghĩa đối với chàng... Trong thâm tâm Rimbaud đường như đã hiểu thấu. Không bao giờ chúng ta được diễn giải niềm ao ước tự do ghê gớm của chàng – đó là một niềm ao ước của một con người rủi phận! – như một ước nguyện cứu rỗi cá nhân cá nhân của chàng^[8]. Chàng nói về chủng loại Adam, biết rõ đời sống vĩnh cửu lại đánh đổi đời sống đó lấy tri thức, chính là cái chết. Nhiệt tâm ngoại đạo của chàng là lòng nhiệt thành của một tâm hồn nhớ về cội nguồn. Chàng không tìm kiếm đường trở về Thiên nhiên theo kiểu Rousseau. Không bao giờ. Chàng tìm kiếm ân sủng. Nếu chàng có thể tin tưởng được, chàng đã thuyết phục linh hồn chàng từ chối từ lâu rồi. Chính tâm hồn đã tê liệt. Những cuộc đối thoại tay đôi với em gái chàng ở nhà thương khơi lại không những vấn đề khiến đã khiến tâm hồn chàng căng thẳng suốt đời, mà còn làm sống dậy cuộc tìm kiếm. Em gái chàng tin tưởng một cách vô cùng chân thành và tự nhiên, tại sao chàng không tin tưởng? Họ không cùng một dòng máu sao? Chàng không còn hỏi em gái *tại sao* cô tin nữa, mà chỉ hỏi – *cô có tin không?* Đó là cuộc nhảy vọt mà chàng phải thu góp tất cả tàn lực để thực hiện. Đó là cuộc nhảy vọt ra khỏi mình, sự phá tán mọi trói buộc. Điều mà chàng tin tưởng không quan trọng nữa, chỉ có tin tưởng mới quan trọng. Trong một trong những cuộc xoay chiều cảm tính, đặc điểm của tác phẩm *Mùa địa ngục*, sau một cuộc bột phá say sưa trong đó chàng chủ trì rằng lý trí đã lại ra đời trong chàng, rằng chàng thấy thế giới tốt lành, chúc phúc cuộc đời, yêu thương anh em đồng loại, chàng thêm: ” *Ce ne sont plus des promesses d'enfance. Ni l'espoir d'échapper à la vieillesse et à la mort. Dieu fait ma force et je loue Dieu* ”.^[9] Thượng đế, sức mạnh của con người này không phải là một sức mạnh thần thánh Kytô giáo cũng không phải là một thần

tượng ngoại đạo. Ngài chỉ là Thượng đế, Ngài có thể đến với tất cả mọi người thuộc bất cứ chủng tộc, giống nòi hay văn hoá nào. Ngài có thể được tìm thấy ở bất cứ không gian nào, khỏi cần mất công thực hành thiền định. Ngài là chính Hoá công và sẽ còn tiếp tục tồn tại dù con người tin hay không.

Nhưng một con người càng có khả năng sáng tạo bao nhiêu, càng chắc chắn hẳn nhận thức được đáng Tạo hoá của hẳn bấy nhiêu. Những kẻ chống cưỡng lại quyết liệt nhất chỉ chứng tỏ sự hiện hữu của Ngài rõ rệt thêm bấy nhiêu. Cuộc chiến đấu chống lại cũng can trường như cuộc chiến đấu ủng hộ, sự sai biệt nằm trong sự kiện kẻ chiến đấu chống lại quay lưng lại phía ánh sáng. Hẳn đánh phá chính bóng hẳn. Chỉ khi nào bóng này khiến hẳn kiệt lực, khi cuối cùng hẳn quy ngã, thì ánh sáng lướt trên hẳn mới có thể vén lên cho hẳn thấy ánh sáng huy hoàng mà hẳn tưởng lầm là những bóng ma. Sự hàng phục này của lòng kiêu ngạo và vị kỉ đòi hỏi nơi tất cả, nhiều hay ít. Một nghệ sĩ có quyền gọi mình là một kẻ sáng tạo chỉ khi nào hẳn thẳm chấp nhận với hẳn rằng mình chỉ là một dụng cụ. “Tác giả, kẻ sáng tạo, thi sĩ! Con người này chưa hiện hữu”. Rimbaud nói như thế trong niềm kiêu hãnh của tuổi trẻ. Nhưng chàng đã phát biểu một chân lý sâu xa. Con người không sáng tạo gì bằng và bởi bản thân. Tất cả đều là thụ tạo, tất cả đều được dự liệu... tuy nhiên vẫn có tự do. Tự do ca ngợi Thượng đế. Đó là màn trình diễn cao cả nhất con người có thể đóng; khi hẳn hàng động như vậy, hẳn gần kề bên đáng Sáng tạo. Đó là sự tự do cứu rỗi của hẳn, bởi vì đó là đường lối duy nhất để nói ừ với đời sống. Thượng đế soạn hoà âm, Thượng đế điều khiển giàn nhạc. Vai trò của con người là lấy chính thân thể mình làm nên âm nhạc. Thiên nhạc, *bien entendu*, vì tất cả những thứ nhạc khác chỉ là loạn nhạc.

Chẳng bao lâu sau khi thi hài được đem lên tàu chở về, bà mẹ Rimbaud đã vội vã thu xếp ma chay. Tám hình hài khô héo, bị cưa đục của chàng, lỗ chỗ với những dấu vết hấp hối bị vùi xấp chôn nghiêng ngay lập tức. Như thể bà tránh bệnh dịch hạch. Có lẽ bà đã tẩy uế nhà cửa khi từ nghĩa trang nơi bà cùng cô em gái chàng Isabelle đi đưa đám trở về: hai người này, không ai hơn ai, đi theo xe tang. Cuối cùng, sau khi thoát khỏi “thiên tài”, bây giờ bà Rimbaud lại có thể để hết thì giờ sống yên ổn với súc vật và mùa màng, với đám lân bang nhỏ bé của đời sống tỉnh lị nhỏ bé của bà.

Thật là một bà mẹ quá đáng! Hiện thân đích thực của xuân ngọc, mê tín, kiêu căng và ngoan cố. Bất cứ khi nào kẻ thiên tài bị quấy rầy đe dọa tống vào địa ngục của chàng, bất cứ khi nào tinh thần dày vò

của chàng suy nhược, là đã có ngay bà ở đó để lấy gậy gộc đâm thọc chàng hay lấy dầu sôi đổ lên vết thương chàng. Chính bà là người đã xô đẩy chàng vào đời, bà là người đã khước từ chàng, phản bội chàng, hành hạ chàng. Bà còn đánh cắp của chàng ân huệ mà bất cứ một người Pháp nào cũng ao ước – sự vui sướng có một đám ma chu đáo.

Thân thể cuối cùng được trao cho đòi nợ, Rimbaud trở về cõi u minh, để tìm bà mẹ đích thực ở đó. Sống trên đời, chàng chỉ biết mỗi mù phù thủy đó, người đàn bà độc ác cay nghiệt đó. Cuộc phản kháng chống lại sự độc tài và xuẩn ngốc của bà đã khiến chàng trở thành một kẻ cô đơn. Bản chất tình cảm của chàng đã hoàn toàn tàn tật, chàng vĩnh viễn không thể cho hay nhận tình yêu. Chàng chỉ biết mỗi một điều là làm cách nào lấy ý chí chống lại ý chí. Giỏi lắm chàng biết xót thương nhưng không bao giờ biết yêu thương.

Trong thời tuổi trẻ của chàng chúng ta thấy chàng là một kẻ có nhiệt huyết, một người cuồng tín. Không thỏa hiệp. *Chỉ đi ngược trở lại*. Là một con người cách mạng, chàng tìm kiếm một cách tuyệt vọng một xã hội lý tưởng trong óc chàng có thể dịt cầm máu vết thương chia cách. Đó là vết thương chí tử chàng chẳng bao giờ chữa khỏi. Chàng trở thành một kẻ duy tuyệt đối, bởi vì không có gì có thể bắc cầu qua khoảng trống không giữa thực tại và lý tưởng ngoài một sự hoàn hảo trong đó mọi sai lầm và giả dối được lấp bằng. Chỉ có sự hoàn hảo mới có sự tẩy xóa khỏi ký ức một vết thương sâu hơn dòng sông cuộc đời.

Không thể thích nghi hay liên hợp, chàng thao thức tìm kiếm – chỉ để khám phá ra rằng nó không ở đây, không ở kia, không phải cái này, không phải cái kia. Chàng học được không tính của mọi sự vật. Sự thách đố của chàng là điều tích cực duy nhất còn lại trong khoảng trống không của phủ nhận mà trong đó chàng vùng vẫy chơi với. Nhưng sự thách đố không kết quả; nó phá hoại ngấm tất cả sức mạnh bên trong.

Sự phủ nhận này bắt đầu và chấm dứt với thế giới tạo vật với những kinh nghiệm *sans suite* ^[10] không mang lại một hiểu biết nào này. Mặc dù kinh nghiệm về cuộc đời của chàng lịch duyệt thế nào, nó chẳng bao giờ đi xuống đủ sâu với chàng để cho nó ý nghĩa. Bánh lái đã mất, và cả neo tàu cũng vậy. Chàng bị bắt buộc phải trôi dạt. Và do đó con tàu mắc cạn trên mỗi vũng nước nông và cồn cát, chịu trận một cách yếu đuối mọi lay lắt tàn phá của bão tố, cuối cùng bắt buộc phải tan rã từng mảnh, trở thành những miếng ván vụn trôi nổi lênhênh. Kẻ nào muốn giông buồm vượt qua biển đời phải trở thành

một nhà hàng hải; hẳn phải học tính gió và con nước, luật và biên cảnh. Một Kha Luân Bố không được xem thường luật lệ, ông mở rộng luật ra. Ông cũng chẳng giống buồm chạy về một thế giới tưởng tượng. Ông tình cờ phát kiến ra một thế giới mới. Nhưng những việc ngẫu nhiên như thế này là những kết quả chính đáng của lòng gan dạ. Lòng gan dạ này không phải là liều lĩnh mà là sản phẩm của lòng xác tín nội tâm.

Thế giới mà Rimbaud tìm kiếm khi chàng là một thanh niên là một thế giới bất khả. Chàng khiến nó trở nên tràn đầy, giàu có, rung động, huyền bí – để bù trừ cho sự thiếu thốn những đức tính này của thế giới mà chàng ra đời. Thế giới bất khả là một thế giới ngay cả thần thánh cũng không ngụ cư được; đó là lãnh địa của mộng mị mà đưa trẻ thơ tìm đến khi nó không được bú ẵm nữa. (Có lẽ đây là nơi những con bò nằm mộng, và toàn thể những súc vật kỳ lạ lảm chảm trên bờ Biển chết). Thức tỉnh, cái bất khả chỉ có thể chiếm được bằng cách tấn công, và tên đặt cho việc này là điên cuồng. Có thể tại nơi những vật chướng ngại, trong thời kỳ Công xã đẫm máu, mà Rimbaud rẽ ra khỏi con đường định mệnh hung hiểm. Chúng ta chỉ biết rằng, ở bên bờ vực thẳm, chàng quăng tất cả đi. Nhất định không phải cái đó! Chàng hàng động như một kẻ nhìn thấu suốt những điều gian trá và ảo tưởng. Chàng không sắp trở thành một kẻ bịp bợm, một kẻ khéo lợi dụng. cuộc cách mạng nào cũng rỗng tuếch và bạo động như cuộc sống khuất phục và đầu hàng thường nhật vậy thôi. Xã hội không là gì hết ngoài một tập thể gồm những kẻ ngu ngốc, côn đồ và hung ác vô vọng. Từ đó chàng sẽ không tin vào bất cứ điều gì cả ngoài mình ra. Nếu cần, chàng sẽ ăn đồ dơ của chính chàng. Từ bây giờ, chẳng bao lâu nữa sẽ khởi đầu cuộc chạy trốn, cuộc phiêu đảng vô mục đích, cuộc phiêu bạt nổi trôi vô định. Tất cả những thực tại nhơ nhớp, đê tiện đáng khinh lẽ ra chàng không có một mảy may nay trở thành đồ ăn hàng ngày của chàng. Đó là sự bắt đầu đi xuống, và chẳng có sợi chỉ mảnh nào đưa chàng ra khỏi mê cung tăm tối hết.

Sự cứu rỗi duy nhất chàng nhận thức được là tự do. Và tự do đối với chàng có nghĩa là chết chóc như sau này chàng sẽ khám phá ra. Không một ai minh giải chân lý rõ rệt hơn Rimbaud, rằng sự tự do của một cá nhân cô lập là một ảo ảnh. Chỉ có cá nhân thoát ly biết thế nào là tự do. Sự tự do này là tự do *kiếm được*. Đây là sự giải thoát tiệm tiến, một cuộc chiến đấu rộng rãi và kiên trì trong đó những ảo tưởng bị yếm trừ. Những ảo tưởng không bao giờ bị sát hại, bởi ma quái chỉ thực như những sự sợ hãi kêu gọi chúng tới. Tự

biết mình, như ngày xưa có lần Rimbaud khuyên trong *Lá thư của kẻ tiên tri thất vọng* nổi tiếng, là tự giải trừ mình khỏi ma quỷ ám ảnh mình. Giáo hội đã chẳng phát minh ra những mối kinh hoàng của tâm trí và linh hồn này, xã hội cũng chẳng tạo ra những cảm đoán quái rầy và làm phiền bức người ta. Một giáo hội bị lật đổ và một giáo hội khác được dựng lên; một hình thức xã hội này bị đào thải, một hình thức xã hội khác vươn lên. Những sức mạnh và những sự thoát ly vẫn tồn tại. Những kẻ nổi loạn chỉ tạo ra những hình thức độc tài mới. Bất cứ điều gì con người phải đau khổ như một cá thể, tất cả mọi người đều phải đau khổ như những thành phần của xã hội. (Abelard đi đến chỗ thấy rằng Thượng đế đau khổ ngay cả trước cái chết của một con thỏ.)

“Tất cả những gì chúng ta được dạy dỗ đều sai lầm”, Rimbaud quả quyết như vậy trong lúc tuổi trẻ. Chàng nói đúng, hoàn toàn đúng. Nhưng sứ mệnh của chính ta trên trái đất này là chiến đấu chống lại sự giáo huấn sai lầm bằng cách biểu lộ chân lý trong chúng ta. Ngay cả khi đơn độc một thân một mình chúng ta cũng có thể hoàn thành phép lạ. Nhưng phép lạ vĩ đại là đoàn kết mọi người trong chiều hướng giác ngộ. Chìa khoá là lòng Từ bi bác ái. Những sự dối trá, giả mạo, lường gạt, dù tàn nhẫn như thực chất của chúng, đều phải được sống hết và vượt qua toàn thể. Tiến trình tiếp diễn bằng danh từ hy sinh khắc khổ.

Chú thích.

^[1] *Chúng ta hãy hân hoan! Ta là Thượng đế, và ta đã vẽ bức hí hoạ này.* (Nietzsche viết từ dưỡng trí viện.)

^[2] *Pháp văn trong nguyên bản: đi vòng quanh thế giới – G. c. D.*

^[3] *“Điều khó khăn của tôi bây giờ là thoát khỏi mình” Nietzsche viết từ dưỡng trí viện, ký tên “Kẻ bị đóng đinh”*

^[4] *Lão Tử đã chẳng cùng nhắm đến điều đó sao?*

^[5] *Pháp văn trong nguyên bản: theo kiểu Mg G. c. D.*

^[6] *Pv: lý do hiện hữu, G. c. D.*

^[7] *Pháp văn trong nguyên bản: “Người ta chết vì cái mà nhờ đó người ta có thể sống.” G.c.D.*

^[8] *“Tôi phải có những kẻ giống tôi!” Lautréamont nói.*

^[9] *Pháp văn trong nguyên bản: “Đây không phải là những lời hứa hẹn trẻ con. Cũng không phải là hy vọng thoát khỏi tuổi già và cái chết.*

Thượng đế làm nên sức mạnh của tôi và tôi ca ngợi Thượng đế” G. c. D.

^[10] *Pháp văn trong nguyên bản: rời rạc G. c. D.*

Thời của những kẻ giết người

Dịch giả: Nguyễn Hữu Hiệu

Phần 2 (C)

Nghiên cứu về Rimbaud

Khi Rimbaud khước từ thực tại nội tại cho thực tại ngoại tại, chàng đã đặt mình vào tay những sức mạnh tăm tối cai trị trần gian. Bằng cách từ chối vượt lên thân phận trong đó chàng sinh ra, chàng đã tự khuất mình chấp nhận triều nước ứ đọng. Với chàng chiếc đồng hồ đã thực sự ngừng lại. Từ lúc đó “chàng đã hạ sát thời gian” như chúng ta nói với sự sáng suốt không suy nghĩ. Dù hoạt động thế nào, cái phong vũ biểu cũng chỉ có thể ghi nhận nỗi chán chường. Sự hoạt động của chàng chỉ làm người ta thấy rõ sự lững lờ của chàng. Chàng là thành phần của cõi hư vô trống trải mà xưa có lần chàng cố gắng bắc cầu qua bằng cái cầu vòng hoàn hảo không thực thể. Cây thang Jacob của những giấc mộng chàng, ngày xưa đông nghịt những lệnh truyền xứ và sứ giả của thế giới khác, bây giờ đã đổ gãy. Quái tượng ảo ảnh đã thắng thực thể. Quả thực, chúng đã hoàn toàn trở nên quá thực. Bây giờ chúng không còn là hư không do óc tưởng tượng đặt ra mà là những sức mạnh vật chất hoá của thực tại ám ảnh đe dọa. Chàng đã cầu đảo sự trợ giúp của những sức mạnh không chấp nhận bị đẩy ải xuống vực sâu mờ mịt nơi chúng xuất phát. Tất cả đều là vay mượn, tất cả đều do người khác làm. Chàng không còn là một diễn viên nữa mà là một tác nhân hoặc một chất xúc tác. Trong thế giới tưởng tượng, chàng có tự do vô giới hạn; trong thế giới tạo vật, chàng có sức mạnh trống rỗng, của cái trống rỗng. Bây giờ chàng không ngồi trong hội nghị của Chúa Trời cũng chẳng ngồi trong hội nghị của những Lãnh chúa: chàng ở trong lưới nhện của những Sức mạnh và Lãnh địa. Không có an bình, không ngừng nghỉ, chỉ có công việc đầu tắt mặt tối. Cô độc và nô lệ là số phận chàng. Quân đội có cần súng đạn không? Chàng sẽ cung cấp – lấy lời. Không cần biết cho bất cứ người nào muốn bắn giết. Đối với chàng chém giết và bị chém giết là một. Có chợ bán nô lệ ư? Chàng đã buôn bán cà phê, hương liệu, keo hồ, lông đà điểu, súng ống... tại sao không buôn bán nô lệ nữa? *Chàng* không bao giờ ra lệnh cho con

người giết lẫn nhau, chàng cũng chẳng bắt buộc họ làm nô lệ. Nhưng bởi *hiện trạng* là như vậy, chàng sẽ hết sức khai thác. Với một số tiền lời tốt đẹp, trong sạch, có thể một ngày kia chàng sẽ có thể rút lui và cưới một bé mồ côi.

Với chàng không có gì quá như bản, quá thối tha đến nỗi không buôn bán được. Quan hệ gì đâu. Thế giới này không còn là thế giới của chàng nữa. Không, hoàn toàn không phải. Đó là thế giới chàng đã bước ra – chỉ để đi vào bằng cửa hậu. Bây giờ tất cả trông quen thuộc làm sao! Và cả cái mùi *pourriture* ^[1] thối tha đó nữa, tại sao không, nó hoàn toàn có mùi cổ hương lưu luyến. Ngay cả cái mùi thịt ngựa cháy đặc biệt kia nữa – hay chính là mùi da chàng? Cũng quen thuộc với lỗ mũi chàng rồi. Do đó, như trong một tấm gương mờ đục, bóng ma nhập tịch nỗi nhòm tởm ghê gớm xưa kia của chàng duyệt qua trước mắt chàng. Chàng chưa bao giờ lãng nhục một linh hồn. Không, chàng không hề làm vậy. Chàng còn cố gắng làm những điều tốt đẹp nhỏ bé khi chàng có cơ hội nữa. Đúng như vậy. Cả đời chàng, chàng chẳng thu lượm được gì ngoài cái chuôi gậy bản thiêu... chẳng lẽ bây giờ chàng lại là kẻ không được phép nếu chàng cố gắng nhặt nhạnh một cái gì cho chính chàng hay sao, một chút nước chấm chảy tràn lan nhưng bao giờ cũng ở ngoài tầm tay với? Bởi thế chàng lăm bắm một mình như vậy trong lòng Abyssinie hun hút. Chỉ có con hươu cao cổ giống người trò chuyện với chàng giữa đồng cỏ cao Nam châu Phi. Bây giờ chàng rất có thể hỏi: "*Qu'est mon néant, auprès de la stupeur qui vous attend?*" Điều khiến chàng cao cả là chàng không có tim. Có gì đáng ngạc nhiên không khi một người "*sans coeur*" như chàng tự chỉ mình, có thể sống mười tám năm cuộc đời mình để ăn hết trái tim mình? Baudelaire chỉ phờ trần trái tim ông; Rimbaud móc tim mình ra và chậm rãi ăn tươi nuốt sống. Và cũng như thế, thế giới dần dần đi tới chỗ giống như thời của tai ương nguyên rủa. Những cánh chim rớt từ bầu trời xuống, chết trước khi tới đất. Dã thú phóng ra biển và nhào xuống. Cỏ xanh úa héo, hạt mầm thối hư. Thiên nhiên chiến thắng đồng hoang, cái nhìn lệch lạc của một gã keo bản và bầu trời phản chiếu sự trống rỗng của trái đất. Thi sĩ bị mắc bệnh hoang đản bởi cưới hoài trên lưng con ngựa hoang qua những ao hồ trắng nhựa đường, khói bay mù mịt, cửa đứt cổ họng nó. Hấn hoài công vỗ đôi cánh thô sơ. Hý viện thần kỳ sụp đổ và một cơn gió gầm rít xô ngã cột chống đỡ. Trừ với những mù phù thủy tàn bạo và già nua nhất, đồng hoang vô cùng hoang vắng. Tựa những quái vật có mặt và thân hình đàn bà, cánh và móng như chim, tất cả đều trang bị những móc sắt, chúng nhào vào thi sĩ. Sự

đón tiếp của chúng nồng nhiệt hơn sự đón tiếp chùm ánh sáng linh tường với vẻ Oai phong Ma quỷ của chàng. Bây giờ không còn thiếu thứ gì để trang bị đầy đủ buổi hoà tấu địa ngục mà ngày xưa chàng đã đòi hỏi.

Est-ce la vie encore? Qui sait? On est à la fin, c'est tout ce qu'on peut dire. On va où l'on pèse. Oui. On y va, on y arrive. Et le bateau coule à pic...

Trong khi toan tính chinh phục con quỷ của mình (thiên thần trá hình), Rimbaud đã sống một cuộc đời mà chỉ kẻ thù truyền kiếp của chàng mới có thể đưa ra như một hình phạt vì toan tính đào ngũ. Cuộc đời đó vừa là hình bóng vừa là thực chất của đời mộng tưởng, bắt nguồn từ sự ngây thơ của chàng. Chính bản chất ngây thơ trong trắng của tâm hồn chàng đã khiến chàng bất khả thích nghi với xã hội và, đặc biệt, đưa chàng tới một hình thức điên cuồng mới – ước vọng thích nghi hoàn toàn, rập theo khuôn mẫu hoàn toàn. Nó cũng tương tự như chủ trương tuyệt đối nỗ tung qua cái vỏ phủ nhận tiêu cực ngày xưa. Tranh chấp nhị nguyên thiên thần – ác quỷ mà chàng thấy không có cách nào giải quyết, đã trở nên cố định. Giải pháp duy nhất là sự hoà tan bằng số lượng. Không thể trở thành chính mình, chàng có thể trở thành vô lượng cá thể. Từ lâu Jacob Boehme đã diễn tả điều đó khi viết: "Kẻ nào không chết trước khi hấn chết, sẽ diệt vong khi hấn chết." Đó là định mệnh đương đầu với con người hiện đại: chôn chân trong triều nước lũ, hấn không có thể chết mà chỉ bở ra từng mảng, tan rã, trôi vào hư vô.

Nhưng còn một khía cạnh quá đáng khác của Rimbaud thể tục. Ao ước thủ đắc chân lý *trong hồn và xác* của chàng là khát vọng về một cõi thiên đàng hạ giới mà Blake gọi là Beulah. Nó biểu thị trạng thái ân sủng của một con người ý thức viên mãn, bằng cách chấp nhận Địa ngục của mình một cách vô điều kiện, đã khám phá ra một cõi Thiên đàng hấn sáng tạo cho riêng mình. Đó là sự phục sinh *trong xác thịt*. Điều đó có nghĩa rằng cuối cùng con người chịu trách nhiệm về thân phận mình. Rimbaud cố gắng định vị lại con người trên trái đất, trái đất này, và một cách toàn triệt. Chàng từ chối không chấp nhận một vịnh cứu của tinh thần được sáng tạo ra từ những hình hài chết. Tương tự, chàng từ chối không chấp nhận một xã hội lý tưởng hợp thành bởi những thân thể không linh hồn được vận máy từ những trung tâm chính trị hay kinh tế. Năng lực khủng khiếp này mà chàng biểu lộ qua suốt văn nghiệp của chàng chính là tinh thần sáng tạo điều động qua con người chàng. Dù chàng có từ chối Đức thánh Cha và Đức thánh Con, chàng không từ chối Thánh linh. Chính sự

sáng tạo là điều chàng tôn thờ, sự sáng tạo là điều chàng tán dương. Từ lòng nhiệt thành này nảy sinh ra sự “cần thiết phá hoại” mà đôi khi chàng ám chỉ. Không phải chàng đòi hỏi một sự phá hoại, trả thù vô có, mà là một cuộc khai quang mặt đất để cho những hạt mầm tươi tốt có thể vươn lên. Tất cả mục đích của chàng là giải thoát tinh thần tự do ngoài kiềm tỏa. Lại nữa, trong khi từ chối đặt tên, xác định hay giới hạn đáng Thượng đế chân thực, chàng nỗ lực tạo ra cái có thể gọi là khoảng chân không tuyệt đối, trong đó trí tưởng tượng của Thượng đế có thể bắt rễ. Chàng không có sự thông tục hay thân mật của những tu sĩ, những kẻ quen biết Thượng đế và trò chuyện với Ngài hàng ngày. Rimbaud biết rằng có một sự giao hảo của tinh thần với tinh thần cao viễn hơn. Chàng biết rằng sự giao hảo đó là một cuộc song thoại vô môn diễn ra trong tĩnh lặng, tôn kính và khiêm cung hoàn toàn. Về phương diện này chàng gần sự sùng thượng hơn phạm thượng rất nhiều. Chàng là ánh sáng giác ngộ của những kẻ đòi hỏi rằng sự cứu độ phải có ý nghĩa. “Khúc ca hợp lý của Thiên thần” – chẳng phải là sự tin phục vào nỗ lực trực tiếp sao? Trì hoãn là âm điệu của quỷ sứ, và liều thuốc an thần nghỉ ngơi không cố gắng luôn luôn được cấp cho cùng âm điệu trì hoãn này.

“Chán chường làm sao! Tôi đang làm gì ở đây?” Rimbaud viết trong một trong những lá thư chàng viết từ Abyssinie. “*Tôi đang làm gì ở đây?*”. Tiếng kêu tuyệt vọng đó tóm tắt tình cảnh của kẻ bị trói buộc vào trần gian. Nói về những năm lưu đày dài đằng đẳng mà Rimbaud đã tiên báo cho mình trong *Mùa địa ngục*, Edgell Rickword nhận xét: “Cái mà ông tìm kiếm khi ông đập vỡ cái vỏ nhân loại của mình là phương tiện ông dùng để chống đỡ mình trong sinh phận của lòng trong trắng trinh nguyên siêu việt, của sự cảm giác ngộ thần thánh trong đó ông vươn lên.” Nhưng người ta không đập vỡ cái vỏ nhân loại này, ngay cả trong cơn điên cuồng. Rimbaud giống một hoả diệm sơn hơn, sau khi phun ra hết lửa, trở nên tắt nguội. Nếu chàng có vươn lên là để cất lìa mình trên đỉnh cao của tuổi thanh niên. Thăng bằng trên chóp đỉnh, chàng tồn tại ở đó như một thứ *jeune Roi Soleil*. Sự khước từ trưởng thành này, như chúng ta thấy, có tính chất cao cả bi tráng. Trưởng thành thành cái gì? Chúng ta có thể tưởng tượng chàng tự hỏi mình như vậy. Thành một sự thánh nhân, đồng nghĩa với nô lệ và thiên hoạn mất đàn ông tính? Chàng đã trở bông một cách vô cùng kì diệu, nhưng – nở hoa? Nở hoa có nghĩa là tàn tạ trong hư thối rữa nát. Chàng lựa chọn chết trong nụ hoa, chết trong đọt mầm. Đó là hành động tối thượng của chiến thắng của tuổi trẻ. Chàng có thể cho phép mộng ước của mình bị tàn sát, nhưng không

thể bị ô uế nhớp nhơ. Chàng đã thoáng nhìn thấy cuộc đời trong vẻ rực rỡ và tròn đầy của nó; chàng không thể phản bội viễn tượng này bằng cách trở nên một công dân thuần hoá của thế giới. “*Cette âne égarée parmi nous tous*”^[2] - đã hơn một lần chàng mô tả chàng như thế.

Cô đơn và bơ vơ, chàng đã mang tuổi trẻ của chàng tới những giới hạn cùng cực. Không những chàng đã sử dụng lãnh vực này như nó chưa từng bị sử dụng như thế bao giờ mà chàng còn tận dụng nó nữa – ít ra, đó là tất cả những gì chúng ta biết. Đôi cánh mà chàng đã liệng bay hư nát cùng chàng trong mộ phần bao kín của con nhộng mà chàng từ chối thoát ra. Chàng đã chết giữa lòng sự sáng tạo của chính chàng, nguyên vẹn nhưng tù túng trong địa phủ u minh. Đặc tính thiếu tự nhiên này là phần đóng góp đặc biệt của chàng vào hành vi khước từ của thần thoại Bắc Âu. Nó có một hương vị ma quái, như “phần số mạng” luôn luôn có, khi bị thoán đoạt bởi quỷ dữ. Yếu tố ngưng đọng đình chỉ (tự kỷ trung tâm), là một khía cạnh khác, đem vào một nỗi sợ hãi lớn lao hơn tất cả mọi sự sợ hãi, sự mất đồng tính. Mỗi hăm dọa này, luôn luôn bám riết chàng, buộc linh hồn chàng vào niềm quên lãng mà xưa kia nó tuyệt vọng không bao giờ đạt tới. Thế giới mộng tưởng bao bọc chàng, bóp nghẹt chàng, làm chàng chết ngộp: chàng trở thành một cái xác ướp xông hương bằng chính những kỹ thuật xảo diệu của mình. Tôi thích nghĩ về Rimbaud như một Kha Luân Bố của tuổi trẻ, như một kẻ mở rộng những biên cương của một lãnh vực mới chỉ được khám phá từng phần. Tuổi trẻ chấm dứt nơi tuổi thành nhân bắt đầu, người ta thường nói vậy. Một câu nói vô nghĩa; bởi từ bước khởi đầu của lịch sử, người ta chưa bao giờ hưởng trọn giới hạn của tuổi trẻ cũng chẳng hề biết những khả thể vô biên của tuổi trưởng thành. Làm sao người ta có thể biết được vẻ rực rỡ và tròn đầy của tuổi trẻ khi tất cả năng lực của mình tiêu huỷ trong trận chiến đấu chống lại những sai lầm và giả trá của cha mẹ và tổ tiên? Phải chăng tuổi trẻ là để hao phí sức mạnh để mở vòng cùm kẹp của móng vuốt tử thần? Phải chăng tuổi trẻ chỉ có một sứ mạng duy nhất trên trái đất này là phản kháng, phá hoại, tàn sát? Phải chăng tuổi trẻ chỉ là để làm lễ vật hy sinh? Đây là những *giấc mộng* của tuổi trẻ? Phải chăng những giấc mộng đó bao giờ cũng bị coi như những sự điên rồ? Phải chăng những giấc mộng đó chỉ chứa đầy ảo tưởng? Những giấc mộng là những chồi non và nụ hoa của tưởng tượng: chúng cũng có quyền sống một đời thanh khiết chứ? Bóp nghẹt hay bóp méo những giấc mộng của tuổi trẻ là các người tàn phá kẻ sáng tạo. Nơi nào không

có tuổi trẻ đích thực, nơi đó không thể có tuổi thành nhân đích thực. Nếu xã hội đi đến chỗ giống như một tập hợp của những méo mó, thì đó không phải là công trình của những nhà giáo dục và những bậc thầy khả kính của chúng ta đó sao? Ngày nay, cũng như ngày xưa, thanh niên nào muốn sống cuộc đời mình đều không có nơi chốn xoay trở, không nơi chốn để sống tuổi trẻ của mình, trừ phi, rút lui vào tổ kén, hẩn khếp kín tất cả mọi kế hở và tự chôn sống mình. Sự mang thai của bà mẹ trái đất của chúng ta, vẫn được quan niệm là “một trái trứng trong đó chứa đựng tất cả những cái tốt lành”, đã chịu một sự biến đổi sâu xa. Trái trứng vũ trụ chứa đựng một cái lòng đỏ ung. Đó là quan niệm hiện thời của bà mẹ trần gian. Những nhà phân tâm học đi lần theo con đường nọc độc tới tận đáy lòng, nhưng để làm gì mới được chứ? Trong ánh sáng của khám phá sâu xa này, theo chỗ tôi biết, chúng ta được phép đi từ trái trứng ung này tới trái trứng thối kia. Nếu chúng ta tin điều đó, nó có thực, nhưng dù chúng ta tin nó hay không, nó vẫn là địa ngục đích thực, chất chứa tội lỗi thương đau. Người ta nói về Rimbaud rằng “chàng khinh bỉ những sự thoả mãn lớn lao nhất của thế giới chúng ta”. Chúng ta không kính phục chàng vì điều đó sao. Tại sao thối phồng địa vị của sự chết và sự suy đồi? Tại sao tạo ra những ác quỷ của phủ nhận và hư ảo mới làm gì? Hãy để xã hội chôn vùi những thầy ma thối rửa của chính nó! Chúng ta hãy có một Thiên đàng mới và một trần gian mới! – đó là ý nghĩa của cuộc nổi loạn ương ngạnh của Rimbaud.

Giống như Kha Luân Bố, Rimbaud hăng hái lên đường tìm kiếm một con đường mới dẫn về Hứa địa. Hứa địa của tuổi trẻ! Trong tuổi trẻ khốn khổ của chàng, chàng được nuôi dưỡng bằng Kinh thánh và tác phẩm Robinson phiêu lưu ký, loại sách dành cho trẻ em đọc. Một trong những cuốn sách này, một cuốn sách mà chàng đặc biệt ưa chuộng, mang tựa đề *L'Habitation du Désert*. Thật là một sự trùng hợp lạ lùng! Ngay cả khi còn là một cậu bé con, chàng đã cư trú trong miền hoang dã đó, thực chất của cuộc đời chàng. Liệu lúc đó, ngay ở thời xa xôi đó, chàng có thấy mình đứng riêng biệt và lẻ loi, bị mắc cạn trên một tảng đá ngầm, đánh mất dần tính chất văn minh của mình không nhỉ?

Nếu có người nào nhìn với cả mắt phải lẫn mắt trái thì người đó ắt hẳn phải là Rimbaud. Dĩ nhiên tôi nói tới con mắt của linh hồn. Với con mắt này, chàng có khả năng nhìn vào vĩnh cửu; với con mắt kia, chàng có khả năng nhìn vào “thời gian và tạo vật”, như nó được viết trong *The Little Book of the Perfect Life*.

“Nhưng hai con mắt này không thể làm việc cùng một lúc”, người ta

nói vậy. “Nếu linh hồn nhìn vào vịnh cửa bằng con mắt phải, thì con mắt trái lúc đó phải nhắm lại và đình chỉ công việc, và làm như thể nó chết rồi vậy.”

Rimbaud có nhắm con mắt làm lạc hay không? Chúng ta phải biện minh cho tính hay quên của chàng như thế nào nữa? Cái ngã khác mà chàng mang trên mình như một bộ giáp trụ để tranh đấu với thế giới nó có khiến chàng không thể bị thương được không? Dù có mặc áo giáp trụ như một con cua, chàng vẫn không thích hợp với Địa ngục cũng như không thích hợp với Thiên đàng trước kia. Chàng không thể cắm neo trong bất cứ hoàn cảnh nào, bất cứ lãnh vực nào; chàng có thể kiếm được chỗ đặt ngón chân mà không bao giờ có thể chiếm được một chỗ đặt cả bàn chân. Như thể bị rượt đuổi bởi những Nữ thần tóc rắn cuồng nộ, chàng đã bị xô đẩy liên miên một cách tàn nhẫn từ cực đoan này sang cực đoan kia.

Về một vài phương diện, có thể chàng là một kẻ phi Pháp quốc. Nhưng không trong cái gì chàng lại có tính chất phi Pháp hơn trong tuổi trẻ của chàng. Trong chàng còn người *gauche* ^[3], đặc điểm của tuổi trẻ mà người Pháp ghê tởm, đã phối hợp tới một mức độ phi thường. Chàng có cái vẻ lúng túng không thích hợp mà chỉ một tên man rợ Viking đứng giữa triều vua Louis XIV mới có thể sánh được. “Sáng tạo một bản chất mới và một nghệ thuật mới thích hợp” là hai tham vọng của chàng như chàng từng nói. Đối với nước Pháp thời đại chàng, những ý tưởng như thế có giá trị và có thể biện hộ như sự thờ phụng một ngẫu tượng Polynésie. Trong những lá thư viết từ Phi châu, Rimbaud đã giải thích chàng không thể sống lại cuộc sống của một người châu Âu như thế nào; chàng thú nhận rằng ngay cả ngôn ngữ châu Âu cũng xa lạ đối với chàng. Trong tư tưởng và trong cuộc đời, chàng gần gũi Đông Đảo ^[4] hơn Paris, London hay Roma. Bản chất man rợ chàng biểu lộ từ lúc còn thơ phát triển dần dần theo năm tháng; nó tự phát hiện trong những thoả hiệp và nhượng bộ của chàng nhiều hơn trong sự nổi loạn của chàng. Chàng mãi mãi là kẻ đứng bên lề, đơn thân độc mã, khinh bỉ tất cả những con đường và những phương pháp chàng bị bắt buộc phải chấp nhận. Chàng tỏ ra muốn chà đạp hơn là muốn chinh phục thế giới.

Trong khi những con bò u nằm mộng, chàng cũng mơ mộng theo, chắc chắn như vậy. Có điều chúng ta không biết chàng mơ mộng gì. Chúng ta chỉ nghe nói về những hy vọng và khấn nguyện của chàng: chúng ta biết sự khinh bỉ và chua chát của chàng mà không biết gì về sự dịu dàng khao khát của chàng. Chúng ta thấy chàng bận bịu với muôn ngàn chuyện vật vãnh thực tế và phỏng chừng rằng chàng đã

giết chết con người mộng mơ. Vâng, rất có thể chàng đã giết chết những giấc mơ của chàng – bởi những giấc mơ ấy quá vĩ đại. Cũng có thể rằng chàng giả vờ lạnh mạnh với sự xảo quyệt của một tên điên quá điên – hơn là tắt nghỉ tại những chân trời rực rỡ mà chàng đã thoát mở tung. Thực sự chúng ta biết gì về cuộc sống bên trong của chàng vào những năm cuối cùng này. Hầu như không biết gì cả. Chàng đã khép kín. Khi chàng thức tỉnh thì chỉ là để thốt ra những lời cần nhần, thở than, nguyên rủa.

Chàng mang cuộc thối lui của tuổi già nua đối lập với cuộc viễn chinh của tuổi thanh xuân. Không có ở khu vực ở giữa – trừ sự trưởng thành giả của con người văn minh. Khu vực ở giữa cũng là khu vực của giới hạn – những giới hạn hèn nhát. Không có gì đáng ngạc nhiên khi chàng nhìn những bậc thánh như những con người dũng mãnh, những vị ẩn tu như những nghệ sĩ. Họ có sức mạnh sống cách biệt thế gian, thách đố tất cả trừ Thượng đế. Họ không phải là loài sâu bọ chỉ biết cúi đầu và quỳ mọp, gật đầu trước mọi đối trá vì sợ mất sự yên ổn và an ninh của mình. Họ cũng không sợ sống một cuộc đời hoàn toàn mới mẻ! Tuy nhiên sống cách biệt thế giới không phải là ước nguyện của Rimbaud. Chàng yêu thế giới như ít người đã từng yêu. Bất cứ nơi nào chàng đi, óc tưởng tượng cũng đi trước chàng, mở tung ra những viễn ảnh huy hoàng, dĩ nhiên những viễn ảnh này bao giờ cũng trở thành ảo ảnh. Chàng chỉ quan tâm tới những vị trí (chưa biết). Đối với chàng trái đất không phải là một chỗ chết chóc dành cho những tâm hồn ăn năn, phiền não đã ngừng thở mà là tinh cầu sống động, rộn ràng, huyền bí nơi con người có thể ngự trị những vị hoàng đế, nếu họ nhận thức được điều đó. Kytô giáo đã biến nó thành một vật thăm não. Và diễn trình tiến bộ là một diễn trình chết. Vậy thì hãy quay trở lại! Hãy bắt đầu trở lại, nơi Đông phương, trong sự huy hoàng của nó, đã đứng dừng. Hãy đối diện mặt trời, chào mừng sự sống, tôn vinh phép lạ! Chàng thấy rằng khoa học đã trở thành một sự lừa phỉnh lớn lao như tôn giáo, rằng chủ nghĩa quốc gia là một sự lường gạt, giáo dục là một hình thức của phong hủy và luân lý là để dành cho lũ mọi ăn thịt người. Chàng đâm thẳng vài mắt con bò rừng bằng bất cứ ngọn giáo nhọn nào trong tay. Không một người nào có viễn quan sắc bén hơn, mục đích đích thực hơn chàng thanh niên tóc vàng óng mười bảy tuổi có đôi mắt xanh xanh ngất. *A bas les vieillards! Tout est pour ri ici.* Chàng bắn thẳng hai bên tả hữu. Nhưng chẳng bao lâu sau khi chàng hạ chúng xuống, chúng lại ngó thẳng vào mặt chàng. Chẳng ích lợi gì khi bắn những con bò câu bằng đất sét, chàng thăm nghĩ. Không,

phận sự phá huỷ cần những thứ vũ khí giết người hơn. Nhưng chàng biết lấy chúng ở đâu bây giờ? Ở kho vũ khí nào?

Chính ở tại chỗ Ác quỷ đã phải bước vào. Người ta có thể tưởng tượng ra được những lời chàng chọn: “Tiếp tục đi trên con đường này và các người sẽ tới một nhà thương điên. Các người có nghĩ rằng các người có thể giết người chết chăng? Hãy để đây cho ta, xác chết là phần thịt của ta. Và lại, các người cũng chưa bắt đầu sống. Với tài năng của các người, thế giới là của các người theo sự đòi hỏi. Điều khiến các người cao cả là các người không có tim. Tại sao kéo lê mãi cuộc đời giữa những cái thói tha, những thân ma lang thang đó?” Với câu hỏi đó chắc hẳn Rimbaud phải trả lời: *”D’accord!”* ^[5]

Chàng không thừa phí một lời nào, thật kiêu ngạo, con người vốn dĩ lý trí của chàng. Nhưng khác với Faust, kẻ xúi dục chàng, chàng quên không hỏi giá. Hoặc có lẽ vì quá bất nhẫn, chàng không thể chờ đợi để nghe thời hạn của cuộc mặc cả. Cũng có thể chàng quá ngây thơ không nghĩ rằng đã có một sự mặc cả cò kè. Bởi vì bao giờ chàng cũng ngây thơ, ngay cả như một kẻ thua mất. Chính tấm lòng trong trắng ngây thơ của chàng đưa chàng tới chỗ tin rằng có một hứa hẹn nơi tuổi trẻ ngụy trị. Chàng tin tưởng điều đó ngay cả khi tác chàng xám bạc. Ngay cả khi chàng rời trang trại ở Roche lần cuối cùng, không phải với ý tưởng chế trên một cái giường nhà thương ở Marseilles mà là lại giống buổi đến những miền đất lạ. Bao giờ khuôn mặt chàng cũng hướng về phía mặt trời. *Soleil et chair. Et à l’aube c’est le coq d’or qui chante*. Xa xa, giống như một ảo ảnh vĩnh viễn lùi lại, *les villes splendides*. Và trên bầu trời những con người của trần gian bước đi, bước đi. Tất cả mọi nơi đều là hý viện, hý viện của chàng và của những người khác: sự sáng tạo nhường sự sáng tạo, khái hoàn ca nối tiếp khái hoàn ca, vô biên nuốt trọn vô biên. *Ce n’est pas le rêve d’un hachischia, c’est le rêve d’un voyant.* ^[6]

Chàng là kẻ bị lường gạt khủng khiếp nhất mà tôi biết. Chàng đòi hỏi nhiều hơn bất cứ người nào dám cả gan và chàng nhận được vô cùng ít ỏi không xứng đáng với chàng chút nào. Bị ăn mòn bởi chính sự cay đắng và thất vọng của mình, những giấc mơ của chàng trở thành sét rỉ. Nhưng đối với chúng ta, những giấc mơ ấy mãi mãi còn trinh trắng và không lu mờ như ngày chúng ra đời. Không có một ung nhọt nào bám vào sự suy đồi thối nát chàng đã trải qua. Tất cả đều trắng xoá, lóng lánh, rung động và đầy hoạt năng, tất cả đều được thanh tẩy bởi lửa. Hơn bất cứ thi sĩ nào, chàng cư trú tại chỗ có nhược điểm gọi là trái tim. Trong tất cả những cái đồ vỡ - một tư tưởng, một hành động, một sự nghiệp, một cuộc đời – chúng ta vẫn

tìm thấy chàng Hoàng tử kiêu hùng xứ Ardennes. Cầu cho linh hồn chàng yên nghỉ!

Coda

Rimbaud ra đời vào giữa thế kỷ thứ Mười chín, ngày 20 tháng 10 năm 1854 hồi 6 giờ sáng, người ta bảo vậy. Một thế kỷ của biến động, của vật chất chủ nghĩa, và của “tiến bộ”, như chúng ta thường nói. Thời luyện tội trong tất cả mọi ý nghĩa của danh từ, và những văn gia nẩy nở vào thời kì này phản ánh điều đó một cách gở lạ. Chiến tranh và cách mạng đầy rẫy. Người ta nói rằng riêng một mình nước Nga thôi đã gây ra ba mươi cuộc chiến tranh (phần lớn là chinh phục) trong suốt thế kỷ Mười tám và Mười chín. Chẳng bao lâu sau khi Rimbaud ra đời, cha chàng đi tham dự cuộc chiến tranh Crimée. Giống như Tolstoi. Cuộc cách mạng 1848, thời gian tuy ngắn ngủi nhưng gây ra đầy hậu quả, được nối tiếp bởi Công xã đầm máu mà cậu bé Rimbaud được coi là có tham dự vào. Năm 1848 ở Mỹ châu chúng ta đang đánh nhau với người Mễ Tây Cơ, những người bây giờ đang là bạn thân nhất của chúng ta, dầu người Mễ Tây Cơ không tin chắc điều ấy lắm. Trong cuộc chiến tranh đó, Thoreau đã viết một bài diễn văn hùng danh về sự Bất phục tùng dân sự mà một ngày kia sẽ được thêm vào Bản Tuyên ngôn giải phóng – như một điều khoản bổ túc. Mười hai năm sau cuộc nội chiến^[7] bùng nổ, có lẽ đó là cuộc chiến đầm máu nhất – nhưng hãy nhìn xem chúng ta được gì. Từ năm 1847, Amiel viết *Journal Intime*. Bộ sách phân tích cặn kẽ về tâm trạng phân vân tiến thoái lưỡng nan trong đó những tinh thần sáng tạo của thời đại tìm thấy mình. Ngay những nhan đề của những tác phẩm được viết bởi những văn gia có ảnh hưởng của thế kỷ thứ 19 cũng đã mang tính chất phát hiện rồi. Tôi chỉ nêu ra một vài cuốn... *Bệnh đau tới chết* (Kierkegaard), *Mộng tưởng và cuộc đời* (Gérard de Nerval), *Ác hoa* (Baudelaire). *Những khúc ca của Maeldoror* (Lautréamont), *Sự ra đời của những bi kịch* (Nietzsche), *Con vật người* (Zola), *Đói* (Hamsun), *Những cảnh hoa nguyệt quế bị cắt lìa* (Dujardin), *Cuộc chinh phục bánh mì* (Kropotkin). *Nhìn lại đằng sau* (Edward Bellamy), *Alice trong xứ thần tiên* (Lewis Carroll), *Con rắn trong thiên đàng* (Sacher-Masoch), *Những thiên đường giả tạo* (Baudelaire), *Những tâm hồn chết* (Gogol), *Địa ngục trần gian* (Dostoievsky), *Con vịt trời* (Ibsen), *Địa ngục* (Strinberg), *Cối âm ty* (Gissing), *Trái ngược* (Huysmans)...

Tác phẩm *Faust* của Goethe chưa cổ điển lắm khi Rimbaud hỏi xin một người bạn một cuốn. Xin nhớ lại ngày chàng ra đời là ngày 20

tháng Mười năm 1854. (6 giờ sáng, giờ ma quỷ theo tây lịch). Năm sau 1855, *Lá cỏ ấn hành* lần thứ nhất, tiếp theo đó tác phẩm bị tắt cả lên án. Năm 1860 tác phẩm viết về *Les stupefiants* của Baudelaire xuất hiện, cũng tiếp theo bởi sự lên án và cấm lưu hành. Trong khi đó *Moby Dick* (1851) và *Walden* của Thoreau (1854) đã được xuất bản. Năm 1855 Gérard de Nerval tự tử, sau khi đã kéo dài đời sống một cách phi thường ở tuổi 47. Năm 1854 Kiekegaard đã hoàn tất lời cuối cùng của ông với lịch sử, trong đó ông cho chúng ta biểu tượng về “Kẻ bị hy sinh”. Đúng bốn hay năm năm trước khi Rimbaud viết xong *Một mùa địa ngục* (1873), Lautréamont đã tự ấn hành những bài thơ phạm thượng nổi tiếng của ông, “một tác phẩm của tuổi trẻ” khác, như chúng ta nói, để tránh coi những lời di chúc đau lòng này một cách nghiêm trang. (Biết bao tác giả thế kỷ Mười chín đã tự ấn hành tác phẩm đầu tay của mình một cách bí mật!). Vào năm 1888 Nietzsche viết cho Brandes rằng bây giờ ông có thể tự hào về ba độc giả của mình: Brandes, Taine và Strindberg. Năm sau ông điên và ở mãi trạng thái đó cho đến khi từ trần vào năm 1900. Thật là một người may mắn! Từ năm 1893 đến năm 1897 Strindberg đã trải qua một *crise* (khủng hoảng) như người Pháp gọi, mà ông mô tả với những hiệu quả chính trong tác phẩm *Inferno (Địa Ngục)*. Làm nhớ lại Rimbaud là tựa đề một tác phẩm khác của ông: *Chìa khoá tới thiên đàng*. Năm 1888 một cuốn sách nhỏ kỳ lạ của Dujardin ra đời, bị bỏ quên cho tới ngày gần đây. Cũng cùng năm đó, tài liệu ảo tưởng của Bellamy được ấn hành. Vào thời kỳ này Mark Twain đang ở chóp đỉnh tài năng và danh vọng, *Huckleberry Finn* đã xuất hiện năm 1884, cùng năm với tác phẩm *Miễn cưỡng* của Huysmans. Vào mùa thu năm 1891, năm Rimbaud chết Knut Hamsun đang hướng dẫn những cuộc bàn luận trong đó “quyền tối tăm và bí hiểm trong văn chương” được tranh thủ. Cũng trong năm đó, tác phẩm *New Grub Street* của Gissing được tung ra. Đó là một năm kỳ thú trong văn chương thế kỷ Mười chín, năm Rimbaud chết, nó chấm dứt một thập niên trong đó những nhà văn quan trọng của thế kỷ Hai mươi ra đời. Đây là nhan đề một vài cuốn sách xuất hiện năm 1891; những cuốn sách lạ lùng nội dung vô cùng khác biệt nhau... *Gosta Berling*, *The Light That Failed*, *The Little Midsomer*, *The Picture Of Dorian Grey*, *Les Cahiers D'André Walter*, *Le Livre De La Pitié Et De la Mort* *Adventures of Sherlock Holmes*, là. *Bas, the Fruits of Civilization, the end of sodom, Tess of d'Urbervilles, Sixtine (Roman de la vie ce're'brale)*...

Một thế kỷ của biết bao tên tuổi! Tôi xin kể thêm một số ít người mà

tôi chưa kể... Selley, Blake, Stendhal, Hegel, Fechner, Emerson, Poe, Schopenhauer, Max Stirner, Mallarme', Tchekov, Andreyev, Verlaine, Couperus, Maeterlinck, Madame Blavatsky, Samuel Butler, Claudel, Unamuno, Conrad, Bakunin, Shaw, Rilke, Stefan George, Mary Baker Eddi, Verhaeren, Gautier, Leon Bloy, Balzac, Yeats... Biết bao phản kháng, biết bao tỉnh mộng, biết bao khao khát! Không có gì ngoài khủng hoảng, ảo ảnh và viễn ảnh. Nền tảng của chính trị, luân lý, kinh tế và nghệ thuật rung chuyển. Không khí đầy những dấu báo nguy và tiên tri về sự băng hoại sắp tới – và nó tới trong thế kỷ thứ hai mươi! Đã có hai cuộc thế chiến xảy ra và còn hẹn nhiều nữa trước khi thế kỷ chấm dứt. Chúng ta đã đụng chạm tới đáy chưa? Chưa. Sự khủng hoảng tinh thần của thế kỷ Mười chín chỉ mở đường cho sự phá sản của thế kỷ Hai mươi. Đó là “Thời của những kẻ giết người”, Không còn làm lẫn được. Chính trị đã trở thành công việc của bọn côn đồ sát nhân. Loài người đang diễn hành trên bầu trời nhưng không kêu lạy Chúa trên trời; những kẻ ở dưới diễn hành về phía những người xếp hàng chờ phát chẩn. *O'est-L'aube exalte ainsi qu'un peuple de co'ombe...*

Chú thích.

[1]Pháp văn trong nguyên bản: *rác rưởi thối tha* – G.c.D.

[2]Pháp văn trong nguyên bản: *“Tám linh hồn bơ vơ giữa toàn thể chúng ta”* – G. c. D.

[3]PP trong nguyên bản: *vụng về*.

[4]Easter Island, một hòn đảo thuộc Chí Lợi trong Nam Thái bình dương, Thổ ngữ là Rapa Nui G. c. D.

[5]Pháp văn trong nguyên bản: *“Đồng ý!”* – G. c. D

[6]Pháp văn trong nguyên bản: *“Đây không phải là giấc mơ của một tay ghiền thuốc hachisch (cây gai Ả Rập hay Ấn Độ), đây là giấc mơ của một tiên tri thấu thị.”* – G. c. D.

[7]Nội chiến Hoa Kỳ - G. c. D.

Thời của những kẻ giết người

Dịch giả: Nguyễn Hữu Hiệu

Phần Kết

Hậu từ của người dịch

1.

Đúng như Napoléon đã tiên đoán, thảm kịch của thế kỷ Hai mươi chính là chính trị.

Chính trị cuốn chặt chúng ta như con rắn không ai thoát khỏi. Và vì ngay cả sự im lặng cũng là một thái độ nên tất cả mọi người đều bị bắt buộc phải bày tỏ thái độ chính trị của mình. Chính trị càng mạnh, văn hoá càng suy yếu và văn minh đi đến chỗ tự huỷ vì những sức mạnh giết người là đặc quyền của những kẻ vô văn hoá và phi văn hoá, vô ý thức và tự mãn nguy hiểm, như những lưỡi dao sắc trong tay những đứa trẻ ngang ngược. Không ai biết việc gì sẽ xảy ra nhưng tất cả đều ý thức được rằng nhân loại đang đứng trên bờ vực thẳm. Bây giờ hơn bao giờ hết, chúng ta nhận định được rằng *"tất cả những gì người ta dạy chúng ta đều sai lầm"*. Lịch sử nhân loại hai mươi lăm thế kỷ qua là lịch sử của những sai lầm tiếp nối và hậu quả là cái ngày nay chúng ta đang phải gánh chịu nên hiện tại đang như đêm đen. Một sự yên lặng chết chóc đang bao quanh chúng ta. Nhưng tiếng vó ngựa của những kỵ sỹ Apocalypse đã thoảng nghe trong gió...

2.

"Trong Rimbaud" Henry Miller viết, "tôi nhìn thấy chính tôi như trong một tấm gương soi... ngay cả ngày nay tôi vẫn có cảm tưởng rằng chàng đã nói *tất cả* cho thời đại chúng ta".

Đây không phải chỉ là thiên nhiên cứu văn học khác thường mà còn là một chương tự sự của Miller. Một thiên tài viết về một thiên tài đồng thời phát lộ mối nguy cơ đang đe dọa cuộc sống hiện tại: tiếng nói của thi sĩ bị bóp nghẹt, những giá trị nhân bản tâm linh bị chà đạp, văn hoá nằm trong tay những ông bình vôi và chính trị thuộc quyền bọn côn đồ sát nhân.

Đây là những lời bình luận bi thiết và hốt hoảng về một câu thơ tiên tri của thiên tài tuổi trẻ:

"Voici le temps des ASSASSINS."

“Đây là thời của những KẼ GIẾT NGƯỜI.”
(Rimbaud, *Illuminations*.)

3.

Sự giết người xảy ra ở khắp nơi.

“Máy bay mang lại sự chết, máy truyền thanh mang lại sự chết, súng máy mang lại sự chết, đồ hộp mang lại sự chết, máy kéo mang lại sự chết, tu sĩ mang lại sự chết, trường học mang lại sự chết, pháp luật mang lại sự chết, điện khí mang lại sự chết, hình ảnh mang lại sự chết, dao nĩa mang lại sự chết, sách vở mang lại sự chết, chính hơi thở của chúng ta mang lại sự chết, chính ngôn ngữ của chúng ta, chính tư tưởng của chúng ta, tiền bạc của chúng ta, tình yêu của chúng ta, lòng bác ái của chúng ta, sự vệ sinh của chúng ta, sự hân hoan của chúng ta cũng mang lại sự chết. Bất kể chúng ta là bạn hay thù, bất kì chúng ta gọi chúng ta là Nhật, Thổ, Nga, Pháp, Anh, Đức, hay Mĩ, bất cứ chúng ta đi tới đâu, bất cứ chúng ta soi bóng ở đâu, bất cứ ta thở ở đâu, chúng ta đều gieo rắc thuốc độc và tàn phá ở đó. Hoan hô văn minh! Hoan hô! Chúng tôi sẽ giết tất cả các anh, tất cả mọi người. Hoan hô thần chết! Hoan hô! Hoan hô! Hoan hô! (Henry Miller, *The Colossus of Mareussi*, pp 130 - 131).

4.

Những điều khủng khiếp nhất không phải là việc giết người đó mà là sự kiện tất cả chúng ta đều bị bắt buộc phải tham dự vào việc giết người, dù muốn hay không.

Chúng ta không chỉ giết người khi chúng ta gây chiến, kêu gọi cầm hờn cầm súng bắn xối xả vào những kẻ chúng ta gọi là quân thù, mà chúng ta còn giết người khi chúng ta đòi hỏi hoà bình tức khắc, khi chúng ta rao giảng tình thương, khi chúng ta biểu tình phản chiến, khi chúng ta từ chối không tham dự vào cuộc chiến. Chúng ta không chỉ giết người khi chúng ta đứng ở phía bên này hay ở phía bên kia mà ngay cả khi chúng ta đứng ở giữa hay đứng ở bên lề. Sở dĩ như vậy là vì chúng ta hoàn toàn sống trong sự chết, vì sự chết đang sống ở trong chúng ta, vì chúng ta “được nuôi dưỡng bởi những tư tưởng chết, tín điều chết, hiểu biết chết”, vì “Cuộc sống đích thực vắng mặt” (*La vraie vie est absente*) như Rimbaud nhận xét.

5.

Quả thực cuộc sống đích thực vắng mặt. Chúng ta đang ở ngoài cõi đời vì tất cả những cái chúng ta có hiện nay là gì nếu không như là

"tri thức không minh triết, tiện nghi không an ninh, lòng tin tưởng không đức tin?". Có chăng, chúng ta chỉ đặt đức tin vào bom đạn, và "chính bom đạn sẽ đáp ứng những lời cầu nguyện của chúng ta." Mặc những kẻ điên rồ đang hoà đàm, nói đến những sự bồi thường chiến tranh, trừng phạt, đường lối liên hiệp, tổng tuyển cử, tự do thương mại, ổn định và phục hồi kinh tế, chính sách hậu chiến, nhưng trong thâm tâm không một người nào tin rằng cục diện thế giới có thể sửa chữa được." Tất cả mọi người đang chờ đợi cái biến cố trọng đại, biến cố duy nhất làm chúng ta bận tâm ngày đêm: cuộc chiến tranh sắp tới." (HM, TCNKGH tr. 57) Chúng ta đã xáo trộn tất cả mọi sự. Không ai biết đạt tới sự kiểm soát bằng cách nào và ở đâu. Cặp thắng hãy còn đây, nhưng liệu chúng làm việc không? "chúng ta thấy đều thâm hiểu rằng cặp thắng sẽ không làm việc." Nhưng tất cả còn nuôi một ảo tưởng, ảo tưởng cuối cùng. Chúng ta chưa ý thức được tai hoạ sẽ xảy ra khi chúng ta hợp nhất không dám nhìn thẳng vào thực tại cũng như chưa ý thức được khả thể của sự phục sinh. Bởi lẽ đó chưa có thể HY VỌNG ĐÍCH THỰC. Tất cả việc chúng ta đang làm hiện nay là gì nếu không phải là TRIỂN HẠN CÁI KHÔNG- THỂ -TRÁNH- ĐƯỢC?

6.

Sứ mệnh của thi ca là thức tỉnh.

Một vài kẻ đã thức tỉnh, điều đó không thể chối cãi được, "Nhưng bây giờ *tất cả* đều phải thức tỉnh - và ngay lập tức – hoặc chúng ta diệt vong." (tr.63) Nhưng con người sẽ không bao giờ diệt vong mà chính là một nền văn hoá, một nền văn minh, một lẽ lối sống, cảm nghĩ hành động sẽ diệt vong.

Khuyến khích con người thể hiện một lối sống mới chính là sứ mệnh của Rimbaud. Khước từ những phương tiện đạt tới một sự tự do nhỏ bé, hạnh phúc nhỏ bé, để lao thẳng vào sự tàn lụi tự ý là sự vĩ đại của cuộc đời Rimbaud. Rimbaud đã sống cuộc đời mình như một sự cảnh tỉnh con người thời hiện đại, đó chính là ý nghĩa của cuộc nổi loạn của chàng, khi chàng bỏ thi ca đi vào cõi làm ăn buôn bán, ngày đêm bị ám ảnh bởi bạc tiền. Không, cái chúng ta cần là thực phẩm, nơi trú ẩn, áo quần – chứ không phải bạc tiền. Và cái chúng ta vô cùng thiếu không phải là một chủ nghĩa mới, một ý thức hệ mới – đã quá đủ - mà là một viễn tượng mới về thiên đàng và trần gian, một lối sống và cảm nghĩ mới, một hình ảnh mới về con người, một quan niệm mới về tội lỗi. Rimbaud khuyến khích chúng ta thăm dò những

chiều sâu của tội lỗi và chấp nhận nó, trở nên con người toàn diện và nguyên vẹn. Cần phải khiến tâm hồn trở nên dị thường. Cần phải biết tất cả mọi hình thức yêu đương, đau khổ, điên cuồng vì điều cần thiết là phải tới cái chưa biết bằng sự hỗn loạn của tất cả mọi giác quan. “Chúng ta tin vào thuốc độc. chúng ta biết cho đời chúng ta hoàn toàn mỗi ngày.” ^[8] “Vĩnh biệt ảo tưởng, lý tưởng, làm tưởng” (Adieu chimères, idéals, erreurs.) Tôi ban phúc lành cho cuộc đời. Tôi sẽ yêu anh em tôi. Đây không phải là những lời hứa hẹn trẻ con nữa. Cũng chẳng phải hy vọng thoát khỏi tuổi già và cái chết. “Hỡi những kẻ nô lệ, chớ nguyên rủa cuộc đời!” Rimbaud la lên. Hãy chấm dứt than van khóc lóc! Hãy chấm dứt khổ hình ép xác! Hãy chấm dứt sự phục tòng và đầu hàng yếu đuối hãy lật đổ những thần tượng giả và những niềm tin mù quáng vào khoa học! Hãy đả đảo những tên độc tài, mị dân, kích động quần chúng! Hãy giải phóng tinh thần, trái tim và xác thịt và chàng hối thúc chúng ta lên đường, qua những đụn cát, những núi đồi để ”chào đón sự ra đời của cần lao mới, minh triết mới, sự chạy trốn của những bạo chúa và quỷ dữ, sự chấm dứt của mê tín, và tôn sùng – như những kẻ thứ nhất – Đại lễ Giáng sinh trên trần gian!”

7.

Khi nào chúng ta mới lên đường?

Henry Miller sâu sắc siết bao khi nhận định rằng chỉ có một vấn đề, vấn đề duy nhất đối đầu với chúng ta ngày nay là chúng ta có thể trì hoãn cái không thể tránh được BAO LÂU NỮA?

Trì hoãn là âm điệu của quỷ sứ, dấu hiệu của vô minh, lý lẽ của bất lực, cội nguồn của tuyệt vọng. Vậy khi nào chúng ta lên đường biến Giáng sinh trên trần gian thành một thực tại, cử hành đám cưới giữa Thiên đàng và Địa ngục? bây giờ hay không bao giờ nữa và chúng ta không thể cũng như không được đòi hỏi một điều kiện nào cả chúng ta phải sửa soạn, bằng cách ”ca hát dưới cực hình”.

“Đói khát, gào thét, nhảy múa, nhảy múa, nhảy múa, nhảy múa!”

8.

Henry Miller tiếp nối Rimbaud, tiếp tục gửi tới những lời hối thúc khích lệ chúng ta lăn xả vào cuộc sống. Sống tràn trề, sống mãnh liệt, dù thế nào. Hãy ca hát dưới cực hình! Hãy nhảy múa trước thành La Mã bốc cháy! Hãy trôn vui những kẻ chết trong bụng! Hãy đối diện mặt trời! Chào mừng cuộc sống! Tôn vinh phép lạ!

Và đừng bao giờ kêu:

- *Hosana! (con quỳ lạy Chúa trên trời thương con)*

Nhưng:

- *Shivoham! (Ta là kẻ hưởng Chân phúc!)* vì “*hạnh phúc là định mệnh của ta*” (*Le Bonheur était ma fatalité*), niềm ăn năn của ta, con sâu gặm nhấm đời ta.

Hạnh phúc! Hàm răng bèn của nó đánh thức ta dậy khi gà gáy sáng, để đón chào một sớm mai hồng, để cảm tạ thượng đế đã cho thêm một ngày nữa để yêu thương và tạo tác, giữa cảm hờn và tàn sát xung quanh. Từ bi bác ái chính là chìa khoá mở cửa Thiên đàng. Và bao dung là điều kiện tất yếu. Ôi những mùa, ôi những lâu đài! Có tâm hồn nào không lầm sai?

O saisons, ô châteaux!

Quelle âme est sans défauts?

9.

Hạnh phúc là ở sự dâng hiến và hoà bình là một thực tại kết hợp bởi những tâm bình. Mỗi buổi mai, trong thời của những kẻ giết người chúng ta hãy gởi những tư tưởng bình an này tới cho vạn vật:

“Xin nguyện cầu cho vạn vật được hạnh phúc, xin nguyện cầu cho vạn vật được thanh bình, xin nguyện cầu cho vạn vật được hưởng chân phúc.”

Và hãy gửi những tư tưởng cảm thông này của thi sĩ W. H. Auden cho những kẻ giết người hay cộng tác trong việc giết người, tránh cho họ khỏi cô đơn trong tội ác và hình phạt của họ, cũng là tội ác và hình phạt của chúng ta; cộng nghiệp mà mỗi người phải chia sẻ và tìm cách giải thoát:

“Và bây giờ xin nguyện cầu cho những kẻ nắm được đôi chút quyền uy, nguyện cầu cho những kẻ, mà qua tay họ, chúng ta phải chịu sự độc tài tàn bạo chung của quốc gia, nguyện cầu cho những kẻ đã điều tra cặn kẽ rồi còn thẩm vấn lại, nguyện cầu cho những kẻ cấp giấy phép và ra lệnh bắt bớ cấm ngăn, nguyện cầu cho họ không đến nỗi coi chữ viết và con số thực hơn máu xương. Xin Thượng đế ban phước lành cho chúng tôi những công dân trên trần, cho chúng tôi đừng làm lẫn người với chức vụ của họ. Xin, Thượng đế cho chúng tôi luôn được sáng suốt để nhận định rằng do tính sân hận nóng nảy, hay do tật giải đãi lười biếng, do sự lạm quyền hay do lòng lo sợ tự do, do những chuyện bất công của chúng tôi mà phát sinh ra quốc gia này, quốc gia mà chúng tôi phải gánh chịu để được giải thoát và được ân xá tội lỗi của chúng tôi”

Nguyễn Hữu Hiệu

Vạn Hạnh, 20 tháng 8 năm 1971

Chú thích.

⁸ - *Nous avons foi au poison. Nous savons donner notre vie tout entière tous les jours – Illuminations.*

Nguồn: Henry Miller, *The Time of the Assassins - A Study of Rimbaud*, New Directions 1955. Bản Việt ngữ của Nguyễn Hữu Hiệu: *Thời của những kẻ giết người - Nghiên cứu về Rimbaud*. Hồng Hà, 1970. Bản điện tử do talawas thực hiện. Bản đăng trên talawas với sự đồng ý của dịch giả.

Nguồn: Talawas

Người đăng: Ct.Ly

Thời gian: 29/05/2007 9:50:45 CH